

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
TRISEDCO



MÃ CHỨNG KHOÁN DAT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023





MỤC LỤC

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị	01
Tóm tắt thông tin tài chính giai đoạn 2019 - 2023	03
Thông tin chung về công ty	05
Quá trình tăng vốn	06
Tầm nhìn – Sứ mệnh và Giá trị cốt lõi	07
Lịch sử hình thành và phát triển	09
Ngành nghề kinh doanh - Địa bàn kinh doanh	11
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức và các công ty có liên quan	13
Giới thiệu HĐQT, Ban Điều hành, Người QTCT, BKS và BKTNB	16

Định hướng phát triển năm 2024	22
Chiến lược phát triển giai đoạn 2024 – 2026	23
Phân tích SWOT	25
Kế hoạch kinh doanh 2024	27

Bối cảnh kinh tế vĩ mô và xu hướng	29
Tổng quan về thị trường cá tra và định hướng	31
Báo cáo của Hội đồng quản trị	33
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	36
Báo cáo lực lượng lao động	46

01 Tổng quan về Trisedco

02 Chiến lược phát triển

03 Tình hình hoạt động năm 2023

Mô hình quản trị và vai trò của các bên	49
Hoạt động của Hội đồng quản trị	51
Hoạt động của Ban Kiểm soát	60
Thù lao, thu nhập khác HĐQT, Ban TGD	62
Thông tin cổ phần và cơ cấu cổ đông	63
Quản trị rủi ro	65

Tổng quan về phát triển bền vững tại Trisedco	70
Quan hệ với các bên liên quan	72
Các yếu tố trọng yếu về phát triển bền vững tại Trisedco	77

Báo cáo tài chính	80
Bảng cân đối kế toán	
Bảng Kết quả hoạt động kinh doanh	
Bảng Lưu chuyển tiền tệ	
Thuyết minh báo cáo tài chính	

04 Quản trị công ty

05 Phát triển bền vững

06 Báo cáo tài chính

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý đối tác và toàn thể CB – CNV Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (Công ty Trisedco).



Ông Lê Văn Chung – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty Trisedco, tôi xin được gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý vị - những người mà đã dành nhiều tình cảm, lòng tin và tâm huyết đồng hành cùng Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản trong suốt thời gian vừa qua.

Năm 2023 kết thúc với những khó khăn, thách thức trong hoạt động kinh doanh và tính cạnh tranh của thị trường ngày càng tăng cao. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo kinh tế thế giới chỉ tăng trưởng 3%, thấp hơn mức 3,5% ở năm 2022. Rủi ro tài chính, tiền tệ còn ở mức cao, tình trạng lạm phát toàn cầu vẫn đang ở mức khá cao tại nhiều quốc gia, xung đột chính trị tại nhiều khu vực liên tục tiếp diễn khiến chuỗi cung ứng toàn cầu bị đình trệ, tạo ra sự bất ổn cho thị trường hàng hóa, gây áp lực đến nhu cầu tiêu dùng của toàn cầu, biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan tác động xấu. Các động lực tăng trưởng truyền thống của kinh tế thế giới như thương mại, đầu tư, sản xuất tiếp tục khó khăn. Các nền kinh tế lớn, đối tác thương mại, đầu tư chủ yếu của nước ta phục hồi chậm, thiếu bền vững, tăng trưởng thấp trong khi nhu cầu tiêu dùng còn yếu, hàng rào bảo hộ gia tăng.

Nói riêng về ngành Thủy Sản, năm 2023 cũng chịu ảnh hưởng từ những cuộc xung đột giữa Nga – Ukraina kéo dài, giao tranh giữa Israel –

Hamas, tình hình bất ổn tại Trung Đông khiến kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn so với dự báo, lạm phát ở nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ, người dân các nước thắt chặt chi tiêu, dẫn đến khó khăn trong hoạt động xuất khẩu từ đó dẫn đến hàng tồn kho cao. Bên cạnh đó, chi phí logistics cao gây áp lực lớn đối với hoạt động sản xuất, đặc biệt nhu cầu tiêu thụ chững lại và quy mô sản xuất bị thu hẹp. Những thách thức luôn mở ra những cơ hội với những doanh nghiệp biết tận dụng được thời cơ để tạo ra sự bứt phá khỏi giới hạn thông thường. Trong năm 2023, về mặt quản trị Trisedco tiếp tục có những nỗ lực mạnh mẽ về cải cách hệ thống quản trị, biến những áp lực từ những khó khăn của nền kinh tế nói chung thành động lực cải tổ để trở nên mạnh mẽ hơn.

Và với sự ứng phó kịp thời của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ khi phải đối mặt với những khó khăn và thách thức nhưng Trisedco vẫn đạt được những chỉ tiêu theo kế hoạch đặt ra.

Sang năm 2024, thị trường dự kiến sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều biến động khó lường, tác động mạnh hơn đến các doanh nghiệp cùng ngành.

Để chủ động ứng phó với những khó khăn và thách thức phía trước, Trisedco phải hành động quyết liệt hơn để thực hiện những nhiệm vụ sau:



- Tiếp tục khai thác tối đa những thị trường sẵn có; khai thác tốt hệ thống khách hàng; tăng độ phủ trên thị trường và nâng cao vị thế.

- Tối ưu hóa hoạt động sản xuất kết hợp với cải tiến kỹ thuật nhằm tiết giảm chi phí, hạ giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời sắp xếp hiệu quả, hợp lý đối với hoạt động cung ứng, vận chuyển.

- Đưa ra những nhận định đúng mức về thị trường hàng hóa, nguyên vật liệu để có sự chuẩn bị và ứng biến phù hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức và bộ máy hoạt động của Công ty, phát triển Công ty một cách hiệu quả và đảm bảo đáp ứng các điều kiện quy định của Công ty đại chúng và đã niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CB-CNV Trisedco cùng với quyết tâm cố gắng bật và chạy hết sức mình để cùng nhau vượt qua những khó khăn và cùng xây dựng nên một tập thể Công ty vững mạnh, nhanh chóng đạt được chỉ tiêu kế hoạch dài hạn và kế hoạch kinh doanh năm 2024 mà Đại hội đồng cổ đông đã đặt ra. Chúng tôi đề ra kế hoạch kinh doanh năm 2024 với chỉ tiêu doanh thu thuần là 3.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 100 tỷ đồng.

Chặng đường phía trước của Trisedco còn phải đối mặt với nhiều thử thách khác nhau. chúng tôi luôn mong muốn nhận được sự quan tâm, chia sẻ, tin tưởng và ủng hộ của toàn thể Quý Cổ đông. Nhận được những điều đó, cùng sự đoàn kết nỗ lực, quyết tâm và đồng hành trong các chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty từ Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB-CNV, Hội đồng quản trị đã vững tin rằng Trisedco sẽ đứng vững trước những khó khăn và gặt hái được nhiều thành tựu trong tương lai và phấn đấu trở thành một trong những công ty vững mạnh trong ngành Thủy Sản Việt Nam.

Thay mặt cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CB-CNV, tôi xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ của toàn thể Quý Cổ đông trong suốt thời gian qua và hy vọng rằng, Quý vị sẽ tiếp tục đồng hành cùng chúng tôi trên những chặng đường phát triển trong tương lai.

Chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng cảm ơn./.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

(đã ký)

LÊ VĂN CHUNG

TÓM TẮT THÔNG TIN TÀI CHÍNH
GIẢI ĐOẠN 2019 - 2023

Chỉ tiêu	2023	2022	2021	2020	2019
----------	------	------	------	------	------

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

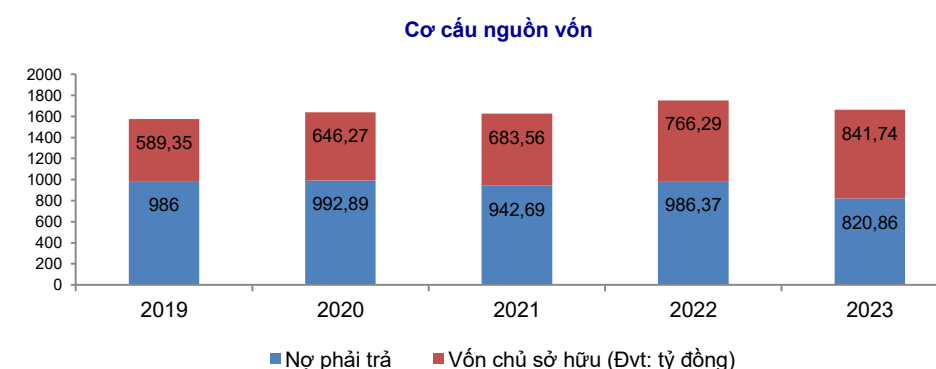
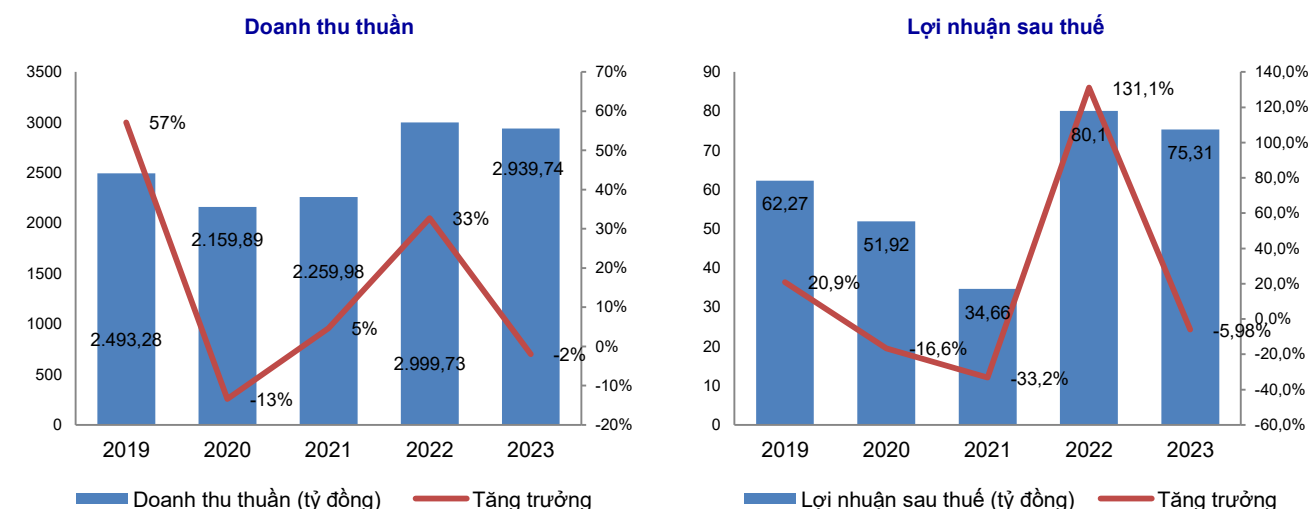
Doanh thu thuần <i>(tỷ đồng)</i>	2.939,74	2.999,73	2.259,98	2.159,89	2.493,28
Lợi nhuận gộp <i>(tỷ đồng)</i>	125,82	137,95	86,92	113,73	125,35
Lợi nhuận trước thuế <i>(tỷ đồng)</i>	83,31	88,69	39,46	57,67	69,21
Lợi nhuận sau thuế <i>(tỷ đồng)</i>	75,31	80,10	34,66	51,92	62,27

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tổng tài sản <i>(tỷ đồng)</i>	1.662,60	1.752,66	1.626,25	1.639,16	1.575,35
Nợ phải trả <i>(tỷ đồng)</i>	820,86	986,37	942,69	992,89	986,00
Vốn chủ sở hữu <i>(tỷ đồng)</i>	841,74	766,29	683,56	646,27	589,35

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)	2,56%	2,67%	1,53%	2,40%	2,50%
Thu nhập trên tổng tài sản bình quân (ROAA) (%)	4,41%	4,74%	2,12%	3,23%	4,23%
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA) (%)	9,37%	11,05%	5,21%	8,40%	11,16%



THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY



TRISEDCO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH
VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

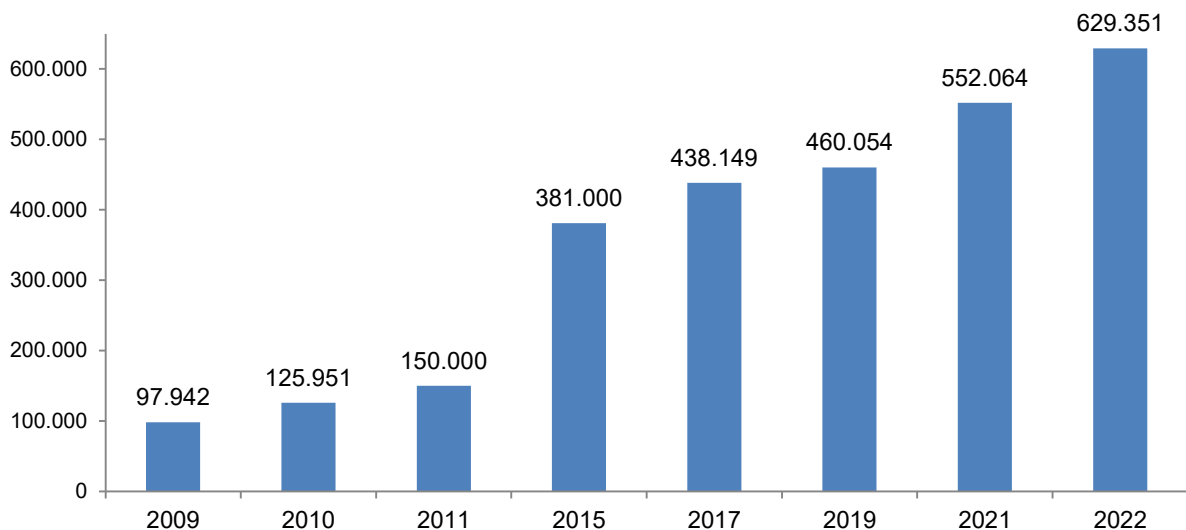
Tên giao dịch	: Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản
Tên tiếng anh	: Travel Investment And Seafood Development Corporation
Tên viết tắt	: TRI.SED.CO
Giấy chứng nhận ĐKDN số	: 1600 895 650
Địa chỉ trụ sở	: Quốc lộ 80, Cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại	: 02773 680 660
Fax	: 02773 680 660
Vốn điều lệ	: 629.351.040.000 đồng
Vốn chủ sở hữu	: 841.738.445.311 đồng (tại thời điểm 31/12/2023)
Website	: www.trisedco.com
Mã chứng khoán	: DAT
Sàn niêm yết	: HOSE
Ngày bắt đầu niêm yết	: 05/11/2015
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 62.935.104 cổ phiếu

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Tính đến 31/12/2023, Công ty đã thay đổi vốn điều lệ 09 lần, từ số vốn đăng ký ban đầu là 53.000 triệu đồng lên 629.351.000.000 triệu đồng. Công ty đã thực hiện kiểm toán vốn cũng như đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và lưu ký toàn bộ số cổ phần được tăng thêm:

- **Tăng vốn lần 1:** Tăng vốn điều lệ từ 25.228 triệu đồng lên 97.942 triệu đồng theo nghị quyết ĐHCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ/2008 ngày 15/05/2008
- **Tăng vốn lần 2:** Tăng vốn điều lệ từ 97.942 triệu đồng lên 125.951 triệu đồng theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ/2009 ngày 05/11/2009.
- **Tăng vốn lần 3:** Tăng vốn điều lệ từ 125.951 triệu đồng lên 150.000 triệu đồng theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ/2009 ngày 05/11/2009 và nghị quyết ĐHCĐ năm 2011.
- **Tăng vốn lần 4:** Tăng vốn điều lệ từ 150.000 triệu đồng lên 380.000 triệu đồng theo nghị quyết số 02/NQ.ĐHCĐ/2014 ngày 19/10/2014.
- **Tăng vốn lần 5:** Tăng vốn điều lệ từ 380.000 triệu đồng lên 381.000 triệu đồng theo nghị quyết ĐHCĐ bất thường ngày 15/01/2015.
- **Tăng vốn lần 6:** Tăng vốn điều lệ từ 381.000 triệu đồng lên 438.149 triệu đồng theo nghị quyết số 07/NQ.HĐQT-2017 ngày 16/10/2017 và nghị quyết ĐHCĐ năm 2017.
- **Tăng vốn lần 7:** Tăng vốn điều lệ từ 438.149 triệu đồng lên 460.054 triệu đồng theo Nghị quyết số 0522/NQ.HĐQT-2019 ngày 22/05/2019 và nghị quyết ĐHCĐ năm 2019.
- **Tăng vốn lần 8:** Tăng vốn điều lệ từ 460.054 triệu đồng lên 552.064 triệu đồng theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐQT ngày 14/12/2021 và nghị quyết ĐHCĐ năm 2021
- **Tăng vốn lần 9:** Tăng vốn điều lệ từ 552.064 triệu đồng lên 629.351 triệu đồng theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 21/06/2022 và nghị quyết ĐHCĐ năm 2022.

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG VỐN



TẦM NHÌN – SỨ MỆNH VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TIẾP TỤC NÂNG TẦM VỊ THẾ DOANH NGHIỆP TRÊN THỊ TRƯỜNG ĐỨNG ĐẦU VIỆT NAM CỦA NGÀNH BỘT CÁ, MỠ CÁ, CHỦ ĐỘNG HOÀN THIỆN NĂNG LỰC, SẴN SÀNG CẠNH TRANH TRONG KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ



TRISEDCO LUÔN CUNG CẤP SẢN PHẨM LÀM TỪ PHỤ PHẨM CÁ TRÁ VỚI CHẤT LƯỢNG VÀ DỊCH VỤ CAO. NÂNG CAO TẦM GIÁ TRỊ CỦA CÁ TRÁ TRÊN TOÀN THẾ GIỚI THÔNG QUA NHỮNG CẢI TIẾN LIÊN TỤC, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ CẢI THIỆN HIỆU QUẢ TRONG MỌI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.



CAM KẾT: CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN, HIỆU QUẢ



SÁNG TẠO: KHÔNG NGỪNG KHÁC BIỆT ĐỂ PHÁT TRIỂN



TRÁCH NHIỆM: LẤY TRÁCH NHIỆM, HỢP TÁC, ĐÃI NGỘ LÀM PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG



HỢP TÁC: LẤY SỰ THÀNH CÔNG CÙNG ĐỐI TÁC LÀM MỤC TIÊU LÂU DÀI



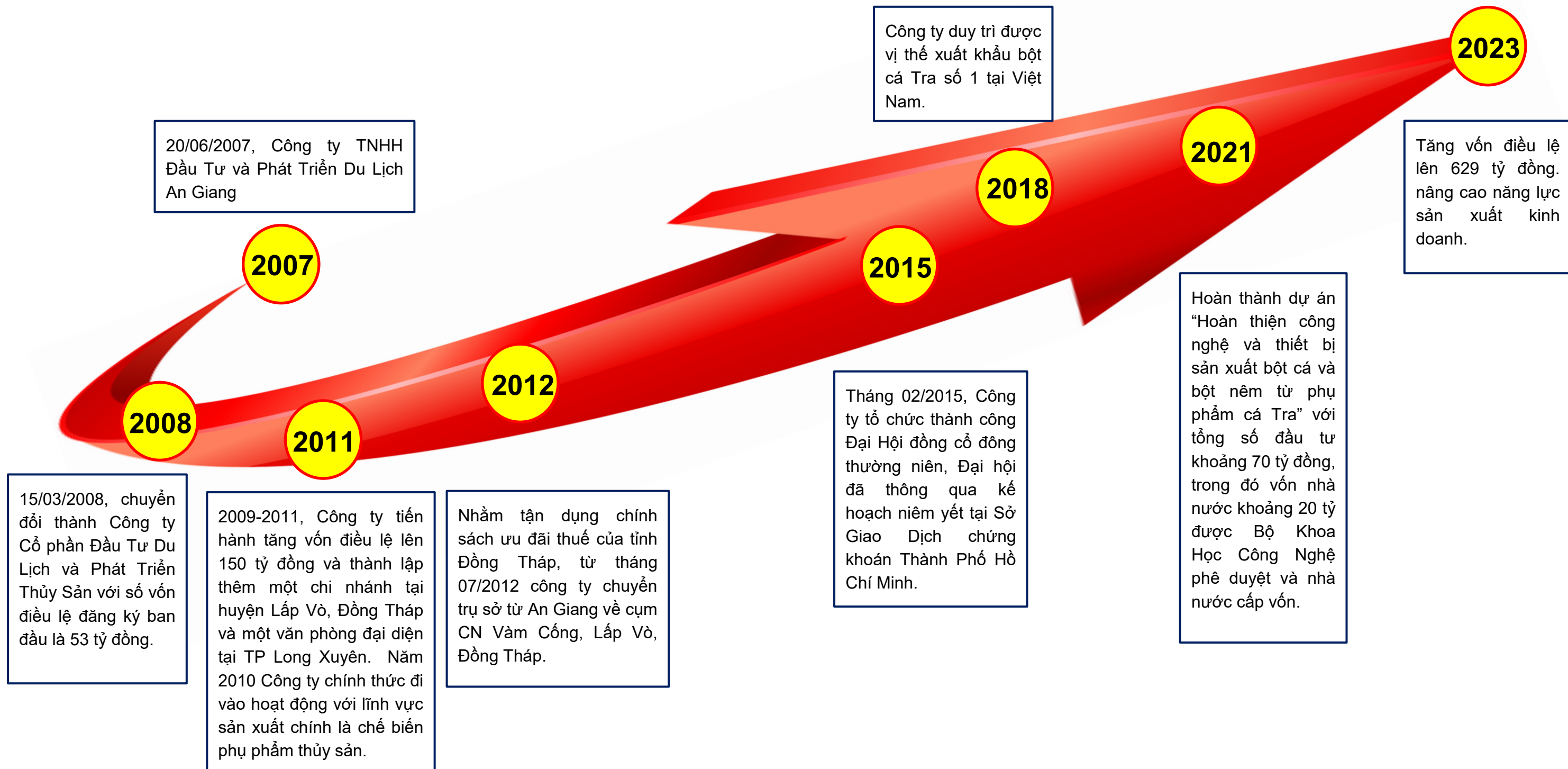
ĐẠO ĐỨC: LẤY UY TÍN, ĐẠO ĐỨC KINH DOANH LÀM NIỀM TỰ HÀO CỦA CÔNG TY



CHIA SẺ: LẤY LỢI ÍCH XÃ HỘI LÀM KHỞI SỰ CHO MỌI HOẠT ĐỘNG



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh chính: Trisedco là một trong những công ty cung cấp bột cá – mỡ cá lớn của Việt Nam và đang hướng đến mục tiêu trở thành công ty cung cấp bột cá – mỡ cá số 1 của Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Trisedco tập trung vào ba sản phẩm chính là sản xuất kinh doanh bột cá, mỡ cá và sản phẩm phụ.

BỘT CÁ



Bột cá là sản phẩm giàu đạm, được chế biến từ thịt cá, cá tạp, cá nguyên con, đầu và xương cá hay các phụ phẩm khác từ quá trình chế biến cá. Bột cá tra cung cấp chất dinh dưỡng cho động vật như nguồn đạm tối ưu và rất quý. Chất đạm của cá có đủ axit amin cần thiết trong đó có lysine, tyrosin, tryptophan, systin, methionin cao hơn thịt. Đặc biệt chất đạm trong cá tươi dễ tiêu hóa, dễ hấp thu hơn so với thịt, năng lượng, chất khoáng, vitamin... Dùng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản...

Bột Cá được sử dụng phổ biến trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc và gia cầm. Bột cá chứa nguồn protein tiêu hóa cao, acid béo chưa no và khoáng chất, rất phù hợp cho các công thức thức ăn hoàn chỉnh. Đặc biệt, Bột Cá là nguồn cung cấp omega – 3 cần thiết, tạo ra những sản phẩm có giá trị dinh dưỡng hoàn hảo.

MỠ CÁ



Mỡ cá tra – basa được dùng để sản xuất thức ăn gia súc, dầu biodiesel, dầu nhớt bôi trơn và dầu ăn giàu dinh dưỡng cho người. Mỡ cá Tra hội tụ đầy đủ chất dinh dưỡng có trong tự nhiên như: giàu protein là thành phần để sản xuất thức ăn chăn nuôi; chứa nhiều các axit béo no SFA, các axit béo không no MUFA, PUFA, Omega 3 EPA, DHA và các vitamin, Những dưỡng chất này rất quan trọng và vô cùng hữu ích để giảm Cholesterol trong máu, tốt cho tim mạch, phòng chống các bệnh mãn tính không lây và đặc biệt là tăng cường chỉ số IQ cho người già và trẻ nhỏ.

SẢN PHẨM PHỤ



Quá trình chế biến từ cá tra nguyên liệu tươi sống thành sản phẩm xuất khẩu, ngoài thành phẩm thu được còn có một lượng lớn phụ phẩm giá trị gia tăng chiếm khoảng 67% khối lượng nguyên liệu đầu vào. Lượng phụ phẩm này thông thường bao gồm: mỡ cá, bụng cá, bong bóng cá, bao tử cá...rất có giá trị dinh dưỡng cao trong những món ăn hàng ngày.

ĐỊA BÀN KINH DOANH



Hiện tại, nhà máy sản xuất đã và đang cơ cấu nhằm tối ưu công suất, năng suất, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng dài hạn của Trisedco.

Về thị trường tiêu thụ trong nước: Trisedco là nhà máy cung cấp nguyên liệu thức ăn gia súc hàng đầu của Việt Nam. Bên cạnh những đối tác chiến lược như: Tongwei Việt Nam, Hải Đại,... Trisedco hiện đang mở rộng thị trường nội địa để tìm kiếm một số đối tác mới chiến lược.

Về thị trường tiêu thụ thế giới: Trung Quốc vẫn đang là thị trường xuất khẩu bột cá chủ yếu của Trisedco. Một số khách hàng lớn của Trisedco ở Trung Quốc như: Guangdong, Guangzhou, Xiamen C&D,... Ngoài ra, Trisedco còn là đối tác chiến lược cung cấp mỡ cho Neste (Singapore). Trisedco đã và đang thực hiện chính sách phân tán rủi ro “không để trứng vào một giỏ” nên trong năm qua Trisedco cũng tích cực tìm kiếm và xây dựng thị trường sang Nhật Bản, Thái Lan,...

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
XUẤT KHẨU	165,7	210,1	410,3	383,3
Trung Quốc	137,5	169	226,7	189,5
Singapore	0	0	166,1	156,0
Nhật Bản	15,7	17,4	17,5	37,8
Khác	12,5	23,7	0	0
NỘI ĐỊA	1.994,1	2.049,9	2.584,4	2.556,5
TỔNG	2.159,8	2.260	2.995	2.939,8

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Hiện nay, Trisedco đang áp dụng mô hình quản trị theo điểm a, khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Trong đó có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát. Trường hợp này có ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

CƠ CẤU BỘ MÁY CÔNG TY

- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)** có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị và các chức năng nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

- **Hội đồng quản trị (HĐQT)** là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bầu với nhiệm kỳ không hạn chế, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty ngoại trừ phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT gồm 05 thành viên, với 04 thành viên HĐQT không điều hành. Trong số các thành viên HĐQT không điều hành có 01 Chủ tịch và 02 thành viên khác đồng thời là thành viên HĐQT độc lập. Tiểu ban trực thuộc HĐQT có Ban Kiểm toán nội bộ gồm 03 thành viên, gồm 01 Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ, 02 thành viên và 01 Người quản trị công ty kiêm thư ký.

- **Ban Kiểm soát (BKS)** là tổ chức do ĐHĐCĐ bầu ra có nhiệm vụ giám sát việc quản trị và hoạt động kinh doanh của Công ty, kiểm tra việc chấp hành điều lệ, nghị quyết, quyết định của HĐQT. BKS gồm 03 thành viên, gồm 01 Trưởng Ban Kiểm soát và 02 thành viên Ban Kiểm soát.

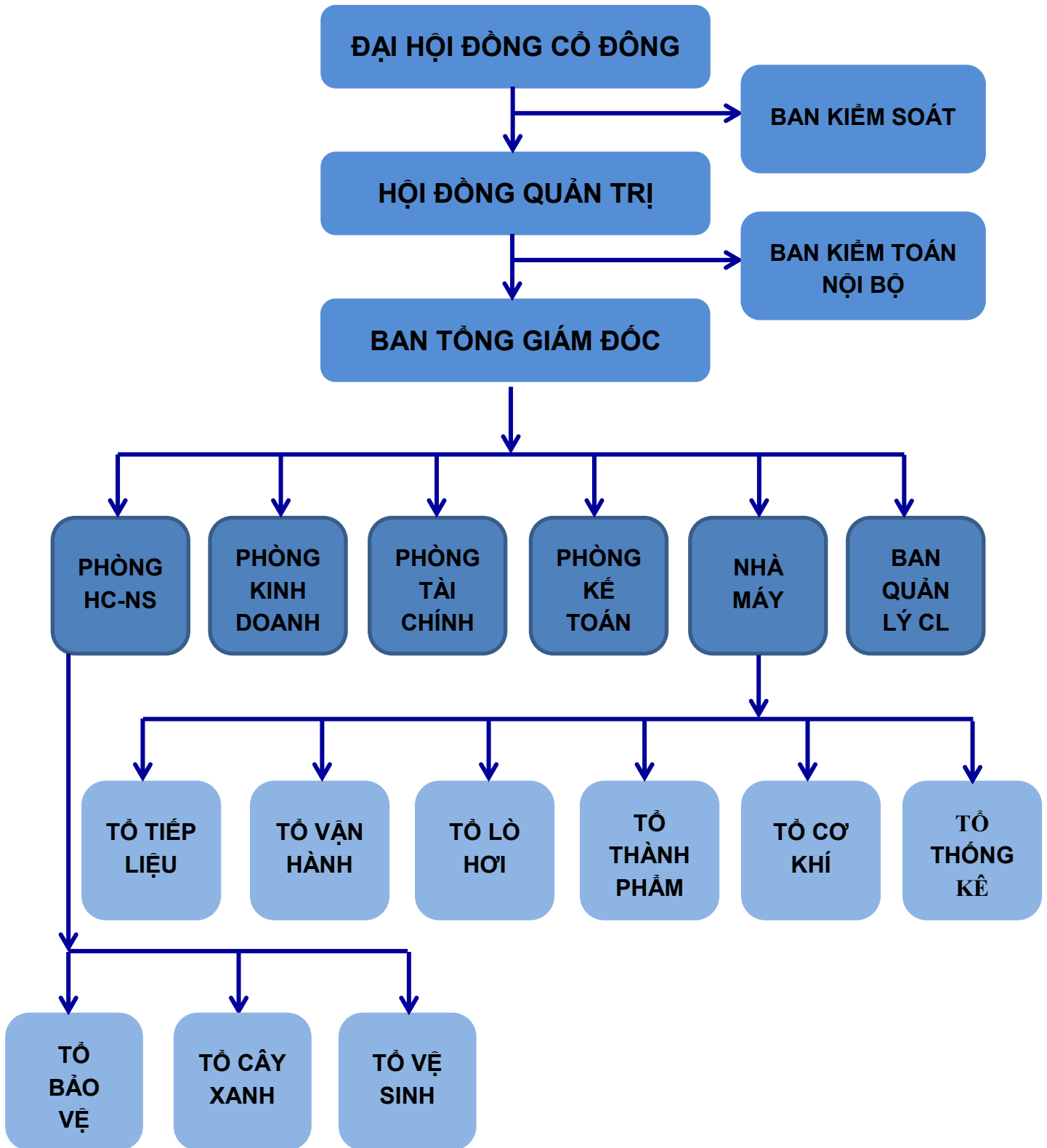
- **Ban Tổng Giám đốc (TGD)** Công ty có 03 người, gồm 01 TGD, 02 Phó TGD. TGD do HĐQT bổ nhiệm có nhiệm vụ điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật. Phó TGD giúp TGD Công ty theo sự phân công và ủy quyền của TGD, chịu trách nhiệm trước TGD và pháp luật về nhiệm vụ được ủy quyền.

- **Các khối, phòng, ban chức năng** có nhiệm vụ tham mưu cho Ban TGD về quản lý chỉ đạo trong lĩnh vực phụ trách, triển khai, cụ thể hóa công việc theo chỉ đạo của Ban TGD về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

- Xem trang bên

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC



CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

CÔNG TY NẴM GIỮ TRÊN 50% VỐN CỔ PHẦN CỦA TRISEDCO

Tên công ty	Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
Địa chỉ	QL80, CCN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp
Vốn góp vào Trisedco	498.739.460.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu	79,25%
Ngành nghề kinh doanh	Nuôi trồng, chế biến cá Tra fillet đông lạnh xuất khẩu.



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

	<p>Ông Lê Văn Chung</p> <p>Ông sinh năm 1964, tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.</p> <p>Quá trình công tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1984 – 1987, ông làm việc tại Xí nghiệp Liên Hiệp Đường Sắt Huế. - 1987 – 1991, Làm việc tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức - 1991 – 1994, Ông về Việt Nam công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc AG. - 1994 – 1997, Ông được bổ nhiệm làm Đội trưởng xây dựng Công ty Xây dựng Miền tây - Từ 1997 ông tham gia thành lập và điều hành Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang - Năm 2003, Ông tham gia thành lập và điều hành Công ty Cổ phần Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia IDI
<p>Chủ tịch HĐQT</p>	
<p>Hiện nay, Ông giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Trisedco. Ngoài ra, ông còn đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tập Đoàn Sao Mai. Ông đang nắm giữ 199.047 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,32% vốn điều lệ.</p>	

	<p>Ông Lê Thanh Thuận</p> <p>Ông sinh năm 1958, Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.</p> <p>Quá trình công tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1977 – 1979, công tác tại Sở Xây Dựng tỉnh An Giang. - 1979 – 1980, Cán bộ tại Sở Quản Lý Nhà Đất tỉnh An Giang. - 1982 – 1986, Chánh Văn Phòng Ủy Ban Xây Dựng cơ bản Nhà nước AG. - 1986 – 1992, Giám đốc Công ty Liên Doanh Kiến Trúc An Giang. - 1992 – 1995, Giám đốc xí nghiệp Xây Dựng Tây Sông Hậu thuộc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai - 1997 – 2023, Tổng Giám đốc của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sao Mai.
<p>Thành viên HĐQT</p>	
<p>Hiện nay, Ông giữ chức vụ thành viên HĐQT Trisedco. Ngoài ra, ông còn là Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia IDI. Ông đang nắm giữ 2.477.790 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 3,94% vốn điều lệ.</p>	

GỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

	<p>Ông Lê Quốc Mạnh</p> <p>Ông sinh năm 1993, tại Long Xuyên, An Giang.</p> <p>Quá trình công tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2013 – 2016, trợ lý Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI - Từ 2015 – 2017, Phó Giám đốc xí nghiệp thức ăn thủy sản thuộc Tập đoàn Sao Mai An Giang - 2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Trisedco - 04/2023 ông được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT Công ty Trisedco.
<p>Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ</p>	
	<p>Ông: Trần Hiểu</p> <p>Ông sinh năm 1953, Hải Hưng, Hưng Yên</p> <p>Quá trình công tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 1972 – 1977, tham gia chiến đấu tại chiến trường Quân Khu 6; - Tháng 06/1977, Công tác tại văn phòng Kế hoạch Ty Xây Dựng An Giang; - Tháng 10/1979, trưởng phòng Kế hoạch Công ty Vật Liệu Xây Dựng AG; - Tháng 08/1989, Trưởng phòng Tổ chức – Công trình Đô Thị An Giang; - Tháng 12/1993 – 11/1999, tự kinh doanh vật liệu xây dựng ; - Tháng 12/1999 – 2005, trưởng phòng tổ chức Công ty Nam Việt An Giang - 06/2020, được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT độc lập của Cty Trisedco
<p>Thành viên HĐQT độc lập</p>	
	<p>Bà: Hoàng Thị Thanh</p> <p>Bà sinh năm 1963, tại Thanh Hóa</p> <p>Bà được bầu là thành viên HĐQT độc lập vào tháng 06/2020.</p> <p>Trước đây bà Thanh kinh doanh tự do.</p>
<p>Thành viên HĐQT độc lập</p>	

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI QUẢN TRỊ CÔNG TY

	<p>Ông Lê Văn Lâm</p> <p>Ông sinh năm 1973, tại Triệu Sơn, Thanh Hóa.</p> <p>Quá trình công tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 1999 – 2002, Đội trưởng Đội xây dựng số 11 của Sao Mai. - Năm 2003 – 2006 Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng Miền Đông Công ty Sao Mai. - Từ năm 2006 – 2009 Phó Giám đốc Ban quản lý dự án CCN Vàm Cống – IDI - Từ năm 2010 đến tháng 09/2011 Phó Giám đốc, Giám đốc Nhà máy phụ phẩm Trisedco và Phó Tổng Giám đốc Công ty Trisedco. - Tháng 10/2011, Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Sao Mai. - Tháng 07/2018, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản.
Tổng Giám Đốc	
<p>Hiện nay, ông giữ chức vụ TGD Công ty Trisedco. Ngoài ra ông còn giữ Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhứt Hồng. Ông nắm giữ 824 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,0013% vốn điều lệ.</p>	

	<p>Ông Lê Hoàng Cường</p> <p>Ông Sinh năm 1985, tại Thạnh Đông A, Tân Hiệp, Kiên Giang.</p> <p>Quá trình công tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2008, Kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI. - 2009 – 2013: Kế toán Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai - 2013: Trưởng BKS CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI, công tác tại Phòng Tài chính Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản - 2013 – 8/2016: Giám đốc tài chính Trisedco - 8/2016 – 01/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á - 01/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Trisedco
Phó Tổng Giám Đốc	
<p>Hiện nay, Ông giữ chức vụ PTGD Công ty Trisedco. Ông đang nắm giữ 824 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,0013% vốn điều lệ.</p>	

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI QUẢN TRỊ CÔNG TY



Ông Nguyễn Gia Thuận

Ông Sinh năm 1978, tại Thạnh Thắng, Thốt Nốt, Cần Thơ

Quá trình công tác:

- Năm 2002, là Kế toán tổng hợp tại Công ty CP Đầu Tư & Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- Năm 2008 – 11/2009 ông được bổ nhiệm làm Kế toán tổng hợp tại Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI
- Từ tháng 11/2009 đến nay, giữ chức vụ Kế toán trưởng tại Công ty Trisedco.

Kế Toán Trưởng

Hiện nay, ông giữ chức Kế Toán Trưởng. Ông đang nắm giữ 660 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ.



Ông Lê Thanh Dũng

Ông Sinh năm 1990, tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa

Quá trình công tác:

- 02/2012 - 06/2015 là phó phòng Kế toán Công ty Trisedco;
- 07/2015 – 06/2016, Giám đốc Kinh doanh Khu Vực Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á;
- 07/2016 – 06/2020, Ông được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á;
- 07/2020 – 04/2021, giữ chức vụ Giám đốc tài chính tại Công ty TNHH Sao Mai Superfeed;
- 05/2021 – nay, giữ chức vụ Giám đốc tài chính tại Công ty Trisedco

Giám Đốc Tài Chính

Hiện nay, ông giữ chức GĐTC. Ông đang nắm giữ 660 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ.



Ông Phan Thiện Phú




Ông Sinh năm 1984, tại An Giang

Quá trình công tác:

- Từ 09/2006 – 12/2008: giáo viên giảng dạy tại trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật An Giang (nay là Trường Cao Đẳng nghề An Giang)
- Từ 01/2009 – 02/2017, Phó trưởng Khoa Kinh tế trường Cao đẳng nghề An Giang.
- Từ 03/2017 – 05/2017, nhân viên tài chính Công ty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản
- Từ 06/2017 – 06/2018, phó Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản
- 07/2018 đến nay, giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản
- 04/2023, ông được bổ nhiệm là người quản trị Công ty kiêm thư ký Công ty Trisedco.

Thư ký kiêm Quản trị Công ty

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

	<p>Bà Lê Thành Thủy Linh</p> <p>Bà sinh năm 1984, tại Châu Thành, Bến Tre</p> <p>Quá trình công tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2008-2009, làm việc tại Tập đoàn dệt may Việt Nam (Vinatex) - 2010-2012, làm việc tại Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Tuấn. - 2014 làm việc tại Tập đoàn Sao Mai (cán bộ phát triển sản phẩm)
<p>Trưởng Ban Kiểm soát</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2015 đến tháng 02/2017 làm việc tại Trisedco chức vụ GDKD - tháng 03 đến tháng 07/2017 làm việc tại Tập đoàn Sao Mai (Trợ lý TGD tập đoàn) - 08/2017 đến nay làm tại Công ty dầu cá Châu Á (Trợ lý TGD kiêm GDKD Công nghiệp) - Tháng 04/2023, được bổ nhiệm là thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản.
	<p>Bà Nguyễn Thị Thùy Linh</p> <p>Bà sinh năm 1990, tại Lấp Vò, Đồng Tháp</p> <p>Quá trình công tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 08/2013 đến nay, công tác tại Phòng Kinh doanh Bất Động Sản của Tập Đoàn Sao Mai. - Tháng 04/2023, được bổ nhiệm là thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản.
<p>Thành viên Ban Kiểm soát</p>	
	<p>Ông Nguyễn Hữu Dũng</p> <p>Ông sinh năm 1988, tại Đông Sơn, Thanh Hóa</p> <p>Quá trình công tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 08/2012 – 11/2013, nhân viên kỹ thuật tại Công ty CP TM và DV HTC VN; - 11/2014 - 12/2017, NV xí nghiệp chế biến thức ăn thủy sản tại Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI - 01/2018 đến nay, Công tác tại Công ty TNHH Sao Mai SuperFeed.
<p>Thành viên Ban Kiểm soát</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 04/2023, ông được bổ nhiệm là thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

**Bà Trần Thụy Thanh Thảo**

Bà Sinh năm 1989, tại Sóc Trăng.

Quá trình công tác:

- Từ năm 2003 – nay, kế toán tại CTCP Tập Đoàn Sao Mai
- Tháng 06/2020, được bổ nhiệm làm Trưởng Ban Kiểm Toán Nội Bộ.

**Trưởng Ban Kiểm
Toán Nội Bộ**

Hiện nay, bà đang nắm giữ 246 cổ phần của Công ty Trisedco.

**Ông Trần Bảo Đông**

Ông Sinh năm 1983, tại Long Xuyên, An Giang

Quá trình công tác:

- Từ năm 2007 – nay, kế toán viên tại CTCP Tập Đoàn Sao Mai, Kế toán trưởng Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát.
- Tháng 06/2020, được bổ nhiệm làm Thành viên Ban Kiểm Toán Nội Bộ.

**Thành viên Ban
Kiểm Toán Nội Bộ**

Hiện nay, ông đang nắm giữ 246 cổ phần Công ty Trisedco.

**Bà Mai Thanh Thúy Vy**

Bà Sinh năm 1995, tại Long Xuyên, An Giang

Quá trình công tác:

- 10/2017 – 05/2023 nhân viên tài chính tại Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản;
- Tháng 04/2023, được bổ nhiệm làm Thành viên Ban Kiểm Toán Nội Bộ.
- 06/2023 đến nay, phó Giám đốc tài chính tại Công ty Trisedco.

**Thành viên Ban
Kiểm Toán Nội Bộ**

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2024

Xây dựng Trisedco ngày càng vững mạnh hơn, hiệu quả hơn và trở thành một nhà cung cấp sản phẩm bột cá – mỡ cá lớn và có uy tín ở thị trường trong nước và quốc tế, tiếp tục phấn đấu đứng vị trí Top đầu các doanh nghiệp xuất khẩu bột cá – mỡ cá.

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Trong những hoạch định cho năm 2024, Ban Lãnh đạo Trisedco đánh giá môi trường kinh tế - xã hội nói chung và ngành thủy sản nói riêng sẽ có nhiều diễn biến khó đoán. Những bất ổn về kinh tế chính trị đã ngày càng lớn. Mặc dù vậy, so với tình hình chung của toàn cầu hiện nay, nền kinh tế Việt Nam có cơ sở để phục hồi nhanh hơn.

Trước tình hình đó đòi hỏi doanh nghiệp phải có nội lực vững vàng, bám sát nhu cầu thị trường, hành động chắc chắn và đạt hiệu quả.

Trisedco đã và đang chuẩn bị nguồn lực chu đáo để đảm bảo việc triển khai hoạt động kinh doanh diễn ra xuyên suốt như kế hoạch. Xét về khả năng thích ứng, Trisedco đã thực hiện rất tốt trong những năm qua nhờ kinh nghiệm hoạt động phát triển kinh doanh. Bên cạnh đó, Trisedco cũng có đề ra những kịch bản dự phòng để sẵn sàng đối phó với những biến động.

Tinh thần chung của Trisedco là sẵn sàng đương đầu và vượt qua những thử thách có thể xảy ra đến để đảm bảo thực hiện thành công các kế hoạch và chỉ tiêu đề ra.

- 1 Mục tiêu sản xuất:** đảm bảo khu vực sản xuất hoạt động an toàn, ổn định và đạt hiệu quả, quan tâm công tác vận hành sản xuất tại khu vực nhà máy sản xuất bột cá nhằm nâng cao năng lực sản xuất của Công ty.
- 2 Mục tiêu đầu tư:** tập trung xúc tiến, đầu tư máy móc dây chuyền sản xuất bột cá – mỡ cá đạt hiệu quả cao về chất lượng sản phẩm.
- 3 Mục tiêu phát triển thị trường:**
 - Thị trường xuất khẩu: không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu, xây dựng thương hiệu bột cá – mỡ cá ngày càng lớn mạnh. Xây dựng mạng lưới đối tác, khách hàng tại nhiều nước khác nhau. Nâng cao và duy trì sự ổn định tại thị trường Trung Quốc, tăng các thị phần ở các khối thị trường nổi bật như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Singapore,... Phục hồi từng bước thị trường xuất khẩu mỡ cá.
 - Thị trường nội địa: tập trung phát triển tại các nhà máy sản xuất thức ăn nội địa.
- 4 Mục tiêu doanh thu lợi nhuận:** Hoàn thành mục tiêu doanh thu 3.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 100 tỷ đồng.
- 5 Mục tiêu phát triển bền vững:**
 - Tiếp tục là một trong những doanh nghiệp đứng đầu của Việt Nam và sản xuất – chế biến bột cá – mỡ cá;
 - Phát huy thế mạnh sẵn có về chất lượng sản phẩm và các yếu tố khác;
 - Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại, nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng thương hiệu gắn bó với tiêu chuẩn chất lượng và truy xuất nguồn gốc, tăng cường năng lực quản lý từ khâu nguyên liệu chế biến xuất khẩu.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2024 -2026

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, duy trì hoạt động hiệu quả các dây chuyền sản xuất, đảm bảo hiệu quả hoạt động cao, quản lý và vận hành các dây chuyền sản xuất an toàn và đạt được hiệu quả cao.



ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ

- Nghiên cứu thị trường, xem xét đầu tư thêm các dây chuyền sản xuất bột cá, mỡ cá.
- Triển khai vận hành, chạy thử máy ly tâm tách mỡ do Châu Âu sản xuất có công suất 10.000 L/H để nâng cao hơn nữa chất lượng sản xuất mỡ cá.
- Đầu tư xây dựng kiến trúc thượng tầng và cơ sở hạ tầng phục vụ công tác quản lý, nâng cao năng lực quản lý chung và quản lý chuyên môn làm tiền đề cho việc khai thác hiệu quả nguồn lực.
- Đẩy mạnh công tác đầu tư cho hoạt động quản lý, xây dựng hệ thống lương và phúc lợi theo định hướng chuyên nghiệp và hiện đại.



PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

- Duy trì những thị phần trong nước, mở rộng và đẩy mạnh thị phần bột cá và mỡ cá trong khu vực, tạo ra giá trị gia tăng cho khách hàng bằng những sản phẩm có chất lượng, giá cả cạnh tranh và hiệu quả.
- Mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế khác để phát triển kinh doanh.
- Nghiên cứu pháp luật quốc tế, các chính sách, tận dụng chính sách ưu đãi (nếu có) khi tham gia/hợp tác cung cấp tại thị trường nước ngoài.
- Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu cũng như dịch vụ liên quan của Công ty của các hội nghị, hội chợ quốc tế.



QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ VỐN

- Thực hiện triệt để các giải pháp kiểm soát chi phí, tăng cường công tác quản trị tài chính, dòng tiền, kiểm soát ngân sách, tích cực thu hồi nợ để tăng hiệu quả hoạt động.
- Xem xét, sắp xếp nguồn vốn để khôi phục hoạt động đầu tư cho cơ sở vật chất, đảm bảo đội ngũ nhà máy hoạt động hiệu quả.
- Xây dựng kế hoạch vốn, chi phí phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn, đảm bảo huy động được mọi nguồn lực.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2024 - 2026

AN TOÀN LAO ĐỘNG



- Duy trì thành tích an toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động, gia tăng năng lực cạnh tranh, thúc đẩy sự tin tưởng hợp tác cũng như cơ hội tại các thị trường mới.
- Đảm bảo duy trì hiệu suất hoạt động các dây chuyền sản xuất bằng cách tối ưu hóa quy trình vận hành, thực hiện tốt các công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc, đáp ứng kịp thời mọi yêu cầu sản xuất.
- Tăng cường thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực và nhận thức đối với an toàn lao động cho đội ngũ vận hành nhà máy.

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NGUỒN LỰC



- Đánh giá, sàng lọc và tập trung nguồn lực để đào tạo và phát triển đội ngũ nguồn nhân lực.
- Quan tâm cải thiện điều kiện làm việc của người lao động thông qua chính sách đãi ngộ và các nhân lực giàu kinh nghiệm.

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ



Trích lập và sử dụng các quỹ phát triển khoa học và công nghệ phục vụ công tác đổi mới công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Trisedco.

ĐÀO TẠO



- Tăng cường đào tạo nguồn lực nhà máy, góp phần vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh.
- Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao tay nghề và chuyên sâu đội ngũ nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong cung cấp sản phẩm dịch vụ.

AN TOÀN MÔI TRƯỜNG



- Tuân thủ các quy định về nhận diện các khía cạnh môi trường và đánh giá tác động môi trường theo quy định của quy trình hiện hành, đặc biệt là không có thay đổi ảnh hưởng đến môi trường và định kỳ tái đánh giá hằng năm.
- Tổ chức đào tạo, hội thảo để nâng cao ý thức của người lao động về công tác bảo vệ môi trường, tăng cường kiểm tra giám sát cả định kỳ và đột xuất.

PHÂN TÍCH SWOT



- **Tầm nhìn và chiến lược phát triển rõ ràng**, với khát vọng trở thành doanh nghiệp dẫn đầu về sản xuất bột cá mỡ cá đáp ứng tiêu chuẩn của thị trường nội địa và xuất khẩu.
- **Sở hữu nguồn lực hỗ trợ mạnh**, nguồn lực tài chính, kinh doanh hiệu quả với sự hỗ trợ từ Tập đoàn Sao Mai. Trisedco có thực hiện một số dự án đầu tư hiện đại, thu hút nhiều nhân lực giỏi, đầu tư R&D và huy động vốn.
- **Đội ngũ nhân sự chủ chốt điều hành hoạt động**, gồm những người lâu năm gắn bó, có kinh nghiệm, quản lý giỏi. Đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, từng tham gia hội thảo, hội chợ thương mại lớn ở một số khu vực. Lực lượng nhân sự quý báu là nguồn động lực lớn lao để đưa cả công ty phát triển, với tinh thần luôn luôn đổi mới và sáng tạo.
- **Đối tác đồng hành**, mạng lưới khách hàng thân thiết, quan hệ các đối tác trung thành uy tín qua nhiều giai đoạn từ đó chủ động tạo được doanh thu cao từ sản phẩm tự sản xuất và sản phẩm thương mại.
- **Hệ thống quản trị** được xây dựng trên nền tảng minh bạch, chuyên nghiệp, tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị được áp dụng. Tôn chỉ quản trị nhất quán là tạo lập cơ chế thuận lợi để các cá nhân hoàn toàn chủ động, sáng tạo để phát huy tối đa tiềm năng.
- **Nguồn nguyên liệu dồi dào**, chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào do các công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai, Tập đoàn có quy trình khép kín từ con giống đến vùng nuôi cá, cá fillet xuất khẩu.
- **Cơ sở hạ tầng sản xuất** hiện đại nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế cùng với sự phát triển nhanh chóng của thị trường.
- **Công tác đầu tư** còn chậm so với tiến độ, đặc biệt là các dự án lớn còn phải được phê duyệt từ nhiều cấp.
- **Công nghệ sản xuất** có được ứng dụng là chiến lược lớn nhưng chưa khai thác tối đa hiệu quả của các chiến lược mang lại. Chưa có nhiều ứng dụng mang tính đột phá cao.
- **Sự cạnh tranh về giá và chất lượng sản phẩm** vẫn chưa chiếm ưu thế so với chất lượng bột cá biển rõ nhất về độ đậm từ các quốc gia khác như Peru, Chile,...Do đó, để cạnh tranh với bột cá biển thì bột cá Tra Việt Nam vẫn gặp rất nhiều khó khăn.
- **Thị trường xuất khẩu** hiện nay chiếm tỷ trọng lớn chủ yếu ở thị trường Trung Quốc, phụ thuộc khá lớn vào thị trường này. Do đó, cần phải đa dạng hóa thị trường xuất khẩu để phân tán sự rủi ro ở mức thấp nhất.
- **Kế hoạch Marketing và bán hàng** có được nâng cấp và cải thiện qua từng năm nhưng chưa đạt hiệu quả cao nên việc chủ động tìm khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ vẫn còn có nhiều khó khăn nhất định.
- **Việc tuyển dụng nhân lực còn chưa đáp ứng kịp nhu cầu** đang gia tăng nhanh chóng của Trisedco, số lượng nhân sự tuyển dụng chưa đủ và kịp thời nguồn lao động trực tiếp.



- **Tình hình xuất khẩu được kỳ vọng tiếp tục xu hướng tích cực** khi đại dịch Covid – 19 dần được kiểm soát trên toàn cầu. Nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc, khả năng kiểm soát đại dịch, ổn định sản xuất là lợi thế cho Việt Nam sẵn sàng đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thế giới.
- **Là thành viên của Tập đoàn Sao Mai, Trisedco có cơ hội phát triển R&D** từ các mối quan hệ hợp tác, liên doanh liên kết, nhận chuyển giao công nghệ, mua các đề tài khoa học, nghiên cứu,....
- **Chính sách nhà nước, các Hiệp định thương mại song phương mở ra** cho công ty nhiều ưu đãi và tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, nhận được sự quan tâm và đầu tư của Nhà nước, hỗ trợ cho những chương trình nghiên cứu phát triển, xúc tiến thương mại tiếp thị và quan hệ công chúng tạo nên hình ảnh tốt cho ngành bột cá trong tương lai.
- **Dung lượng thị trường ngày càng mở rộng**, nhu cầu bột cá ở thị trường Trung Quốc có thể nói là không có giới hạn. Bên cạnh đó còn có những thị trường có nhiều hứa hẹn khác như: Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore,...
- **Công nghệ mới tiếp cận** do nền kinh tế hội nhập, nhiều nhà sản xuất thiết bị, dây chuyền sản xuất tiếp cận được thị trường Việt Nam tạo điều kiện cho nguồn lực Trisedco tiếp cận với khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất mới hiện đại hơn.
- **Chưa kiểm soát được chi phí**, do giá nguyên vật liệu và chi phí sản xuất ngày càng tăng.
- **Lực lượng lao động trực tiếp bị cạnh tranh** với nhiều ngành khác nhau.
- **Các rào cản về thương mại và kỹ thuật** của các nước nhập khẩu.
- **Khó khăn trong việc kiểm soát và hạn chế nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng** do việc mở rộng kinh doanh thương mại sẽ tăng khả năng đáp ứng hàng hóa nhưng hạn chế trong việc kiểm soát hàng hóa.
- **Sự bảo hộ hàng nội địa của các nước nhập khẩu cao**, yêu cầu về chất lượng sản phẩm xuất khẩu ngày càng khó khăn.
- **Sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt** với các sản phẩm thay thế của các nước khác.
- **Các vấn đề liên quan đến môi trường và khí hậu** ảnh hưởng đến chất lượng và số lượng cá Tra, dẫn đến nhiều thách thức ở nguồn nguyên liệu đầu vào của Trisedco.
- **Ảnh hưởng của Trisedco đến giá thị trường lớn**, do Trisedco là công ty xuất khẩu bột cá Tra hàng đầu, tạo được vị thế dẫn đầu thị trường, nên việc thu mua được nguồn hàng chất lượng cao với giá rẻ gặp rất nhiều khó khăn.
- **Thị trường Trung Quốc khá tinh khôn và đoàn kết** trong việc điều tiết bột cá nhập khẩu nên lợi nhuận biên của hàng hóa này ít và tăng rất chậm.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

KẾ HOẠCH THU MUA NGUYÊN LIỆU

Công ty Trisedco thường sử dụng nguồn nguyên liệu phụ phẩm từ các công ty thành viên trong Tập đoàn Sao Mai và các đơn vị cung cấp khác có khoảng cách từ 20-30km. Trong năm 2024, các Công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai dự kiến sản xuất bình quân khoảng 10.000 tấn nguyên liệu/tháng. Do đó trong năm 2024, nguồn nguyên liệu cung cấp cho Trisedco khoảng 6.000 tấn nguyên liệu phụ phẩm/tháng.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

- Từ đầu tháng 01/2023, Trung Quốc đã dỡ bỏ hàng rào biên giới, chính sách “zero covid” mà Trung Quốc đã theo đuổi từ năm 2021 chính thức được bãi bỏ sẽ tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa. Trong khi đó Trung Quốc là quốc gia có nhu cầu lớn nhất thế giới về bột cá.

- Tình hình chiến sự Nga - Ukraina và tình hình cấm vận kinh tế giữa các nước khó có thể kết thúc trong thời gian ngắn làm cho giá dầu thế giới duy trì ở mức cao, trong khi đó, mỡ cá Tra đang là nguồn nguyên liệu lý tưởng để sản xuất Bio diesel đã tạo ra thêm nhu cầu lớn về mỡ cá bên cạnh các nhà máy thức ăn thủy sản, gia súc.



- Tình hình kinh tế thế giới suy thoái, lạm phát chưa có dấu hiệu hạ nhiệt trong thời gian ngắn đã ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng của người dân, đặt biệt là Mỹ và các nước Châu Âu. Do đó, tình hình này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng xuất khẩu của các nhà máy thủy sản và cũng sẽ ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu sản xuất của các nhà máy phụ phẩm.

KẾ HOẠCH TIÊU THỤ

Công ty lập kế hoạch chi tiết tiêu thụ về nhu cầu thị trường, dự báo giá cả,... từ đó sẽ chủ động trong việc mua, bán hàng hóa tùy theo diễn biến thị trường đảm bảo việc kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất. Hạn chế dần sự phụ thuộc vào một thị trường, bằng cách mở rộng và đa dạng thị trường xuất khẩu sang một số quốc gia khác như: Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore,... Bên cạnh đó, duy trì và phát triển thị trường truyền thống của Trisedco là Trung Quốc.



KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

DỰ KIẾN KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.000.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	0
Doanh thu thuần về BH&CCDV	3.000.000
Giá vốn hàng bán	2.836.711
Lợi nhuận gộp về BH&CCDV	163.289
Doanh thu hoạt động tài chính	38.592
Chi phí tài chính	66.943
- Trong đó: Chi phí lãi vay	58.413
Chi phí bán hàng	7.021
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.759
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	113.158
Thu nhập khác	314
Chi phí khác	1.983
Lợi nhuận khác	-1.669
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	111.489
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.489
Lợi nhuận sau thuế TNDN	100.000

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

- Tinh gọn bộ máy nhân sự nhằm giảm chi phí quản lý và khai thác tối đa nguồn nhân lực.
- Phán đoán biến động giá mua và giá bán trên thị trường là chìa khóa quan trọng để tăng tỷ suất sinh lời của bột cá, mỡ cá và các chi phí đầu vào.
- Tìm kiếm đối tác để thực hiện liên kết xuất khẩu dựa trên thế mạnh sẵn có của Trisedco, đồng thời phải tranh thủ đa dạng hóa thị trường xuất khẩu bột cá, mỡ cá để tăng doanh thu và lợi nhuận hạn chế phụ thuộc 100% vào thị trường Trung Quốc.
- Dây chuyền sản xuất bột nê-m làm từ đầu xương cá Tra đã hoàn thiện và được hội đồng khoa học thông qua sẽ cho triển khai dựa trên kết quả nghiên cứu thị trường để đưa ra thị trường mặt hàng mới là bột nê-m nhằm đa dạng hóa hàng hóa sản xuất.

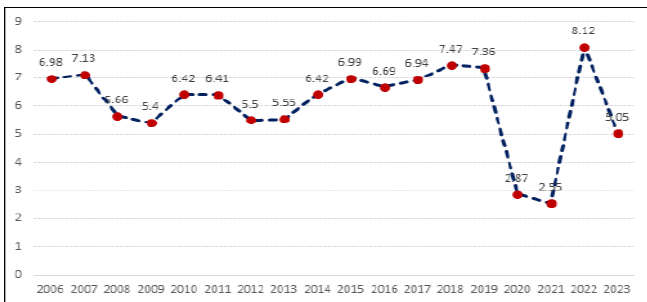


BỐI CẢNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ XU HƯỚNG 2024

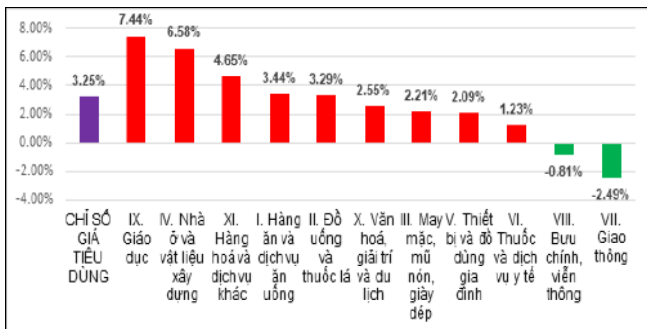
TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ 2023

Nền kinh tế Việt Nam đã trải qua năm 2023 với nhiều khó khăn và thách thức. Tuy nhiên, các nỗ lực của chính quyền trung ương và địa phương đã đem lại một số kết quả tích cực, kinh tế vĩ mô vẫn được đảm bảo ổn định, cơ sở hạ tầng không ngừng được nâng cấp, cải thiện, hợp tác quốc tế được mở rộng và đi vào chiều sâu,... Thực trạng nền kinh tế Việt Nam năm 2023:

Về tăng trưởng kinh tế: Tăng trưởng kinh tế năm 2023 ước tính đạt 5,05%, thấp hơn so với năm 2022 (8,12%) và so với mục tiêu tăng trưởng đề ra (6,5%). Nguyên nhân là do sức sản xuất của các doanh nghiệp, sức mua của người tiêu dùng chưa phục hồi vững chắc sau đại dịch COVID-19. Cùng với đó, nền kinh tế thế giới xảy ra nhiều bất ổn, chưa có dấu hiệu ổn định trở lại ảnh hưởng đến nền kinh tế nước ta vốn có độ mở cửa lớn.



Về tỷ lệ lạm phát (CPI): Năm 2023, CPI tăng 3,25% so với năm 2022. Tỷ lệ lạm phát nằm trong mục tiêu Quốc hội đề ra và duy trì ở mức thấp, ổn định trong những năm qua.

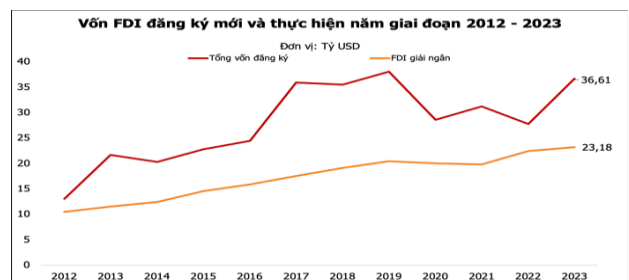


Về cán cân thương mại: Xuất khẩu hàng hoá năm 2023 ước đạt 355,5 tỷ USD, giảm 4,4% so với năm 2022 và phản ánh được nền kinh tế toàn cầu đang gặp nhiều khó khăn, thách thức. Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá năm 2023 đạt 327,5 tỷ USD, giảm 8,9% so với năm 2022.

Về chính sách tiền tệ: tăng trưởng tín dụng của toàn ngành Ngân hàng năm 2023 đạt khoảng 13,5% và mức lãi suất điều hành được liên tục điều hành giảm. Chính sách tiền tệ năm 2023 đã được điều hành linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với diễn biến của nền kinh tế. Điều này góp phần rất lớn vào ổn định kinh tế vĩ mô. Theo đó, tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức thấp và đạt mục tiêu đề ra; tỷ giá hối đoái ổn định; lãi suất được điều hành theo hướng giảm để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế; NHNN cũng tích cực giải quyết những vấn đề tồn tại từ những năm trước như việc giải quyết ngân hàng yếu kém, cơ cấu lại nợ...

Về chính sách tài khóa: tổng thu ngân sách nhà nước năm 2023 bằng 106% dự toán năm và giảm 5,4% so với năm 2022. Tổng chi NSNN bằng 83,4% dự toán năm và tăng 10,9% so với năm 2022.

Về việc thu hút FDI: Thu hút vốn FDI khởi sắc, vốn giải ngân lập kỷ lục. tổng vốn FDI đăng ký năm 2023 ước đạt 36,6 tỷ USD, tăng 32,1% so với năm 2022 nhờ một số dự án quy mô lớn từ Mỹ, Singapore, Trung Quốc, Hàn Quốc...v.v Giải ngân vốn FDI đạt 23,2 tỷ USD tăng 3,5% so với năm 2022

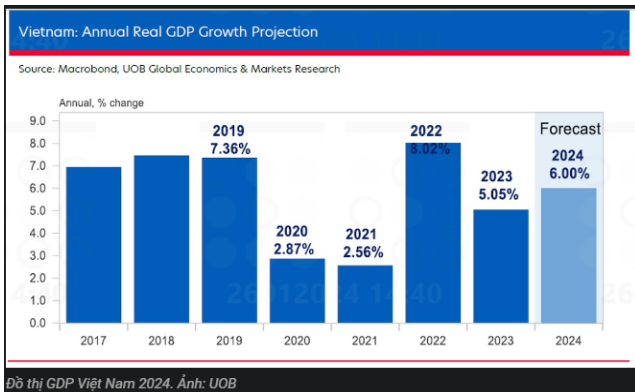


BỐI CẢNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ XU HƯỚNG 2024

TRIỂN VỌNG KINH TẾ NĂM 2024

Kinh tế thế giới được dự báo sẽ ít cải thiện so với năm 2023 khi những khó khăn, thách thức vẫn còn đang hiện hữu, đặc biệt là lạm phát và lãi suất vẫn còn cao, tác động của chính sách tiền tệ thắt chặt vừa qua, khiến rủi ro tài chính tiền tệ còn ở mức cao, đầu tư, tiêu dùng phục hồi chậm.

Đối với Việt Nam năm 2024, kinh tế vĩ mô trong nước dự báo sẽ đan xen cả thuận lợi và khó khăn, thách thức. Những thuận lợi, tích cực chính tiếp tục kéo dài từ năm 2023 sang.



Tuy nhiên kinh tế Việt Nam vẫn phải đối mặt với 08 khó khăn, thách thức gồm:

- (1) Rủi ro thách thức từ bối cảnh quốc tế vẫn hiện hữu và kéo dài;
- (2) Các động lực tăng trưởng như xuất khẩu, tiêu dùng cuối cùng, sản xuất công nghiệp, đầu tư tư nhân,... phục hồi chậm, chất lượng tăng trưởng chưa được cải thiện;
- (3) Hoạt động doanh nghiệp đối mặt với nhiều khó khăn;
- (4) Tín dụng tăng trưởng chậm;
- (5) Thu ngân sách nhà nước sau 2 năm (2021-2022) tăng khá đã đảo chiều và giảm đáng kể trong năm 2023, chủ yếu là do ngoại thương giảm, doanh nghiệp còn khó khăn, làm thu hẹp dự địa chính sách tài khóa;

(6) Cơ cấu lại nền kinh tế và các doanh nghiệp yếu kém còn chậm;

(7) Thể chế cho các động lực tăng trưởng mới còn chậm ban hành trong khi thực thi công vụ chậm do tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm vẫn còn khá phổ biến

(8) Thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản và vàng còn nhiều rủi ro.

Từ những khó khăn trên, để nền kinh tế tiếp tục ổn định và tăng trưởng ở mức cao hơn so với năm 2023 cần triển khai một số giải pháp sau:

Đối với chính sách tiền tệ: NHNN tiếp tục theo dõi diễn biến của giá cả để xem xét giảm lãi suất và điều kiện tín dụng để các doanh nghiệp và người dân tiếp cận được. Đối với xử lý nợ, NHNN tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm hỗ trợ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu thời gian trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn.

Đối với chính sách tài khóa: thực hiện các biện pháp giãn, giảm thuế; chấp nhận ở mức độ nhất định bội chi ngân sách để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trở nên bền vững.

Đối với đầu tư công: cần thúc đẩy hoàn thiện, nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ. Biện pháp này giúp nâng cao năng lực sản xuất trong dài hạn, vừa thúc đẩy đầu tư công, kích thích toàn cầu, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn và trung hạn.

Đối với chính sách khoa học và công nghệ: cần nâng cao tỷ lệ đầu tư/chỉ tiêu vào khoa học và công nghệ, nghiên cứu và phát triển (R&D) trong tổng chi ngân sách nhà nước để tổng chi cho hoạt động này trong GDP có sự gia tăng.

TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG CÁ TRA NĂM 2023 VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2024

Trisedco là nhà máy chế biến bột cá – mỡ cá từ nguyên liệu phụ phẩm cá Tra, do đó tình trạng sản xuất kinh doanh của Trisedco chịu tác động trực tiếp bởi tình hình nuôi trồng, sản xuất và tiêu thụ của các nhà máy cá Tra fillet.

TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG CÁ TRA 2023

Tình hình sản xuất cá Tra

Theo số liệu báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Hội nghị Tổng kết ngành hàng cá tra năm 2023, ước tính diện tích thả nuôi cá tra cả nước trong năm 2023 đạt khoảng 5.700ha (bằng 98% năm 2022); sản lượng khoảng 1,61 triệu tấn.

Cá tra là ngành hàng chủ lực, là sản phẩm đặc hữu của vùng ĐBSCL, có vai trò quan trọng đối với kinh tế xã hội của toàn vùng. Dựa trên những nỗ lực và kết quả đạt được trong năm 2023, ngành hàng cá tra vẫn đặt mục tiêu tham vọng cho năm 2024.

Giá cá Tra giống

Giá cá Tra giống cỡ 30 con/kg trung bình dao động trong khoảng 31.000 – 32.000 đồng/kg. Trong đó, ba tháng đầu năm 2023 giá khoảng 40.000 – 43.000 đồng/kg, sau đó giảm xuống còn 25.000 – 29.000 đồng/kg ở tháng 12/2023.

Giá cá Tra nguyên liệu

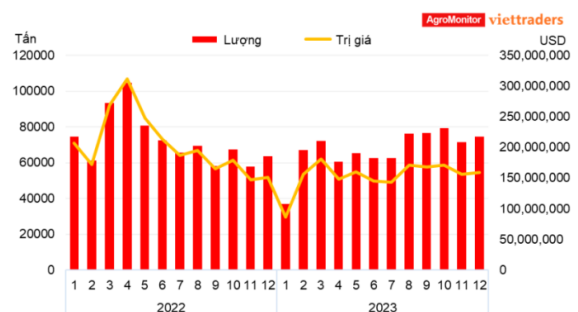
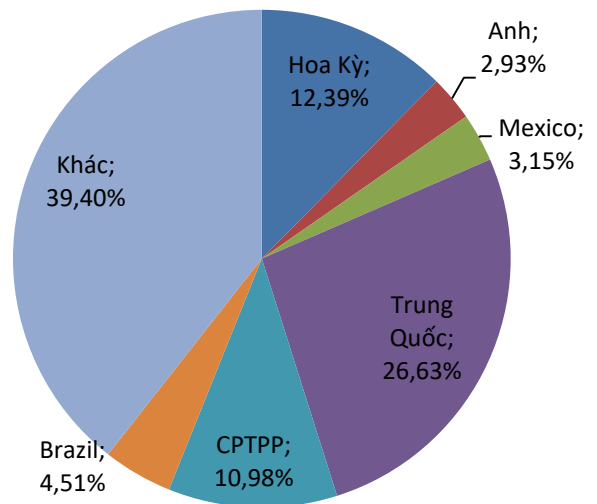
Giá cá Tra nguyên liệu năm 2023 dao động ở mức 27.000 – 27.500 đồng/kg loại I ở tùy thời điểm, thấp hơn mức trung bình năm 2022 khoảng 2.000 – 3.000 đồng/kg. Đến thời điểm cuối năm 2023, giá cá Tra thương phẩm được các doanh nghiệp chế biến thu mua ở mức 25.500 đồng/kg.

Giá cá Tra xuất khẩu

Giá cá xuất khẩu đều giảm ở các thị trường chính. Thị trường xuất khẩu cá tra hàng đầu là Trung Quốc chiếm 32%, và trong tháng 7/2023 giá xuống thấp nhất chỉ còn 1.97 USD/kg, giảm 13.2% so với tháng 7/2022.

Tình hình xuất khẩu cá Tra

Năm 2023, xuất khẩu cá Tra đạt gần 805,3 nghìn tấn, thu về hơn 1,84 tỷ USD, lần lượt giảm 7,2% về lượng và 24,6% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái.



Giá phụ phẩm cá Tra

Giá phụ phẩm cá tra cũng có xu hướng biến động cùng chiều với giá nguyên liệu cá tra. Do nhiều yếu tố ảnh hưởng khác nhau dẫn đến lượng cung ứng phụ phẩm đến các nhà máy sản xuất bột cá khan hiếm, nên giá phụ phẩm chịu rất nhiều yếu tố tác động lên.

TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG CÁ TRA NĂM 2023 VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2024

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CÁ TRA NĂM 2024

Mặc dù năm 2024 còn nhiều khó khăn thách thức, song ngành cá Tra đặt mục tiêu phấn đấu đạt diện tích thả nuôi cá tra đạt 5.700 ha, sản lượng cá tra thương phẩm đạt khoảng 1,7 triệu tấn, kim ngạch xuất khẩu dự kiến đạt 2 tỷ USD. Các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nhất là hai tỉnh tỉnh An Giang và Đồng Tháp cần tập trung nâng cao chất lượng cá tra giống; trong đó, cần tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai các đề án, nhiệm vụ nghiên cứu về chọn tạo các tính trạng (khả năng kháng bệnh, tỷ lệ phile, mùi vị sản phẩm, tỷ lệ đạm, mỡ trong sản phẩm, khả năng chịu mặn,...) theo nhu cầu thị trường; công nghệ vaccine phòng bệnh, di truyền phân tử... để nâng cao chất lượng giống cá tra.

Những khó khăn năm 2024 đối với ngành

- Xung đột và các vấn đề chính trị khác trên thế giới chắc chắn làm xáo trộn thương mại toàn cầu trong đó có thủy sản, dẫn đến chi phí vận tải tăng, các giá sản phẩm đầu vào cho nuôi trồng, chế biến thủy sản tăng.
- Lạm phát ở các nước lớn đã được kiềm chế, kinh tế thế giới đã thoát đáy, nhưng phục hồi chậm, tác động đến nhu cầu tiêu thụ thủy sản;
- Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết bất lợi đã làm cho một số bệnh trên thủy sản nuôi xuất hiện thường xuyên và khó điều trị.
- Giá thành sản xuất tăng chủ yếu do áp lực từ việc tăng giá nguyên liệu và vật tư đầu vào.
- Các quy định, rào cản kỹ thuật của các quốc gia nhập khẩu ngày càng khắt khe, các điều kiện nuôi không còn thuận lợi như trước do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu cũng như giải quyết những khó khăn nội tại về chất lượng giống, thức ăn và thực thi các quy định của pháp luật về thủy sản.
- Nhu cầu tại các thị trường tiêu thụ thủy sản chính của Việt Nam đang chững lại khi nền kinh tế toàn cầu có nguy cơ suy thoái, chênh lệch tỷ giá khiến hàng xuất khẩu Việt Nam có giá cao hơn so với các đối thủ tại các thị trường nhập khẩu lớn như Châu Âu, Châu Mỹ,...

Một số giải pháp bền vững của ngành

Để tập trung phát huy những giá trị tích lũy trong hơn 20 năm phát triển xây dựng ngành hàng cá tra, Bộ NN&PTNT đã đưa ra các giải pháp:

- (1) Các tỉnh cần có những cơ chế phù hợp để phát triển các vùng nuôi liên kết với cơ sở chế biến, tiêu thụ để chia sẻ thông tin, điều tiết sản xuất theo yêu cầu thị trường.
- (2) Cục Thú y tăng cường kiểm soát dịch bệnh, chia sẻ thông tin với Tổng cục Thủy Sản và các địa phương ĐBSCL.
- (3) Kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm vùng nuôi cá tra, đặc biệt là các vùng nuôi cung cấp nguyên liệu xuất khẩu đi Mỹ, chia sẻ kết quả kiểm tra dư lượng với Tổng cục Thủy sản để phối hợp nhằm đáp án đúng nhu cầu.
- (4) Thường xuyên cập nhật diễn biến thị trường, kịp thời tham mưu, chia sẻ thông tin với các đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở nuôi để có kế hoạch sản xuất phù hợp
- (5) Xây dựng kịch bản ứng phó với dịch bệnh, dựa trên thông tin, hướng dẫn của ngành y tế
- (6) Đa dạng hóa sản phẩm theo hướng tiện lợi cho tiêu dùng, tuân thủ các quy định về sử dụng kháng sinh trong nuôi cá Tra; nâng cao chất lượng sản phẩm

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

Nhận định tình hình chung

Thị trường ngành thủy sản năm 2023 tiếp tục phải đối mặt với nhiều diễn biến hết sức phức tạp, tác động đáng kể đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành, cụ thể là lượng hàng tồn kho tại các đầu mối nhập khẩu rất lớn do tình hình bất ổn (do bị tác động từ cuộc chiến Nga – Ukraine) và lạm phát toàn cầu khiến nhu cầu tiêu thụ sản phẩm cá Tra có xu hướng giảm, dẫn đến hoạt động xuất khẩu gặp rất nhiều khó khăn; một số quốc gia láng giềng đã phát triển sản xuất cá tra; tác động của việc biến đổi khí hậu. Ngành hàng cá Tra cũng gặp nhiều thách thức về thị trường, nhất là khi các nước gia tăng rào cản kỹ thuật, đặt ra nhiều tiêu chuẩn và các yêu cầu về lao động, môi trường.

Kết quả kinh doanh của Trisedco

Năm 2023 là một năm với nhiều biến động và khó khăn đối với môi trường kinh doanh toàn cầu, và ngành Thủy Sản Việt Nam cũng không nằm ngoài chịu ảnh hưởng. Trisedco là một doanh nghiệp sản xuất bột cá – mỡ cá từ phụ phẩm cá Tra cũng phải đối mặt với những khó khăn và bất ổn tương tự, nhưng với những nỗ lực cũng với những giải pháp phù hợp, Trisedco tiếp tục ghi nhận lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp khác trên thị trường cả trong và ngoài ngành đề xoay trở vất vả để đảm bảo hòa vốn.

SO SÁNH KẾT QUẢ KINH DOANH VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.500	2.939,74	117,59%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	60	75,31	125,52%

Kết thúc năm 2023, doanh thu thuần Trisedco đạt 2.939,74 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 75,31 tỷ đồng. Để đạt được kết quả trên là những nỗ lực cùng với những phương án kế hoạch phù hợp kịp thời trong những bất lợi của thị trường có thể tạo ra nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan để ảnh hưởng đến những chỉ tiêu trên.

Để có thể tiếp tục duy trì hoạt động trong bối cảnh khó khăn bủa vây như hiện tại, HĐQT cùng Ban Điều hành đã triển khai nhiều giải pháp linh hoạt nhằm thích ứng với những diễn biến thất thường, duy trì phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định tình hình tài chính của Trisedco, cụ thể Ban Lãnh đạo Công ty đã tập trung phát triển bám sát mục tiêu kinh doanh với nhiều điểm hoạt động trọng điểm như sau:

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



HĐQT đã định hướng chiến lược phát triển dài hạn và kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với tình hình của nền kinh tế hiện nay và đã đưa ra một số quyết định sau nhằm để ổn định và từng bước phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh: kiểm soát tốt thị trường, từng bước cải thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng vốn điều lệ nhằm tăng sức mạnh giá trị của doanh nghiệp, kiểm soát tốt các chi phí đầu vào hoặc các chi phí phát sinh khác.

VỊ THẾ KINH DOANH



Trisedco là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu về sản xuất kinh doanh và xuất khẩu bột cá, mỡ cá Tra hiện nay. Thị phần cung ứng sản phẩm trong thời gian qua không ngừng mở rộng và phát triển. Ngoài ra, trong năm 2023 Trisedco tiếp tục đẩy mạnh việc đầu tư, cải tạo tân tiến.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ



Trisedco đang liên tiếp tăng cường công tác đầu tư nâng cấp và bảo trì hệ thống máy móc thiết bị để nâng cao tối đa năng lực sản xuất của nhà máy. Đẩy mạnh những công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Nhà máy, chú trọng trong việc giám sát chất lượng sản phẩm, cải tiến quy trình và an toàn lao động. Thực hiện rà soát, xây dựng chiến lược kinh doanh của Công ty trong ngắn hạn và dài hạn để phát triển bền vững.

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ



Năm 2023, hoạt động quản trị Công ty tiếp tục được triển khai phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty. Các nội dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã được thực thi nghiêm túc. Các đề xuất nâng cao hiệu quả quản trị Công ty đều được khuyến khích, ghi nhận và triển khai phù hợp.

CÔNG TÁC LAO ĐỘNG & PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



Công tác và các chính sách đối với người lao động được Trisedco thực hiện tốt, đảm bảo công bằng. Trisedco luôn ghi nhận những ý kiến đóng góp để phát triển vì lợi ích chung, thực hiện chi trả lương thưởng và những phúc lợi cần thiết của người lao động theo quy định của Pháp luật. Đồng thời Trisedco luôn hỗ trợ kịp thời cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, giữ việc làm ổn định để đảm bảo về mặt tinh thần và vật chất để người lao động có thể gắn bó lâu dài với Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2024

1. Đối với hoạt động quản trị điều hành

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy hoạt động của Công ty, nhà máy dựa trên việc áp dụng công nghệ thông tin quản lý để nâng cao hiệu quả quản trị điều hành.
- Tiếp tục hoàn thiện việc phân cấp, phân quyền, quy định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các cấp quản lý, điều hành, giúp tối ưu hóa nguồn lực, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Quyết liệt rà soát, chuẩn hóa quy trình làm việc và định mức năng suất lao động, chú trọng cải cách sơ đồ tổ chức, thể hiện rõ nguyên tắc quản trị theo hướng tinh gọn bộ máy hoạt động và quy trình làm việc giúp nâng cao năng suất làm việc của từng Phòng/Ban và từng cá nhân.
- củng cố hiệu quả quản trị, kiểm soát trên cơ sở thiết lập và áp dụng các định mức, chỉ tiêu, chính sách, cơ chế lương thưởng hợp lý.

2. Đối với hoạt động kinh doanh

- Trong điều kiện kinh tế, chính trị các nước trên thế giới vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp như hiện nay, HĐQT tiếp tục ưu tiên phát triển thị trường nội địa.
- Tiếp tục xây dựng các chính sách kinh doanh linh hoạt, phù hợp với diễn biến của thị trường.
- Tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu mở rộng, đa dạng hóa danh mục sản phẩm để tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Theo dõi sát sao và quyết liệt áp dụng các giải pháp tiết giảm chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh, kéo giảm hàng hóa thành phẩm tồn kho hợp lý để tăng biên lợi nhuận, kéo giảm dư nợ ngắn hạn, giảm chi phí tài chính, tăng cường hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.
- Đối với xuất khẩu, tiếp tục tăng cường sản lượng tiêu thụ bằng cách tìm kiếm các thị trường mới giàu tiềm năng, duy trì sản lượng ổn định các thị trường truyền thống.

3. Đối với hoạt động sản xuất cung - ứng

- Không ngừng cải tiến các dây chuyền sản xuất để nâng cao chất lượng thành phẩm, giảm tiêu hao nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí vận hành, bảo trì.
- Tăng cường giám sát nghiêm ngặt các định mức trong hoạt động sản xuất, từ đó đưa ra các biện pháp hợp lý nhằm tiết giảm chi phí sản xuất, góp phần hạ giá thành sản phẩm.

- Cải tiến, tối ưu hóa việc lưu kho bằng cách phân loại sắp xếp hợp lý, tận dụng tối đa không gian kho bãi những vấn đề đảm bảo an toàn, chất lượng sản phẩm.
- Củng cố hiệu quả quản trị sản xuất, đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, luôn ứng phó kịp thời với thiên tai, sự cố.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2023, kết quả kinh doanh của Trisedco đã được thể hiện qua số liệu tài chính. Năng lực quản lý, hệ thống vận hành, quy trình quản lý đều có nhiều cải thiện. Nguồn nhân lực cũng được tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung, đủ đáp ứng nhu cầu hiện có.

Đà tăng trưởng của năm 2023 giúp Trisedco thuận lợi trong việc thúc đẩy kế hoạch kinh doanh năm 2024 và hoạch định cho những mục tiêu xa hơn.

Tính tới thời điểm 31/12/2023 mô hình hoạt động của công ty Trisedco bao gồm:

- Nhà máy sản xuất: một nhà máy sản xuất bột cá – mỡ cá với 03 dây chuyền sản xuất trực thuộc Công ty Trisedco với tổng công suất 470 tấn nguyên liệu phụ phẩm/ngày.

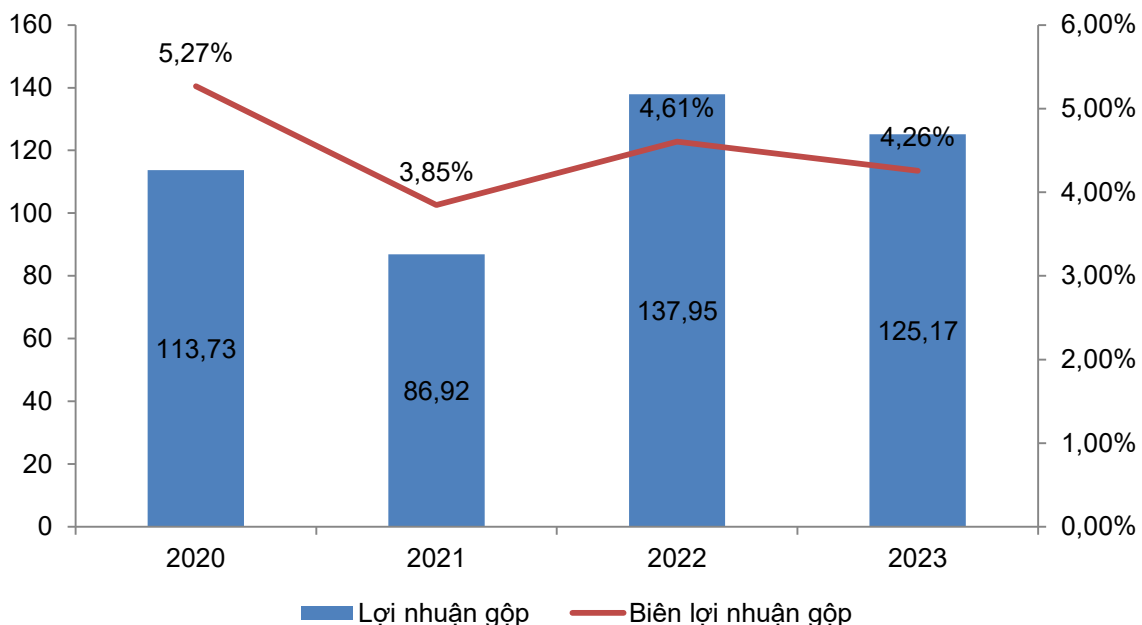
- Nhà máy tinh luyện dầu: một nhà máy tinh luyện dầu với 02 dây chuyền tinh luyện và 01 dây chuyền sản xuất Margarine và các sản phẩm cùng loại với Margarine đã hoàn tất và đưa vào sản xuất tất cả.

BỐI CẢNH CHUNG

Thế giới bước vào năm 2023 với niềm hy vọng về một cuộc sống “bình thường mới” sau đại dịch Covid – 19, nhưng rất nhanh đã phải đối mặt với những cuộc khủng hoảng trên tất cả các lĩnh vực đặc biệt là mang tới nhiều thách thức cho thị trường Thủy Sản trên toàn cầu. Những biến động liên tục về giá cả, nguồn cung và nhu cầu tiêu thụ đã ảnh hưởng đến các quốc gia ở nhiều mức độ khác nhau.

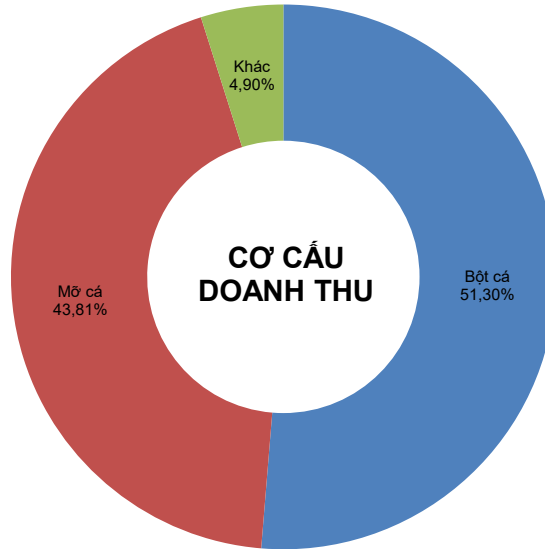
Trong năm 2023, Trisedco đã hoàn thành và vượt các mức chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu, đặc biệt là doanh thu và lợi nhuận đã đạt vượt bậc so với chỉ tiêu đã đề ra. Cụ thể, doanh thu thuần của Trisedco đạt 2.939,74 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 75,31 tỷ đồng. Kết quả này là sự nỗ lực không ngừng nghỉ của Công ty trong việc cải thiện doanh thu, lợi nhuận qua từng quý.

Biên lợi nhuận gộp của Trisedco trong giai đoạn 2020 – 2023 của Công ty như sau:



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 LÀ MỘT TRONG NHỮNG NHÂN TỐ QUAN TRỌNG TRONG GIAI ĐOẠN VƯỢT QUA VÀ KHÔI PHỤC PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH VỚI NHỮNG KHÓ KHĂN LÀ TIỀN ĐỀ CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRISED CO TRONG NHỮNG NĂM TIẾP THEO. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU CỦA CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC NHIỀU THÀNH TỰU SO VỚI NĂM 2022. SẢN LƯỢNG CŨNG NHƯ KIM NGẠCH XUẤT KHẨU ĐÃ VÀ ĐANG DẪN KHÔI PHỤC VÀ ỔN ĐỊNH.



Năm 2023, doanh thu từ mặt hàng bột cá vẫn đang chiếm tỷ trọng cao nhất trong doanh thu của Trisedco là 51,30% và mỡ cá là 43,80%. Qua đó ta thấy được bột cá – mỡ cá là mặt hàng then chốt và chủ lực trong hoạt động kinh doanh của Trisedco. Ngoài hai sản phẩm trên thì doanh thu của Công ty còn thu được từ hoạt động mua bán sản phẩm phụ từ cá Tra (Sản phẩm có giá trị gia tăng như: bao tử, bong bóng,...) và cho thuê tài sản nhưng chỉ chiếm khoảng 4,90% doanh thu của Công ty.

Mục tiêu chính và chủ yếu trong năm 2023 là vượt qua và khắc phục những hậu quả do chịu ảnh hưởng từ những cuộc chiến tranh địa chính trị, xung đột xảy ra. Song với đó Trisedco đã nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới, đa dạng thị trường xuất khẩu, khai thác tối đa các tiềm năng đang sẵn có. Từ đó sản lượng tiêu thụ được ổn định hơn trong tình hình hiện tại.

Doanh thu bột cá trong năm 2023 chiếm 51,30% trong cơ cấu tổng doanh thu. Ở thời điểm năm 2023 giá bột có sự tăng trưởng vượt bậc, nên doanh thu và sản lượng của mặt hàng này đã đạt theo kế hoạch đề ra. Năm 2023, thị trường xuất khẩu của Trisedco đã được đa dạng hơn để tránh những rủi ro trong kinh doanh.

Doanh thu từ sản phẩm phụ và cho thuê tài sản chiếm 4,90% trong tổng doanh thu, khoảng doanh thu này chủ yếu để bù đắp giá thành trong quá trình sản xuất. Giá cả sản phẩm phụ phụ thuộc vào từng thời điểm khác nhau có biên độ dao động khá lớn và giá cả phụ thuộc vào từng mùa khác nhau. Tuy nhiên sản phẩm phụ là mặt hàng có giá trị kinh tế cao và cần được khai thác tối đa. Trong năm 2023, do ảnh hưởng từ những khó khăn của nền kinh tế nói chung nhưng Trisedco đã hoàn thành theo kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã đề ra.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
DOANH THU THUẦN (tỷ đồng)	2.160	2.260	2.995	2.940
Sản xuất (Tỷ đồng)	369	350	664	559
Thương mại (Tỷ đồng)	1791	1910	2.331	2.381
TỶ TRỌNG	100%	100%	100%	100%
Sản xuất	17,08%	15,49%	22,17%	19,00%
Thương mại	82,92%	84,51%	77,83%	81,00%

Mức tăng trưởng doanh thu thuần năm 2023 là 2.940 tỷ đồng sắp xỉ năm 2022. Trong năm 2023 tình hình kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn và Trisedco cũng không ngoại lệ, Công ty phải đưa ra nhiều giải pháp khác nhau để nhằm ổn định sản xuất kinh doanh. Trong năm qua, Trisedco đã và đang tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thương mại bột cá – mỡ cá nhằm ổn định doanh số và chiếm lĩnh thị trường bột cá – mỡ cá trong nước. Năm 2023, thị trường xuất khẩu của Trisedco được mở rộng ra nhiều quốc gia.

Trisedco tiết giảm được rất nhiều chi phí, kiểm soát được thời gian giao hàng, từ đó Công ty chủ

động được một số yêu cầu những thị trường khó khăn như Trung Quốc, thị trường nhập khẩu bột cá lớn nhất thế giới.

Bên cạnh đó, những chiến lược phát triển thương mại bột cá nội địa là một trong những hướng đi phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay. Trisedco đã và đang khai thác thêm một số thị trường xuất khẩu phù hợp với tình hình sản xuất của công ty. Để đạt được những kế hoạch trên, Trisedco cần phải đưa ra những biện pháp khoa học và hiệu quả để cân bằng được những chi phí phát sinh liên quan từ đó tiết kiệm được chi phí tăng cao tỷ suất lợi nhuận của Công ty.

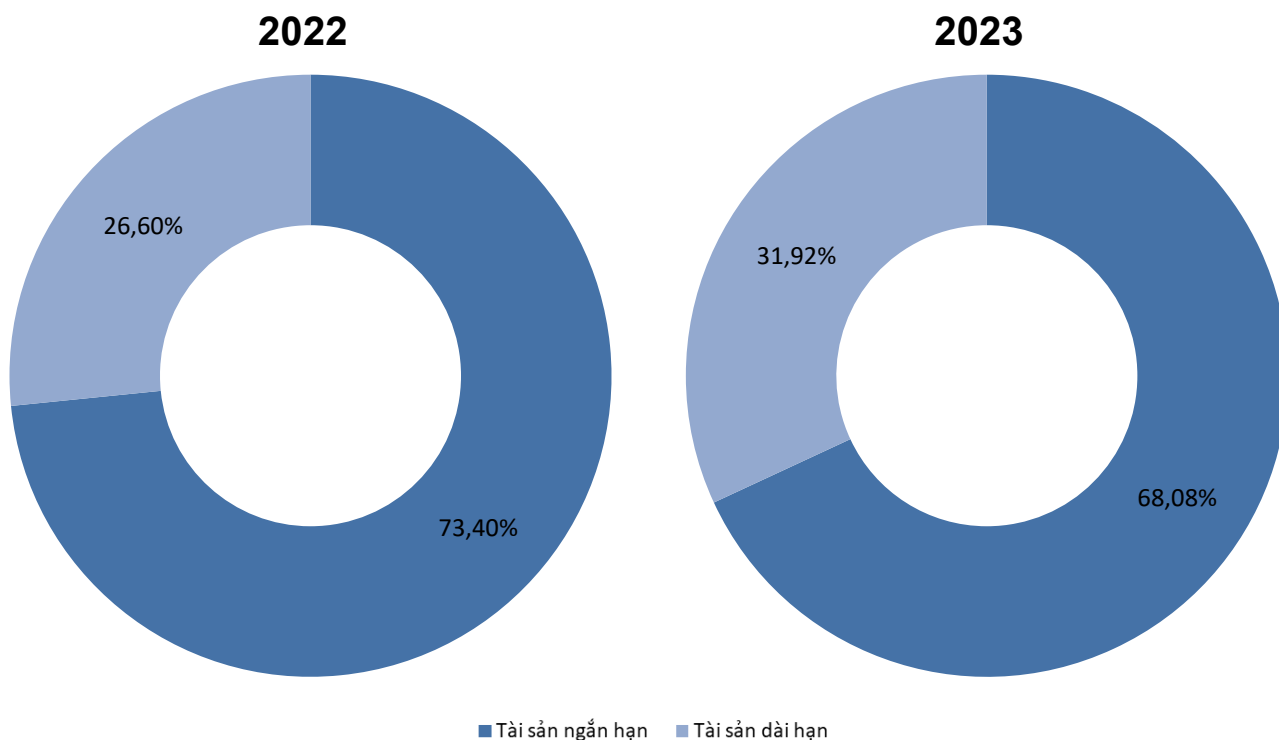


BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	TH2023/2022	Tỷ trọng 2022	Tỷ trọng 2023
Tài sản ngắn hạn	1.286,50	1.131,86	87,98%	73,40%	68,08%
Tài sản dài hạn	466,16	530,74	113,85%	26,60%	31,92%
Tổng tài sản	1.752,66	1.662,60	94,86%	100%	100%



TÀI SẢN

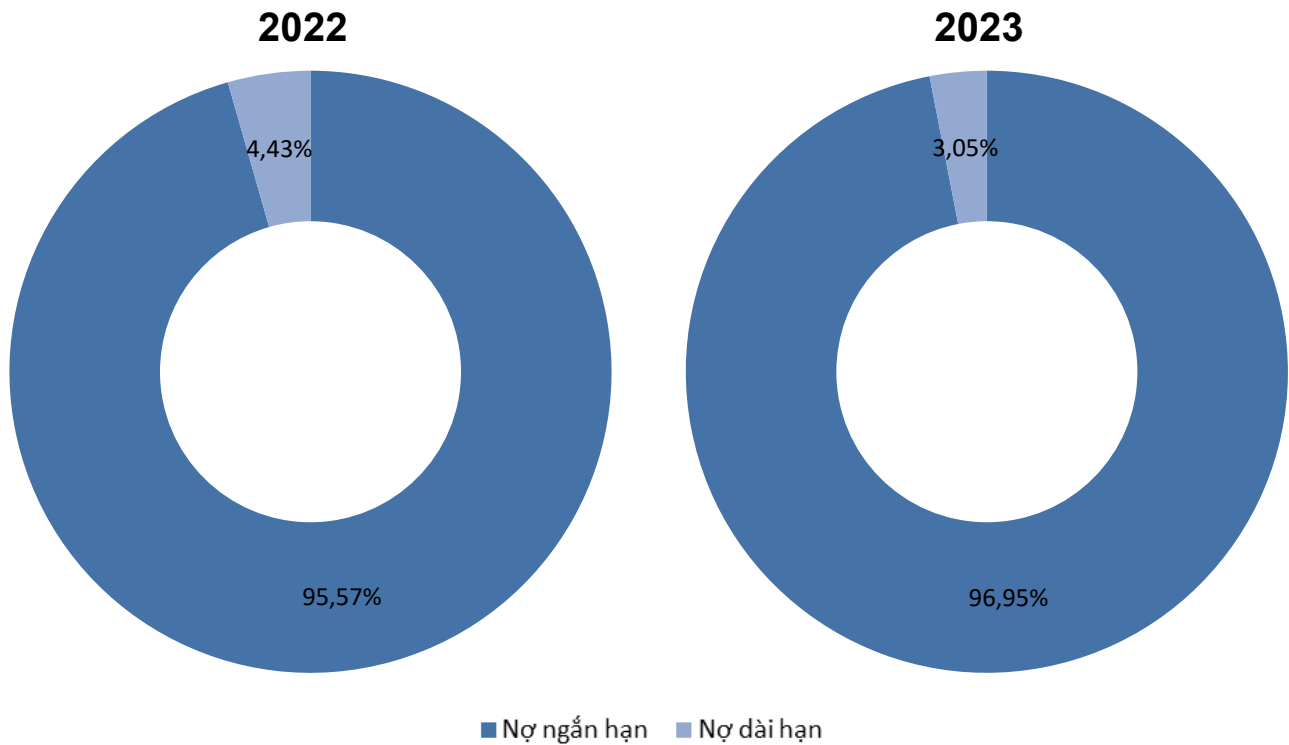
Tổng tài sản của Công ty năm 2023 là 1.662,60 tỷ đồng, giảm 90,06 tỷ đồng, tương đương với 5,14%. Trong đó, tài sản ngắn hạn giảm 154,64 tỷ đồng và tài sản dài hạn tăng 64,58 tỷ đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	TH2023/2022	Tỷ trọng 2022	Tỷ trọng 2023
Nợ ngắn hạn	942,67	795,84	84,42%	95,57%	96,95%
Nợ dài hạn	43,70	25,02	57,25%	4,43%	3,05%
Tổng nợ phải trả	986,37	820,86	83,22%	100%	100%



NGUỒN VỐN

Năm 2023 tổng nợ phải trả giảm 165,51 tỷ đồng tương ứng với 16,78%. Thay đổi chủ yếu từ việc thay đổi các khoản phải trả người bán giảm 67,89 tỷ đồng; vay và thuê tài chính ngắn hạn giảm 80,59 tỷ đồng và khoản vay và thuê tài chính dài hạn giảm 18,68 tỷ đồng

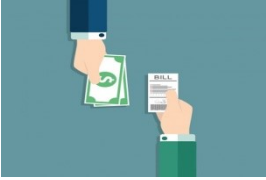
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN			
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	%Tăng/Giảm
<u>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	1,36	1,42	4,43%
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	1,28	1,35	5,47%
<u>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u>			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,56	0,49	-11,69%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,29	0,98	-24,15%
<u>3. Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	30,05	41,54	38,25%
Vòng quay tài sản	1,77	1,72	-2,78%
<u>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,67%	2,5%	-4,80%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	11,05%	9,3%	-15,86%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,74%	4,4%	-7,73%
HSLN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,97%	2,9%	-3,18%



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Các chỉ số về khả năng thanh toán cho thấy khả năng thanh khoản của doanh nghiệp, là chỉ tiêu để Công ty theo dõi tình trạng tài chính trong ngắn hạn. Năm 2023, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,36 lên 1,42 và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 1,28 lên 1,35. Trong giai đoạn 2022 – 2023, các hệ số về khả năng thanh toán của Công ty đều lớn hơn 1 cho thấy Công ty có thể hoàn thành tốt các nghĩa vụ nợ phát sinh.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



Với việc nợ phải trả giảm xuống nhanh hơn tốc độ giảm của tổng tài sản và nguồn vốn chủ sở hữu tăng lên đã giúp chỉ tiêu về cơ cấu vốn giảm đi đáng kể. Tại thời điểm 31/12/2023 hệ số nợ/Tổng tài sản của Công ty là 0,46 và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu là 0,98 là mức hợp lý trong điều kiện công ty đang tìm kiếm huy động nguồn vốn tài trợ từ bên ngoài.

CHỈ TIÊU VỀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



Các chỉ số về hiệu quả hoạt động được duy trì và tăng lên cho thấy sự phát triển về hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023. Cụ thể vòng quay hàng tồn kho tăng từ 30,05 vòng lên 41,54 vòng ta thấy tốc độ luân chuyển của hàng tồn kho nhanh và không bị ứ đọng nhiều. Nhưng nếu chỉ số này quá cao cũng không tốt vì như thế có nghĩa là lượng hàng dự trữ trong kho không nhiều, nếu nhu cầu thị trường tăng đột ngột thì rất nhiều khả năng doanh nghiệp không đủ hàng để cung cấp, do đó sẽ dễ bị mất khách hàng và bị đối thủ cạnh tranh chiếm lấy thị phần. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản vẫn duy trì 1,7 vòng so với năm 2022.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Các chỉ số sinh lời theo Báo cáo của Trisedco trong năm 2023 đều giảm so với cùng kỳ, do ảnh hưởng chung từ những khó khăn của nền kinh tế thế giới và Việt Nam thì Trisedco cũng không ngoại lệ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Để đạt được những ghi nhận trên, xuyên suốt năm 2023, Ban Tổng Giám đốc đã theo dõi sát sao và chỉ đạo đơn vị thực hiện quyết liệt và chủ động các biện pháp linh hoạt, củng cố các lợi thế cạnh tranh cốt lõi, nỗ lực ở mức tối đa để ổn định và cải thiện tình hình sản xuất kinh doanh. Trong đó, trọng tâm xoay quanh những giải pháp sau:

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG

- Đối với các loại chi phí liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành cơ sở sản xuất và kinh doanh của Công ty như điều chỉnh thời gian sản xuất phù hợp và hiệu quả, vận hành các máy móc thiết bị có công suất tiêu thụ điện lớn một cách hợp lý. Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị để tăng tuổi thọ của máy móc đồng thời đảm bảo lượng điện năng được tiêu thụ hợp lý.

- Đảm bảo nhanh chóng, kịp thời và tiết kiệm chi phí trong hoạt động luân chuyển, cung ứng nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Củng cố hiệu quả quản trị trên tinh thần tinh gọn bộ máy hoạt động của Công ty, trong đó chú trọng việc sắp xếp và bố trí nhân sự phù hợp với từng vị trí chức danh, đảm bảo mỗi nhân sự thực hiện đúng và đầy đủ chức năng và nhiệm vụ của mình.

- Tập trung nâng cao năng lực sản xuất, tối ưu hóa chất lượng sản phẩm để đảm bảo các sản phẩm uy tín. Các vấn đề an toàn lao động, vệ sinh môi trường cùng phòng cháy chữa cháy cũng cần được tập trung để không xảy ra thất thoát về người và tài sản.



HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU

- Trisedco đang tiếp tục thực hiện chiến lược mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu để không bị phụ thuộc vào thị trường cụ thể nào, tránh những trường hợp mất thị trường nếu chính quốc gia đó dựng rào cản phòng vệ thương mại.

- Thực hiện các chiến lược tối ưu hóa chi phí vận tải, logistic bằng cách thương lượng đàm phán với các công ty vận tải, forwarder để giảm chi phí vận chuyển xuống thấp nhất có thể

- Tiếp tục phát triển thị trường xuất khẩu; tìm kiếm và mở rộng các thị trường mới có tiềm năng, tăng cường quản bá hình ảnh sản phẩm của Trisedco với các khách hàng cũ và mới.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NỘI ĐỊA

- Trong bối cảnh xuất khẩu đang đối diện với những khó khăn nhất định, thị trường nội địa càng trở nên quan trọng hơn. Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo đơn vị theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả nguyên liệu để có biện pháp điều tiết kịp thời; xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh rõ ràng.

- Tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh tại thị trường nội địa. Thực hiện cải cách chính sách bán hàng nội địa, chính sách về giá, chiết khấu cần được xây dựng thận trọng, kỹ lưỡng song song áp dụng kịp thời, nhanh chóng nhằm theo kịp biến động mạnh và liên tục của thị trường

HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH – QH CỔ ĐÔNG

- Đối với các khoản nợ vay ngân hàng, Trisedco nỗ lực hết sức trong việc giảm dư nợ vay, đồng thời đàm phán để có mức lãi suất tốt nhất cho các khoản vay bắt buộc để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Trisedco đã hạn chế tất cả các khoản nợ USD từ sớm, nên dù tỷ giá USD/VND có những biến động phức tạp thì Trisedco không ảnh hưởng nặng lên chi phí chênh lệch tỷ giá.

- Đảm bảo duy trì lượng hàng tồn kho an toàn để vừa đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng, tiết kiệm chi phí lưu kho và vừa đảm bảo dòng tiền luôn sẵn sàng để nhập mua hàng hóa tại những thời điểm thích hợp.

- Đối với hoạt động quan hệ cổ đông, Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo nỗ lực không ngừng công tác hoạt động trên tinh thần “Minh bạch – Nhanh chóng – Hiệu quả” thông qua website Công ty.



HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ KIỂM NGHIỆM

- Tái kiểm tra và được cấp giấy chứng nhận GMP+

- Hoàn thành đánh giá và được cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do; giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y; giấy chứng nhận hợp quy.

- Hoàn thiện tái kiểm định ISO 22000:2005 và HACCP

- Được cấp giấy chứng nhận quy trình sản xuất đạt tiêu chuẩn IFFO.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo nhân sự và tuyển dụng tiếp tục phát triển chất lượng nguồn lực hiện có, trong đó chú trọng đến đội ngũ kế thừa và quản trị viên dự nguồn; tăng cường đào tạo, nâng cao củng cố trình độ nghiệp vụ và kỹ năng cho cán bộ nhân viên.

Triển khai công tác đào tạo, phổ biến định hướng và chính sách kinh doanh của Công ty để nắm rõ và thực hiện một cách chặt chẽ, hiệu quả, theo đó đẩy mạnh công tác bán hàng, tăng sản lượng tiêu thụ; theo dõi sát sao và quyết liệt áp dụng các giải pháp tiết giảm chi phí phục vụ cho hoạt động kinh doanh, giảm hàng tồn kho một cách hợp lý, nhằm cải thiện biên lợi nhuận, kéo giảm dư nợ ngắn hạn, chi phí tài chính, tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



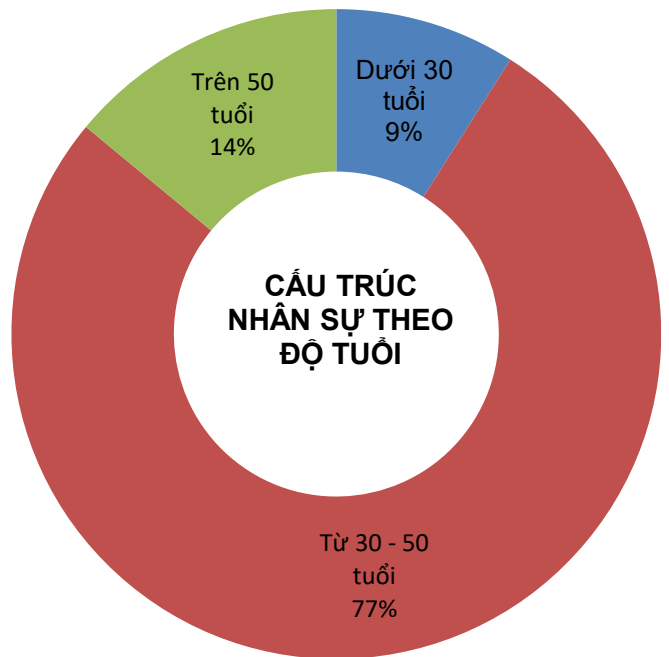
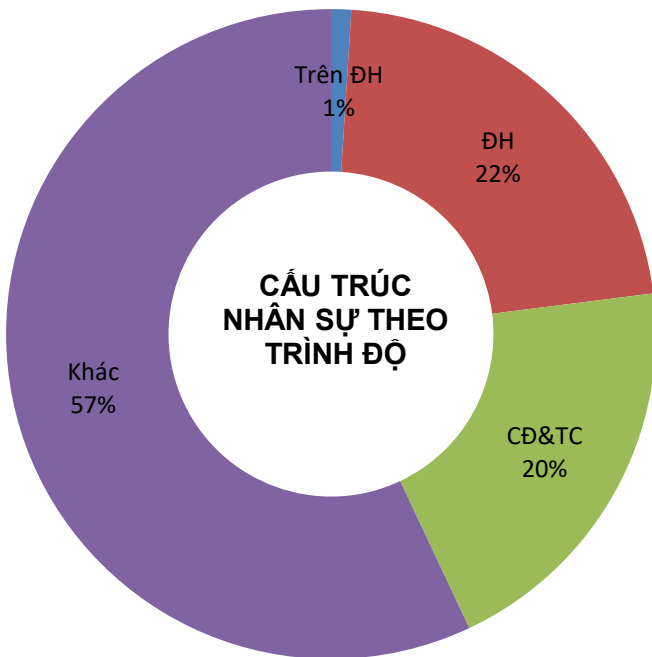
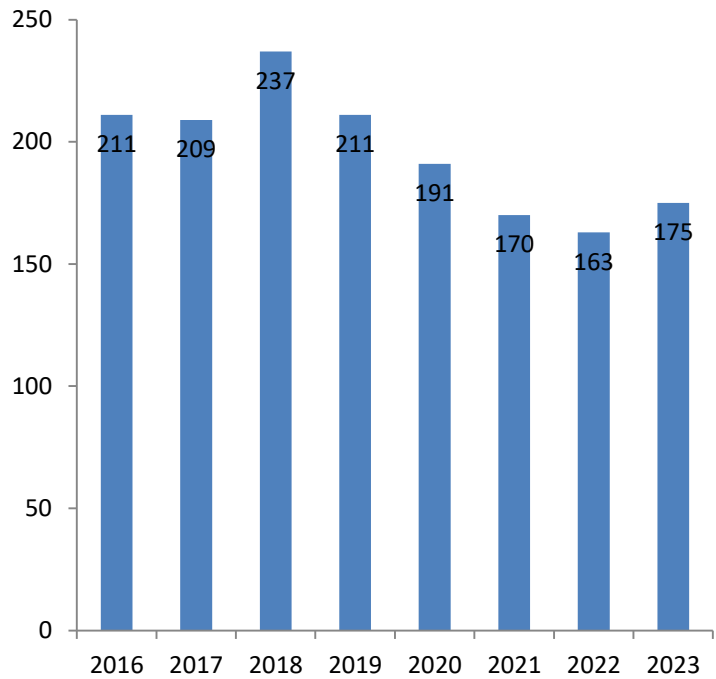
BÁO CÁO LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN

Số lượng nhân sự tính đến ngày 31/12/2023 là 175 CB-CNV. Xác định con người là nguồn lực quý giá nhất, lấy tiêu chí “trách nhiệm, hợp tác, đăi ngộ” là phương châm hành động để gắn kết lâu dài cùng người lao động. Trong hơn 15 năm phát triển, Trisedco đã xây dựng được một đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm, chuyên nghiệp, được đào tạo bài bản, giỏi chuyên môn, luôn luôn tận tâm vì sự vững mạnh và phát triển của công ty.

Nhìn chung lực lượng lao động của Trisedco không có biến động về số lượng ở năm 2022.

SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ 2016 - 2023



BÁO CÁO LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2023	
SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ	175
Thống kê theo giới tính	
Nam	74
Nữ	101
Thống kê theo khối chức năng	
Khối văn phòng	35
Khối nhà máy	52
Khối bốc tách	88
Thống kê theo trình độ	
Trên Đại học	1
Đại học	18
Cao đẳng, Trung Cấp	17
Khác	139
Thống kê theo độ tuổi	
Dưới 30 tuổi	14
Từ 30 – 50 tuổi	126
Trên 50 tuổi	38

THỐNG KÊ VỀ CẤP QUẢN LÝ					
Chỉ tiêu		Năm 2022		Năm 2023	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Tổng số lao động cấp quản lý		12	100%	15	100%
Giới tính	Nam	10	83%	12	80%
	Nữ	2	17%	3	20%
Độ tuổi	Dưới 30 tuổi	0	0%	2	13,3%
	Từ 30 – 50 tuổi	10	83%	10	66,7%
	Trên 50 tuổi	2	17%	3	20%

BÁO CÁO LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

THÔNG KÊ VIỆC TUYỂN DỤNG			
Chỉ tiêu		Năm 2022	Năm 2023
Tuyển dụng mới trong năm		4	0
Giới tính	Nam	2	0
	Nữ	2	0
Độ tuổi	Dưới 30 tuổi	3	0
	Từ 30 – 50 tuổi	1	0
	Trên 50 tuổi	0	0
Nghỉ việc trong năm		8	4
Chuyển công tác sang công ty khác trong TĐ		5	1

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần. Ngoài ra khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất kinh doanh, Trisedco có thể yêu cầu cán bộ công nhân viên làm thêm giờ. Cán bộ, công nhân viên được hưởng chế độ nghỉ lễ, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo quy định của Luật lao động.

Điều kiện làm việc:

Cán bộ công nhân viên được cấp phát trang thiết bị làm việc đầy đủ, kiểm tra sức khỏe định kỳ. Công nhân được trang bị đầy đủ đồng phục, phương tiện, thiết bị bảo hộ lao động, vệ sinh lao động.

Khen thưởng:

Công ty đã xây dựng và áp dụng chính sách khen thưởng, theo dõi mọi Cán bộ - Công nhân viên có thành tích đóng góp vào hiệu quả hoạt động của các bộ phận đều được ghi nhận, biểu dương và khen thưởng.

Lương và bảo hiểm phúc lợi:

Công ty áp dụng chính sách tiền lương cho CB-CNV theo đúng quy định pháp luật và quy chế lương thưởng của Trisedco dựa trên các cơ sở về hiệu quả công việc của từng người, theo mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất và lợi nhuận của Công ty. Thực hiện đầy đủ các chính sách lương thưởng, phúc lợi và trích nộp đầy đủ bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội, ốm đau, thai sản theo quy định của Nhà nước. Triển khai chế độ chính như nâng lương, tiền ăn giữa ca giúp ổn định tâm lý người lao động.

Các chế độ khác:

- Khám sức khỏe định kỳ;
- Đồng phục và bảo hộ lao động.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TRISEDCO

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Trisedco. ĐHĐCĐ quyết định tổ chức và giải thể Công ty, quyết định các định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm toán nội bộ và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị do ĐHĐCĐ bầu ra và là cơ quan quản trị cao nhất của Trisedco, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHĐCĐ quyết định và thực hiện các vấn đề liên quan tới mục tiêu và lợi ích của Trisedco, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty hiện đang có 05 thành viên, trong đó có 2 thành viên độc lập.

Ngoài các nội dung thẩm quyền phê duyệt của HĐQT, các giao dịch của giá trị nhỏ hơn hoặc nhiệm vụ nằm ngoài thẩm quyền của HĐQT được giao cho Ban Tổng Giám đốc điều hành quyết định.

Trong HĐQT có Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT, hoạt động song với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động song với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Ban Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện các kế hoạch, chiến lược mà HĐQT đã đề ra cho Công ty. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.

Các bộ phận chức năng của Công ty có chức năng tham mưu, hỗ trợ HĐQT và Ban Tổng Giám

đốc để đề xuất các chiến lược, định hướng kinh doanh cho Công ty, cũng như giám sát, hỗ trợ các nhân viên tăng cường hoạt động hiệu quả. Các bộ phận chức năng thực hiện các hoạt động tập trung như: quản trị, chính sách nhân sự và đào tạo, tư vấn pháp luật, quản lý hệ thống công nghệ thông tin, phát triển thương hiệu, marketing, quan hệ công chúng, quan hệ cổ đông, quản lý vốn, thực hiện các giao dịch huy động vốn và mua bán, sáp nhập, đảm bảo huy động với chi phí tối ưu và sử dụng nguồn vốn đầu tư hiệu quả, tối đa hóa giá trị của công ty và lợi ích của cổ đông. Đồng thời các phòng, ban sẽ thực hiện công tác quản trị và tương tác với các Công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai để đảm bảo hoạt động diễn ra hiệu quả nhất.

Mối quan hệ với các công ty thuộc Tập đoàn

Các Công ty con như Trisedco là các đơn vị trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, hiện thực hóa các chủ trương quyết định, chiến lược của Sao Mai và các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh của mình.

Mối quan hệ giữa Trisedco với Công ty mẹ và các thành viên thuộc Tập đoàn đều tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, Quy chế quản trị, các quy định nội bộ của Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan. Các nhiệm vụ, quy trình, dự án cần sự phối hợp, giúp đỡ và hỗ trợ của nhiều phòng ban chức năng tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên khác.

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2023



Quản trị Công ty bao gồm các nguyên tắc, luật lệ, chính sách nhằm định hướng hoạt động vận hành và kiểm soát doanh nghiệp trên các khía cạnh: đảm bảo cơ cấu quản trị Công ty hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và những người có liên quan, đảm bảo đối xử công bằng của Công ty. Quản trị công ty hiệu quả giúp thúc đẩy hoạt động và nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh, hoạt động điều hành công ty được minh bạch, các nhà đầu tư được giảm thiểu rủi ro và được đối xử công bằng, là nền tảng cho năng lực cạnh tranh và danh tiếng của doanh nghiệp, từ đó thuận lợi trong việc tiếp cận thị trường vốn, phát triển thị trường tài chính và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Năm 2023 là một năm đầy thử thách khi phải đối mặt với những thách thức từ nền kinh tế chính trị bất ổn. Trong bối cảnh đó, Công ty đã đưa ra những biện pháp quyết liệt để ứng phó, để thích nghi. Trisedco luôn luôn không ngừng cải thiện những hạn chế trong công tác quản trị từ những năm trước, cập nhật các quy chế, quy định nội bộ theo Pháp luật Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức của Trisedco được thực hiện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, theo đó ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất tại Công ty đối với những vấn đề quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế QTCT và pháp luật hiện hành, HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, chịu trách nhiệm chỉ đạo xây dựng chiến lược và thực hiện các quyền, nghĩa vụ không thuộc phạm vi của ĐHĐCĐ.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU VÀ THÀNH PHẦN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Thành phần Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025

HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025 do ĐHĐCĐ bầu ra tại cuộc họp thường niên năm 2020, cụ thể như sau:

- Số lượng thành viên HĐQT trong nhiệm kỳ là 05 người
- Cơ cấu thành viên HĐQT không điều hành, thành viên HĐQT độc lập đáp ứng tiêu chuẩn tại Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, cụ thể:
 - + Số lượng thành viên HĐQT điều hành: 01 thành viên
 - + Số lượng thành viên HĐQT không điều hành: 04 thành viên, trong đó thành viên HĐQT độc lập là 02 thành viên. Cụ thể:

Thành viên HĐQT	Chức danh	TV HĐQT	Ghi chú
Lê Văn Chung	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	
Lê Thanh Thuận	Phó Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	
Lê Quốc Mạnh	Thành viên HĐQT	Điều hành	
Trần Hiểu	Thành viên HĐQT	Độc lập	
Hoàng Thị Thanh	Thành viên HĐQT	Độc lập	

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

HĐQT thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT như: Ban Kiểm Toán nội bộ và Ban Quản trị Công ty để tổ chức, chỉ đạo và giám sát thực thi các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế Quản trị của Công ty hiện hành. Trong đó, tập trung vào các chức năng sau:

- Nghiên cứu, tham mưu và kiến nghị về các vấn đề liên quan đến hệ thống Quản trị nội bộ của Công ty;
- Giám sát, đánh giá về kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của thành viên HĐQT;
- Giám sát nhằm đảm bảo Công ty tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành;
- Giám sát tính trung thực của các báo cáo tài chính và các công bố chính thức có liên quan và kết quả tài chính của Công ty;
- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- Xem xét và theo dõi, rà soát các giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt và đưa ra những kiến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT;
- Giám sát chức năng kiểm toán của Công ty;
- Kiến nghị lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng kiểm toán để HĐQT thông qua trước khi trình ĐHCĐ phê duyệt.
- Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của Công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán.

Cơ cấu và thành phần nhân sự của các tiểu ban trực thuộc HĐQT

STT	Tên đơn vị	Họ và tên	Chức vụ
1	Ban Quản trị	Phan Thiện Phú	Quản trị Công ty kiêm thư ký Công ty
2	Ban Kiểm toán nội bộ	Trần Thụy Thanh Thảo	Trưởng Ban
		Trần Bảo Đông	Thành viên
		Mai Thanh Thúy Vy	Thành viên

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Báo cáo kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT

Là cơ quan quản lý hoạt động của Công ty trên cơ sở mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT đã phân công, phân nhiệm cho từng thành viên HĐQT thực hiện các chức năng, nhiệm vụ cụ thể để đảm bảo các hoạt động của HĐQT được thực thi hiệu quả, chặt chẽ, đồng thời ban hành những Quy định, Quy chế hoạt động của Tập đoàn, để từ đó quyết định xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, thông qua. Các quy định, quy chế và hoạt động được ban hành đều tuân thủ theo các quy định về quản trị doanh nghiệp đối với các công ty đại chúng.

Hội đồng quản trị đã có những chỉ đạo củng cố và kiện toàn bộ máy lãnh đạo, hệ thống quản trị của Công ty, sắp xếp nhân sự bên cạnh việc thu hút bổ sung một số nhân sự phù hợp giúp tăng cường công tác quản lý và bộ máy tinh gọn có hiệu quả.

HĐQT đã hoạch định chủ trương và chiến lược kinh doanh sát với thị trường, có phản ứng điều chỉnh nhanh nhạy, kịp thời, giúp giải quyết một cách hiệu quả các vấn đề của các nhà đầu tư, mang lại hiệu quả hoạt động cao và giữ vững vị thế của Công ty trong ngành.

Kết quả thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2023, ĐHĐCĐ đã thông qua các nội dung quan trọng liên quan đến các chiến lược phát triển của Trisedco và công tác quản lý doanh nghiệp, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành chỉ đạo, điều hành sát sao, cộng thêm sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty nhằm thực hiện một cách hiệu quả nghị quyết ĐHĐCĐ cụ thể như sau:

01	Chỉ tiêu kinh doanh: - Doanh thu thuần: 2.500.000.000.000 đồng - Lợi nhuận sau thuế: 60.000.000.000 đồng
02	Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định đầu tư các dự án lớn, hoặc giao dịch mua bán tài sản của Công ty
03	Lựa chọn Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính.
04	Chi trả thù lao cho HĐQT năm 2022
05	Thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP, NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ vào quy định của pháp luật doanh nghiệp, điều lệ công ty, quy chế quản trị công ty trong năm 2023 Trisedco đã tiến hành tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên để thông qua các nội dung liên quan đến Quản trị Công ty, kế hoạch kinh doanh và các nội dung quan trọng khác như:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2023/NQ-ĐHĐCĐ	16/04/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2023; - Thông qua Báo cáo của Ban TGD về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch sản xuất năm 2023; - Thông qua BCTC đã được kiểm toán năm 2022; - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022; - Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2023 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023; - Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định đầu tư các dự án lớn, hoặc giao dịch mua bán tài sản của Công ty. - Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023; - Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025; - Thông qua việc bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025; - Thông qua việc chi trả thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2022 và dự kiến mức thù lao năm 2023; - Thông qua việc vay vốn tại các tổ chức tín dụng; - Thông qua việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Cty; - Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty; - Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty; - Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị công ty; - Thông qua các giao dịch với bên liên quan; - Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty tổ chức thực hiện các công việc cần thiết để triển khai các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 9 phiên họp để thông qua các Biên bản /Nghị quyết cuộc họp liên quan đến các nội dung quan trọng, thuộc thẩm quyền của HĐQT. Tại các phiên họp này, tùy thuộc vào tính chất của từng vấn đề HĐQT sẽ ban hành hoặc Công bố thông tin các Biên bản/Nghị quyết để triển khai công việc tuân thủ quy định của Pháp luật.

Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự	Ghi chú
Lê Văn Chung	Chủ tịch	9	100%	
Nguyễn Văn Hưng	Phó Chủ tịch	2	22%	Miễn nhiệm 16/04/2023
Lê Thanh Thuấn	Phó Chủ tịch	9	100%	
Lê Quốc Mạnh	Thành viên	7	78%	Bỏ nhiệm 16/04/2023
Trần Hiếu	Thành viên	9	100%	
Hoàng Thị Thanh	Thành viên	9	100%	

Bảng tóm tắt nội dung một số cuộc họp của HĐQT trong năm 2023

STT	Số nghị quyết/Biên bản họp	Ngày	Nội dung
1	0103/2023/NQ-HĐQT	03/01/2023	Nghị quyết về việc vay vốn và giao dịch với các bên liên quan
2	0220/2023/NQ-HĐQT	20/02/2023	Nghị quyết về triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
3	0321/BB-HĐQT-DAT.2023	21/03/2023	Biên bản nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – CN An Giang
4	0417.1/2023/NQ-HĐQT	17/04/2023	Nghị quyết miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm toán nội bộ
5	0417.2/2023/NQ-HĐQT	17/04/2023	Nghị quyết bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty kiêm thư ký.
6	0429/BB-TRISEDCO	29/04/2023	Thông qua việc vay vốn và bảo đảm cấp tín dụng tại Vietinbank Đồng Tháp
7	1103/TRI-2023	03/11/2023	Biên bản vay vốn tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – CN Hà Nam

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số nghị quyết/Biên bản họp	Ngày	Nội dung
8	12111/2023/NQ-HĐQT	11/12/2023	Nghị quyết về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty CP Tư Vấn và Đầu Tư Tài Chính (ASTAR)
9	1215/2023/NQ-HĐQT	15/12/2023	Thông qua việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (BIDV – CN Bến Nghé)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Quản trị

- Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban Kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT và Ban Kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
- Nghiên cứu, tham mưu và kiến nghị về các vấn đề liên quan đến hệ thống Quản trị nội bộ của Công ty;
- Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động CBTT của Công ty

Ban Kiểm toán nội bộ

- Triển khai rà soát, đánh giá tình hình tài chính – kế toán của Công ty
- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh với kế hoạch được giao của Công ty
- Kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các quy trình, quy định, chính sách và chuẩn mực kế toán;
- Thẩm tra các báo cáo thực hiện chi phí tài chính hàng tháng, đề xuất HĐQT về các định hướng liên quan đến công tác quản trị tài chính;
- Xem xét sổ sách kế toán, thẩm định BCTC năm 2023;
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Trong năm 2023, thành viên HĐQT độc lập đã duy trì hoạt động thường xuyên, tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban Điều hành tại các cuộc họp giao ban định kỳ và các cuộc họp đột xuất liên quan đến các hoạt động của Trisedco để nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, tham gia đóng góp ý kiến trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Ngoài ra, các thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát phối hợp cùng các Phòng/Ban chức năng góp phần vào hoạt động quản lý rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị của Công ty.

Báo cáo của Thành viên HĐQT độc lập về việc đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT

Trong năm 2023, Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Thành viên HĐQT độc lập đưa ra một số kết luận sau:

- HĐQT đã thực hiện tốt chức năng định hướng phát triển cho Công ty, thông qua việc hoạch định, kiểm soát và điều chỉnh các quyết định chiến lược. Các quyết sách trọng yếu của Ban Điều hành được phân tích, phản biện và tham vấn từ HĐQT nhằm có các giải pháp phù hợp cho Công ty.
- Các thành viên HĐQT thực hiện chức năng, vai trò một cách chủ động và có tinh thần trách nhiệm cao.
- Song với việc thực hiện chức năng quản lý, giám sát công tác của Ban Điều hành, HĐQT cũng đã trao đổi, phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành nhằm tìm kiếm những giải pháp hiệu quả để đưa Công ty vượt qua khó khăn, cải thiện kết quả sản xuất kinh doanh.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Phân công, phân nhiệm cho các thành viên của Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc được phân công, phân nhiệm để thực hiện các mảng nghiệp vụ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng các định hướng của ĐHĐCĐ và chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Đồng thời, HĐQT còn kịp thời chỉ đạo ban Tổng Giám đốc sắp xếp, đánh giá phù hợp các cán bộ quản lý đơn vị trước những biến động của thị trường và các vấn đề phát sinh, nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị đã trao đổi ý kiến chất vấn các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện Kế hoạch kinh doanh năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Trên cơ sở đó, HĐQT luôn luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, các đề xuất của Ban TGD đối với HĐQT đều được thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời, tạo điều kiện cho hoạt động điều hành kinh doanh của Ban TGD đúng hướng và đạt hiệu quả cao.

Tại các cuộc họp của HĐQT, Ban TGD và một số cán bộ chủ chốt đều phải tham dự đầy đủ để báo cáo và ghi nhận các chủ trương định hướng của HĐQT. Ban TGD đã tổ chức các cuộc họp định kỳ để xem xét tình hình thực hiện so với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, kịp thời điều chỉnh các chính sách và chiến lược kinh doanh của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế, phân tích đo lường rủi ro và giải quyết kịp thời các vấn đề, vướng mắc phát sinh.

Ngoài các cuộc họp định kỳ, HĐQT còn xem xét và cho ý kiến bằng văn bản với các phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài kế hoạch hoặc vượt thẩm quyền của Ban Tổng Giám đốc.

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với các bộ phận thuộc tư cách là giám sát viên đại diện cho cổ đông, tiếp nhận những ý kiến đóng góp và đề xuất của các bộ phận một cách cởi mở, từ đó cân nhắc trong các quyết định quản trị điều hành.

Năm 2023, HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ, vai trò qua các giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT. Các chủ trương, chỉ đạo mà HĐQT đưa ra đã được Ban Tổng Giám đốc triển khai đầy đủ, nhanh chóng và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Trong năm 2023, Ban Kiểm toán nội bộ đã tổ chức triển khai các công tác sau:

Về tình hình tài chính

Công ty tuân thủ đầy đủ về yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán.

Các chứng từ kế toán được Công ty quản lý chặt chẽ và lưu trữ có hệ thống theo quy định đảm bảo truy xuất nhanh chóng, đầy đủ khi có yêu cầu kiểm tra, kiểm toán.

Việc mở sổ kế toán và sổ quỹ được thực hiện đúng theo quy định hiện hành, thực hiện ghi chép, cập nhật kịp thời, chính xác các phiếu thu, phiếu chi và báo nợ/có của ngân hàng hằng ngày.

Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu đáp ứng các quy định, nguyên tắc, tiêu chuẩn về tài chính – kế toán.

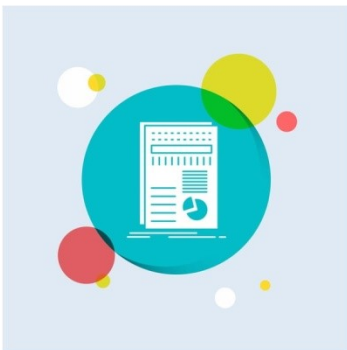
Hoạt động sản xuất kinh doanh được duy trì ổn định, dòng tiền được đảm bảo, tình hình tài chính lành mạnh. Đây là tín hiệu tích cực trong bối cảnh kinh tế thị trường hiện nay.



Về báo cáo tài chính

HĐQT xác nhận thông tin trong các báo cáo kinh doanh và các báo cáo tài chính quý, 06 tháng và năm của Công ty được trình bày trung thực, hợp lý, nhất quán và phù hợp với các quy định của pháp luật. Ban Tổng Giám đốc duy trì mức độ cẩn trọng hợp lý trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Dựa trên các báo cáo được Ban Điều hành trình bày tại các cuộc họp, kết quả kiểm tra thực tế, cũng như số liệu kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập đã nhận định tình hình tài chính của Công ty ở trạng thái hoàn toàn lành mạnh.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thành phần của Ban kiểm soát và các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV	Trình độ chuyên môn
1	Lê Thành Thủy Linh	Trưởng Ban	16/04/2023	Cử nhân QTKD
2	Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên	16/04/2023	Cử nhân QTKD
3	Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	16/04/2023	Kỹ sư CNTT

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết	Ghi chú
1	Lê Thành Thủy Linh	03	100%	100%	
2	Nguyễn Thị Thùy Linh	03	100%	100%	
3	Nguyễn Hữu Dũng	03	100%	100%	

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Theo dõi tiến độ thực hiện các kế hoạch đề ra trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
- Tham dự các cuộc họp hàng quý và đột xuất của HĐQT để kịp thời nắm bắt các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Định hướng các hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ.
- Xem xét các quy trình kiểm soát nội bộ của các phòng ban chủ chốt, đề xuất cải thiện các điểm yếu trong quy trình

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ và các cán bộ quản lý khác

- Góp ý các vấn đề được đưa ra trong các buổi họp với HĐQT, Ban KTNB, Ban TGD.
- Góp ý các vấn đề thiếu sót trong quy trình kiểm soát nội bộ tại các phòng ban.
- Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác trong giám sát và nâng cao hiệu quả các hoạt động tại Công ty.
- Ban Kiểm soát đánh giá việc quản lý, điều hành của HĐQT, Ban TGD điều hành đã thực hiện hiệu quả, cẩn trọng và phù hợp với các chiến lược, mục tiêu do ĐHĐCĐ đề ra cũng như tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật.

Kế hoạch hoạt động năm 2024

- Thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.
- Tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, sản xuất, tài chính và đầu tư của Công ty.
- Giám sát hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
- Tập trung kiểm soát các rủi ro chính đã phát hiện trong năm 2023.
- Thẩm tra định kỳ tính tuân thủ và hiệu quả các quy trình nội bộ.
- Các hoạt động khác theo yêu cầu của Cổ đông.



THÙ LAO, THU NHẬP KHÁC CỦA HĐQT, BTGD

LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC VÀ CHI PHÍ CHO TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Ban lãnh đạo	Vị trí		
I	Hội đồng quản trị			Ghi chú
1	Lê Văn Chung	Chủ tịch		324.000.000
2	Nguyễn Văn Hưng	Phó Chủ tịch		64.800.000
3	Lê Thanh Thuận	TV HĐQT		64.800.000
4	Trần Hiếu	TV HĐQT ĐL		64.800.000
5	Hoàng Thị Thanh	TV HĐQT ĐL		64.800.000
II	Ban Tổng Giám đốc			Ghi chú
1	Lê Văn Lâm	TGD		743.342.000
2	Lê Hoàng Cương	Phó TGD		452.650.000
3	Lê Quốc Mạnh	Phó TGD		447.135.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ: Trong năm 2023, không có bất kỳ giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ nào.

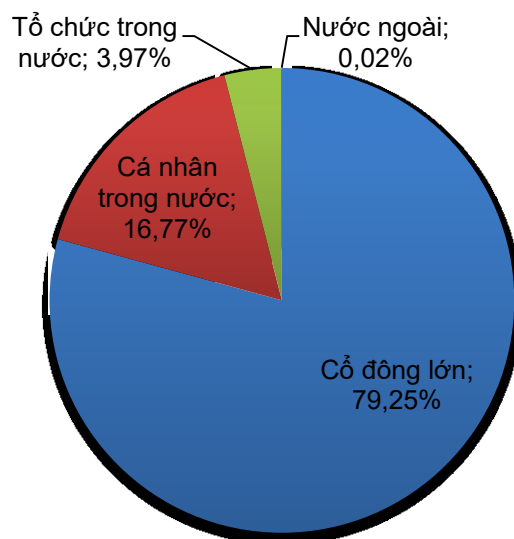
HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ: Trong năm 2023, công ty không có bất kỳ hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ nào.

THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN CỔ PHẦN

- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành: 62.935.104 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần có quyền chuyển nhượng tự do: 62.935.104 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: 0 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA TRISEDCO



TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN
1	Lê Văn Chung	Chủ tịch HĐQT	0,32%
2	Lê Thanh Thuận	Phó Chủ tịch HĐQT	3,94%
3	Lê Quốc Mạnh	Thành viên HĐQT điều hành	0%
4	Trần Hiếu	Thành viên HĐQT độc lập	0%
5	Hoàng Thị Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	0%

THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT			
Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Số lượng	Tỷ lệ
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI	Quốc lộ 80, CCN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.	49.873.946	79,25%
Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	326 Hùng Vương, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang	2.477.790	3,94%
Lê Thanh Thuận	326 Hùng Vương, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang	2.477.790	3,94%
Nguyễn Văn Hưng	49/30 Khúc Thừa Dụ, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	83.417	0,13%
Lê Văn Chung	326 Hùng Vương, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang	199.047	0,32%
Lê Xuân Quế	45 Lê Lợi, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	55.336	0,09%
Trương Vĩnh Thành	Bình Khánh 7, Long Xuyên, An Giang	1	0,00%
Lê Văn Thành	706 Hà Hoàng Hổ, Long Xuyên, An Giang	26.593	0,04%
Võ Thị Hồng Tâm	326 Hùng Vương, Long Xuyên, An Giang	824	0,00%
Lê Văn Thủy	645/33 Trần Hưng Đạo, Long Xuyên, An Giang	145.031	0,23%
Phạm Đình Nam	19/4B Trần Hưng Đạo, Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang	30.557	0,05%
Võ Thị Thanh Tâm	Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	0	0,00%
Võ Quốc Chánh	Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang	0	0,00%
Võ Quốc Hưng	Thành Phố Hồ Chí Minh	0	0,00%
Nguyễn Thị Hà	49/30 Khúc Thừa Dụ, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	33.037	0,05%
Nguyễn Hồng Ngự	49/30 Khúc Thừa Dụ, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	17.013	0,03%
Nguyễn Thị Diệu Hiền	Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	17.342	0,03%
Lê Văn Tình	Thới Bình, Ninh Kiều, Cần Thơ	0	0,00%
TỔNG CỘNG		55.437.724	88,09%

QUẢN TRỊ RỦI RO

Để giảm thiểu rủi ro có thể gặp, Trisedco đã xây dựng chiến lược quản lý rủi ro để đảm bảo mục tiêu kinh doanh, tạo ra lợi thế kinh doanh nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả nhất. Tại Trisedco, đạo đức nghề nghiệp và văn hóa tuân thủ được xác định là nền tảng cốt lõi của quản trị rủi ro.

Vai trò và mục tiêu của quản trị rủi ro

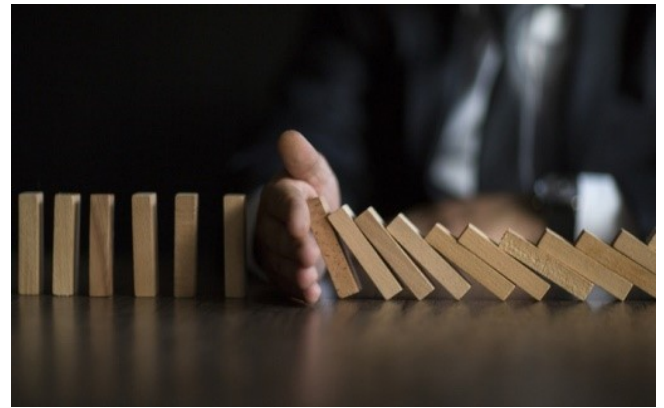
Quản trị rủi ro là thiết lập quy trình mang tính hệ thống và có nguyên tắc được áp dụng để hoạch định chiến lược và được áp dụng trong Công ty, để phát hiện, đánh giá và quản lý những sự kiện có khả năng xảy ra ảnh hưởng tới chiến lược, mục tiêu kinh doanh của Công ty, từ đó vừa giảm thiểu tác động tiêu cực vừa nắm bắt cơ hội để phát triển. Với thị trường nhiều biến động thì việc gặp những rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh là điều thường xảy ra. Tuy nhiên, chúng ta có nhiều cách để tránh, giảm thiểu hoặc kiểm soát những hậu quả khi rủi ro xảy ra. Để làm được điều đó, mỗi doanh nghiệp phải có kế hoạch quản trị rủi ro rõ ràng.

Quản trị rủi ro được coi là công cụ quan trọng để Công ty hoàn thành chiến lược kinh doanh, đảm bảo quản trị hiệu quả và sự phát triển bền vững. Mục tiêu của quản trị rủi ro mà Trisedco xây dựng:

- Hỗ trợ hoàn thành mục tiêu chiến lược đã đề ra thông qua các công cụ quản trị rủi ro;
- Góp phần phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực hiệu quả;
- Giảm thiểu sai sót trong mọi khía cạnh vận hành;
- Xây dựng lòng tin và đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của nhà đầu tư và các bên liên quan.
- Tăng cường năng lực trong việc đưa ra những chỉ đạo chiến lược, quyết định kinh doanh trên cơ sở hiểu biết thấu đáo và chặt chẽ về hoạt động kinh doanh và môi trường kinh doanh.

Đặc biệt trong năm 2023, trong bối cảnh kinh tế

gặp nhiều khó khăn. Vai trò của quản trị rủi ro tại công ty càng được phát huy. Trong một năm đầy những khó khăn thách thức Trisedco đã duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn trong sản xuất cho các CB-CNV. Đây là bước phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới, hiện thực hóa chiến lược kinh doanh của Công ty.



Cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro

Bộ phận	Vai trò quản trị rủi ro
Hội đồng quản trị	Ban hành quy chế, chính sách quản trị rủi ro, quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ của bộ máy quản trị rủi ro
Ban Tổng Giám đốc	Giám sát, đảm bảo hoạt động quản trị rủi ro được thực thi
Ban kiểm soát	Giám sát, đảm bảo hoạt động quản trị rủi ro
Ban Kiểm toán nội bộ	Phối hợp với các bộ phận chức năng thực hiện quản trị rủi ro bằng việc sử dụng các công cụ, quy trình đã được ban hành.

QUẢN TRỊ RỦI RO

NHẬN DIỆN VÀ KIỂM SOÁT CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU TRONG NĂM 2023

Trong năm 2023, Công ty đã phân tích, đánh giá và thực hiện quản lý các nhóm rủi ro chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

RỦI RO VỀ PHÁP LÝ

Nhận diện rủi ro

Trisedco hiện niêm yết trên SGD Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, hoạt động của Trisedco chịu sự chi phối của nhiều quy định pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Đầu tư, Chứng khoán, Lao động, Thuế, Bảo hiểm xã hội,...

Việc thay đổi và cập nhật liên tục của các văn bản pháp luật có thể dẫn đến rủi ro khi Công ty chưa cập nhật kịp thời để đảm bảo tuân thủ đúng.

Mặt khác, rủi ro liên quan đến pháp lý cũng có nguy cơ xảy ra cao trong quá trình hoạt động của Công ty.

Biện pháp ứng phó

Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các hệ thống quy chế, quy trình nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Nhân viên kinh doanh rà soát lại các hợp đồng, các thỏa thuận đã ký kết. Cập nhật các thay đổi của pháp luật liên quan đến Công ty và phổ biến đến từng bộ phận của Công ty.

Các bộ phận chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện các dự án đầu tư, hợp đồng hợp tác liên quan, liên kết, chính sách bán hàng,...

RỦI RO VỀ NGUYÊN LIỆU

Nhận diện rủi ro

Hoạt động sản xuất bột cá rủi ro lớn về biến động thị trường cá Tra. Đối với sản phẩm cá Tra, nguy cơ lớn đến từ suy thoái môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, dịch bệnh phát triển trên cá nuôi. Tuy thời gian qua không xảy ra dịch bệnh lớn nhưng bệnh cá vẫn xảy ra thường xuyên trong quá trình nuôi. Từ đó, trong những năm gần đây thị trường phụ phẩm đang rất khan hiếm sẽ làm giá phụ phẩm đẩy lên mức cao khiến cho giá thành các yếu tố đầu vào tăng cao. Lệ thuộc vào một số ít các nhà cung cấp nguyên liệu.

Biện pháp ứng phó

Đối với thương mại bột cá, mua hàng lúc giá thấp để trữ hàng. Đồng thời phải dự báo chính xác những đợt sóng tăng giá để tung hàng ra thị trường nhanh chóng kịp thời.

QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH

Nhận diện rủi ro

Các rủi ro tài chính bao gồm rủi ro về tín dụng và lãi suất, tỷ giá. Rủi ro tính dụng ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và các hoạt động tài chính của Công ty, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ hối đoái và các công cụ tài chính khác NHNN áp dụng tỷ giá trung tâm hàng ngày để làm cơ sở tham khảo cho tỷ giá mua bán của các NHTM về việc công bố tỷ giá trung tâm của VND và USD, tỷ giá tính chéo của VND và các ngoại tệ khác. Với Trisedco vấn đề xuất khẩu là hướng kinh doanh chính, chủ đạo và lượng ngoại tệ chủ yếu là USD, thì biến động tỷ giá hối đoái sẽ là vấn đề đáng quan tâm của Công ty. Rủi ro thay đổi lãi suất chủ yếu liên quan đến nợ vay ngắn hạn có lãi suất cũng như các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Biện pháp ứng phó

- Căn cứ vào doanh thu xuất khẩu, Ban Tổng Giám đốc cân đối cơ cấu dư nợ vay giữa VND và USD để đảm bảo đạt lãi suất vay bình quân thấp nhất nhưng vẫn có đủ nguồn USD để trả nợ vay ngoại tệ. Cơ cấu dư nợ đều được trình HĐQT xem xét và đưa ra định hướng linh hoạt nhằm giảm thiểu tác động của rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá.
- Bộ phận Tài chính lập báo cáo kế hoạch dòng tiền hàng tuần để Ban Tổng Giám đốc có những biện pháp điều hành kinh doanh linh hoạt, đảm bảo không có khoản phải trả quá hạn.
- Để kiểm soát hiệu quả rủi ro tín dụng, Công ty xem xét đánh giá định kỳ sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của các khoản phải thu khách hàng tiền gửi, công cụ tài chính.
- Thực hiện hợp đồng L/C để khách hàng đảm bảo thanh toán phòng ngừa rủi ro. Công ty luôn chủ động định hướng trong cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu cho phù hợp với từng thời điểm hoạt động sản xuất kinh doanh gắn với các thời điểm của thị trường tín dụng.

QUẢN TRỊ RỦI RO

**RỦI RO VỀ
MÔI TRƯỜNG****Nhận diện rủi ro**

Những năm gần đây tình hình biến đổi khí hậu đã diễn ra khá tiêu cực, những rủi ro liên quan như về dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, xâm nhập mặn tiến sâu vào nội đồng ảnh hưởng trực tiếp đến vùng nuôi trồng thủy sản. Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh từ phụ phẩm cá Tra, Trisedco vẫn ít nhiều ảnh hưởng bởi môi trường chung cũng như không thể thay đổi được những tác động từ thiên nhiên.

Biện pháp ứng phó

Định kỳ hàng quý, năm tiến hành kiểm tra, đo đạc các chỉ số về nước thải, khí thải,... để đảm bảo về môi trường cũng như việc xả thải ra môi trường bên ngoài. Đồng thời đưa ra những giải pháp xử lý kịp thời đối với các sự cố tác động tới môi trường trong những trường hợp cấp bách. Mua bảo hiểm cho hàng hóa vận chuyển để giảm thiểu tối đa thiệt hại khi rủi ro xảy ra. Đồng thời các phương tiện vận chuyển phải đảm bảo quy định Nhà nước về đăng kiểm và kiểm định.

**RỦI RO VỀ
HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT****Nhận diện rủi ro**

Trong hoạt động sản xuất, Trisedco luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hóa các định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu để giảm giá thành sản phẩm.

Biện pháp ứng phó

- Bộ phận Kinh doanh xem xét lựa chọn những nhà cung cấp nguyên nhiên vật liệu có chất lượng phù hợp với giá cả hợp lý nhằm giảm thiểu những rủi ro về nguyên vật liệu. Đồng thời, ban kiểm toán nội bộ sẽ kiểm tra lại tất cả các khoản chi phí mua hàng để đảm bảo tính trung thực, chính xác, minh bạch.

- Trisedco luôn có những kế hoạch bảo trì sửa chữa định kỳ nhằm đảm bảo các máy móc thiết bị luôn trong tình trạng tốt nhất, đảm bảo vận hành an toàn và hiệu quả nhất.

- Xây dựng quy trình sản xuất phù hợp nhằm hạn chế những rủi ro phát sinh trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh

QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Nhận diện rủi ro

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến tổng cầu. Khi nền kinh tế tăng trưởng thì nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm sẽ tăng lên. Ngược lại, khi nền kinh tế suy giảm thì nhu cầu sử dụng các sản phẩm sẽ sụt giảm.

Biện pháp ứng phó

Công ty luôn chuẩn bị sẵn các kịch bản điều hành để chủ động ứng phó với mọi tình huống nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả nhất.

Sự biến động giá bán sản phẩm trên thị trường tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Trisedco. Do đó chính sách giá bán linh hoạt theo biến động giá cả thị trường luôn được HĐQT và Ban TGD xem xét điều chỉnh tùy theo tình hình thị trường ở từng thời điểm.

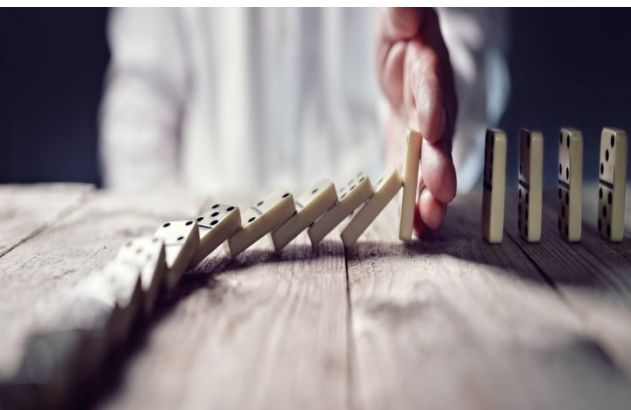
RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

Nhận diện rủi ro

Ngành nghề kinh doanh chính là bột cá – mỡ cá của Trisedco có mức độ cạnh tranh cao. Thị trường Trung Quốc đang là thị trường tiêu thụ bột cá lớn nhất hiện nay, trong tương lai có nhiều doanh nghiệp sẽ có được giấy phép xuất khẩu bột cá sang thị trường này, từ đó ảnh hưởng đến việc xuất khẩu bột cá của Trisedco là rất lớn.

Biện pháp ứng phó

Chỉ tiêu chất lượng là mục tiêu hàng đầu và quan trọng nhất mà Trisedco hướng đến. Lấy uy tín về chất lượng làm nền tảng để duy trì và mở rộng thị phần. Phân tích và đưa ra các giải pháp để phòng ngừa các mối nguy ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa trong quá trình sản xuất. Xây dựng các quy trình hoạt động để kiểm soát các sai sót có thể xảy ra. Không ngừng mở rộng thị trường để phân tán rủi ro.



TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

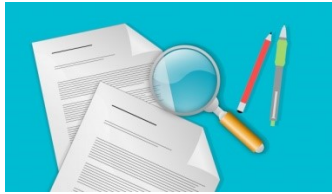
Báo cáo phát triển bền vững 2023 của Trisedco được tích hợp chung Báo cáo thường niên năm 2023 nhằm cung cấp thông tin chất lượng với nội dung ngắn gọn tránh trùng lặp cho cổ đông và các bên có liên quan.

MỤC TIÊU BÁO CÁO



Báo cáo phát triển bền vững của Công ty được xây dựng nhằm giúp nhà đầu tư, cổ đông và các bên có liên quan tiếp cận các thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của Trisedco ở khía cạnh phát triển bền vững. Công ty vẫn chủ động thực hiện liệt kê và phân tích các yếu tố đã, đang và có khả năng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ đó, ưu tiên theo mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan. Báo cáo sẽ cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty, các thông số, chính sách liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

PHẠM VI BÁO CÁO



Báo cáo này được lập trong phạm vi hoạt động của Công ty. Thông tin dữ liệu được cập nhật cho năm tài chính 2023. Các báo cáo về hoạt động an toàn lao động, xã hội môi trường được tổng hợp từ các hoạt động thường xuyên được thực hiện tại Công ty. Báo cáo phản ánh kết quả hoạt động trong năm 2023, đồng thời đề ra những định hướng mục tiêu trong những năm tiếp theo đối với chiến lược phát triển của Công ty.

CĂN CỨ LẬP BÁO CÁO

Báo cáo được lập dựa vào Phụ lục IV – Báo cáo thường niên tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, tham khảo hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững – của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

RANH GIỚI CỦA BÁO CÁO

Báo cáo được lập về lĩnh vực ngành nghề sản xuất, kinh doanh thủy sản được thực hiện đối với hoạt động của Công ty Trisedco.

QUẢN TRỊ HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật có liên quan kết hợp với các thông lệ về quản trị doanh nghiệp, bên cạnh việc xây dựng và hoàn thiện cơ cấu quản trị theo hướng ngày càng vững mạnh, Trisedco từng bước xây dựng một khung quản trị bao gồm Điều lệ, các Quy chế, Quy định và các văn bản pháp quy trong Công ty nhằm tạo ra một hệ thống quản trị chuyên nghiệp, xuyên suốt, minh bạch và hiệu quả.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Chỉ đạo chung về các vấn đề chiến lược của Công ty liên quan đến phát triển bền vững.
- Phê duyệt các mục tiêu và kế hoạch hành động



BAN ĐIỀU HÀNH

- Xây dựng và trình HĐQT các mục tiêu và kế hoạch hành động về phát triển bền vững.
- Chia sẻ chiến lược, mục tiêu kế hoạch phát triển bền vững trong toàn Công ty.



CÁC KHỐI VÀ BỘ PHẬN CHỨC NĂNG

Triển khai và thực hiện hóa kế hoạch phát triển bền vững theo định hướng của Ban Điều hành.



NHÂN VIÊN

Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể hằng ngày liên quan đến các mục tiêu phát triển bền vững của Trisedco.

Mô hình quản trị Công ty được thực hiện dựa trên sự kết hợp giữa các yếu tố:

Nền tảng cơ cấu quản trị Công ty vững chắc

Cơ cấu quản trị Công ty có đầy đủ các chủ thể quản trị của một Công ty niêm yết, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, các Ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành

Hướng tới tiệm cận chuẩn mực quốc tế

Công ty tuân thủ các khuôn khổ và thông lệ về Quản trị Công ty.

Phù hợp thông lệ và Pháp luật Việt Nam

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật, khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và các quy chế quản trị cho Công ty niêm yết

Áp dụng thống nhất với các Công ty liên quan

Công ty tuân thủ áp dụng các công cụ quản trị doanh nghiệp trong tập đoàn Sao Mai

QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trisedco xác định những bên liên quan là những cá nhân tổ chức có ảnh hưởng hoặc chịu ảnh hưởng bởi hoạt động sản xuất kinh doanh của Trisedco. Ban lãnh đạo Trisedco quan điểm gắn kết mong muốn các bên liên quan trong các hoạt động của doanh nghiệp, kiến tạo giá trị tích cực và bền vững cho các bên. Chúng tôi lắng nghe ý kiến của các bên liên quan, xây dựng mối quan hệ dựa trên lòng tin, đạo đức và tính chính trực. Cơ hội và rủi ro được xác định dựa trên đối thoại thường xuyên với các bên liên quan.

Công ty thiết lập cách thức đối thoại phù hợp với các bên liên quan. Chúng tôi đưa ra thảo luận các chủ đề xã hội, môi trường để đánh giá những vấn đề nào mà Trisedco cần chú trọng và giải quyết, đảm bảo rằng các vấn đề này được phản ánh trong chiến lược phát triển bền vững của Trisedco.



QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

KHÁCH HÀNG

- Chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, mang đến cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ tốt nhất với giá thành hợp lý.
- Tiến độ giao hàng và các chính sách tín dụng cho khách hàng.
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật tại thị trường trong và ngoài nước



NHÀ CUNG CẤP

- Nhà cung cấp đóng vai trò quan trọng trong sự thành công của Trisedco, do đó Công ty luôn duy trì mối quan hệ bền chặt, tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau đối với nhà cung cấp.
- Không lạm dụng quy mô lợi thế để chèn ép nhà cung cấp.
- Lựa chọn nhà cung cấp một cách công bằng dựa trên hồ sơ năng lực, uy tín, kinh nghiệm của nhà cung cấp.
- Không tiết lộ thông tin mật của nhà cung cấp cho các đối thủ cạnh tranh.
- Luôn hợp tác với các nhà cung cấp bằng phương thức đôi bên cùng có lợi, tiến đến hợp tác bền vững.



NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Xác định nguồn nhân lực là giá trị cốt lõi tạo nên sự thành công và phát triển bền vững của doanh nghiệp, Trisedco luôn áp dụng các chính sách phúc lợi, chế độ đãi ngộ hấp dẫn, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết và thi đua cùng phát triển cho CB-CNV.
- Chính sách lương thưởng hướng đến mục tiêu khuyến khích người lao động làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Hệ thống đánh giá nhân sự minh bạch, hiệu quả.
- Cam kết đảm bảo quyền, lợi ích an toàn nghề nghiệp cho người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành cũng như phản đối mọi hình thức cưỡng bức lao động tại doanh nghiệp.
- Quản trị trên cơ sở tôn trọng danh dự, nhân phẩm, nguyện vọng, quyền tự do và các quyền hợp pháp khác của người lao động.



QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

ĐỐI THỦ CẠNH TRANH



- Duy trì mối quan hệ với đối thủ cạnh tranh bằng tất cả thiện chí và không ngừng học hỏi từ những thành tích của họ.
- Không có những hành động phá hoại công ty của đối thủ, đồng thời công nhận những thành tích và tôn trọng lợi ích của họ.
- Cam kết cạnh tranh công bằng, không thông đồng hoặc có các hoạt động gây ảnh hưởng đến giá cả thị trường.
- Thực hiện sản xuất kinh doanh có trách nhiệm

CƠ QUAN NHÀ NƯỚC



- Góp phần tăng trưởng bền vững cho nền kinh tế quốc gia
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật và gia tăng giá trị đóng góp vào ngân sách nhà nước.
- Gia tăng cơ hội việc làm cho người dân.
- Tăng cường các mối quan hệ với các Cơ quan nhà nước nhưng không lợi dụng những mối quan hệ này để đạt được những lợi ích bất chính.

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



- Đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định về pháp luật bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa sự tác động đến môi trường trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất.
- Hiệu quả kinh tế của hoạt động sản xuất kinh doanh được đặt song song với mục tiêu bảo vệ môi trường.

CỔ ĐỒNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ



- Luôn thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin theo quy định của pháp luật, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư, và tính minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tuân thủ các cam kết với đối tác như đã quy định trong hợp đồng.
- Luôn cầu thị tiếp nhận những thông tin và giải quyết những yêu cầu của nhà đầu tư, giúp cổ đông, nhà đầu tư có cái nhìn toàn diện hơn về tình hình hoạt động, định hướng và chiến lược của Công ty.
- Việc trao đổi, tiết lộ thông tin phải đảm bảo công bằng, đảm bảo tính bình đẳng về cơ hội đầu tư đối với các nhà đầu tư.
- Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

CÁC TIẾP CẬN Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

ĐỐI TƯỢNG	CÁCH TIẾP CẬN
Khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập thông tin - Hỗ trợ khách hàng trực tiếp và trực tuyến. - Thường xuyên cập nhật thông tin website và mở rộng mối quan hệ với khách hàng thông qua các kênh như: hội chợ, hội thảo,... - Phiếu khảo sát, phỏng vấn về chất lượng sản phẩm, xu hướng tiêu dùng. - Tiếp nhận và giải quyết thông qua trả lời email, điện thoại.
Nhà cung cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm kiếm và gặp gỡ để đa dạng hóa danh mục nhà cung cấp đối với từng nhóm mặt hàng/sản phẩm. - Đánh giá nhà cung cấp. - Trao đổi trực tiếp và trực tuyến.
Người lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát ý kiến của người lao động - Các cuộc họp tổng kết. - Tổ chức các chương trình đào tạo - Cơ chế trao đổi, giải quyết các vấn đề, khiếu nại trực tiếp thông qua phòng Nhân sự Công ty. - Các kênh truyền thông nội bộ và trang mạng xã hội của Công ty. - Ban hành và truyền thông về các chính sách được áp dụng trong Công ty.
Đối thủ cạnh tranh	<ul style="list-style-type: none"> - Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp - Thỏa thuận trong các hợp đồng hợp tác giữa hai bên - Phối hợp triển khai mở rộng phạm vi hoạt động trong chuỗi giá trị của ngành. - Tiếp nhận giải quyết thông qua trả lời email, điện thoại - Đảm bảo nghĩa vụ đối với các bên. - Tham dự các cuộc hội thảo, hội nghị và hội chợ.

QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

CÁC TIẾP CẬN Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

ĐỐI TƯỢNG	CÁCH TIẾP CẬN
Cơ quan nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo tuân thủ theo quy định của Pháp luật. - Phối hợp trong các cuộc kiểm tra, thanh tra. - Báo cáo định kỳ theo yêu cầu của các Sở, Ban ngành có liên quan. - Đưa ra các sáng kiến, các mục tiêu và các phương thức chống biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính và tác động tích cực tới xã hội, môi trường cộng đồng. - Công khai, minh bạch những thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng hay website Công ty. - Đối thoại trực tiếp thông qua các chương trình gặp gỡ doanh nghiệp, hội thảo, diễn đàn kinh tế và phát triển bền vững.
Cộng đồng địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền và kêu gọi người dân tham gia vào các chương trình, hoạt động phát triển, gắn kết cộng đồng bền vững. - Tham gia vào các hoạt động xã hội, tài trợ, từ thiện vì cộng đồng. - Duy trì vận hành hệ thống quản lý môi trường tại đơn vị sản xuất, tuân thủ các chỉ tiêu an toàn về rác thải, tiếng ồn tại các nhà máy. - Phối hợp với chính quyền địa phương. - Trao đổi song phương qua các sự kiện
Cổ đông và nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và giải quyết thông qua trả lời email, điện thoại. - Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường theo quy định của Pháp luật. - Lấy ý kiến bằng văn bản. - Công bố thông tin trên website của Công ty. - Tham gia các diễn đàn, hội thảo nhà đầu tư nhằm chia sẻ thông tin cơ hội đầu tư.

CÁC YẾU TỐ TRỌNG YẾU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRISEDCO TIẾP CẬN CÁC BÊN LIÊN QUAN QUA NHIỀU KÊNH TƯƠNG TÁC VÀ BẰNG NHIỀU HÌNH THỨC KHÁC NHAU. TRISEDCO LUÔN TÌM HIỂU SỰ QUAN TÂM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỂ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NGÀY Càng HIỆU QUẢ HƠN. PHƯƠNG THỨC XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ƯU TIÊN CỦA CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU ĐƯỢC THỰC HIỆN NHƯ SAU:

Xác định lĩnh vực trọng yếu

- Đánh giá sơ bộ bối cảnh của nền kinh tế, lĩnh vực thủy sản nói chung và chiến lược phát triển, các vấn đề nội tại của Công ty nói riêng cũng như kỳ vọng của các bên có liên quan để xác định các chủ đề quan trọng có thể phát sinh trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh với các bên liên quan

Đánh giá mức độ ưu tiên

- Phân tích và đánh giá mỗi chủ đề xác định ở Bước trên các khía cạnh đảm bảo lợi ích của các bên liên quan và mức độ ảnh hưởng đến Công ty theo các cấp độ Thấp - Trung bình - Cao, phản ánh kết quả đánh giá trên ma trận trọng yếu.

Xác nhận bởi cấp quản lý

- Kết quả đánh giá mức độ ưu tiên của từng lĩnh vực trọng yếu được đệ trình và xác nhận bởi đội ngũ quản lý cấp cao có liên quan

Truyền thông và triển khai các chương trình hành động

- Xây dựng mục tiêu và kế hoạch hành động tương ứng các lĩnh vực trọng yếu đã được phê duyệt, truyền thông và thực hiện các chương trình, hoạt động theo kế hoạch đã được phê duyệt.



CÁC YẾU TỐ TRỌNG YẾU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Quản lý nguồn nguyên liệu

Nguồn nguyên liệu cho sản xuất tại Công ty Trisedco luôn luôn là một trong những yếu tố góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm của Công ty. Để chủ động hơn với nguồn nguyên liệu là phụ phẩm cá Tra/ cá Basa, các Công ty thủy sản thuộc đơn vị Tập đoàn Sao Mai, với các vùng nuôi khép kín luôn luôn đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng. Do đó, đây là yếu tố quan trọng nhất tác động mạnh mẽ làm tăng thêm tính cạnh tranh cho các mặt hàng của Trisedco với giá thành sản xuất hợp lý.

Sản phẩm mỡ cá thô được sản xuất từ phụ phẩm cá Tra/ cá Basa sẽ được dùng làm nguyên liệu đầu vào cho sản phẩm dầu cá tinh luyện. Có thể nói đây là một quy trình khép kín và sẽ đảm bảo được sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên liệu cho nhà máy dầu cá Ranee. Từ đó, việc quản lý chất lượng nguyên liệu được kiểm soát chặt chẽ hơn,... Với những địa thế và vị trí trung tâm của các nguồn sản xuất và cung ứng sản phẩm cá Tra/ cá Basa tại khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long, và cũng là khu vực có số lượng nuôi trồng và cung ứng cá lớn nhất cả nước, và các nguồn nguyên liệu được cung cấp luôn có độ tươi rất cao do khoảng cách vận chuyển phụ phẩm không quá 60 phút. Đây chính là những yếu tố tác động lớn cho tính cạnh tranh của các sản phẩm từ nhà máy Trisedco khi so sánh với các nhà máy bột khác trong khu vực lân cận.

Nguồn nước

Với đặc thù hoạt động của công ty, nguồn nước sử dụng trong hoạt động chế biến các sản phẩm chính của công ty và sử dụng nước cho sinh hoạt.

Song song với chính sách tiết kiệm năng lượng. Công ty cũng có các hoạt động, chính sách tiết kiệm nguồn nước sử dụng. Nguồn cấp nước chủ yếu của Trisedco chủ yếu từ hai nguồn là: nguồn nước sử dụng từ giếng khoan của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI cấp sang và nguồn nước sinh hoạt do công ty Cấp nước huyện Lấp Vò cung cấp. Lượng nước sử dụng trung bình 300m³ ngày/đêm.

CÁC YẾU TỐ TRỌNG YẾU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Biện pháp tiết kiệm năng lượng

Việc sử dụng năng lượng tiết kiệm luôn được Công ty chú trọng, đảm bảo nằm trong định mức mà Ban Tổng Giám đốc đã đề ra. Mỗi dây chuyền sản xuất được thường xuyên theo dõi, thống kê tình hình sử dụng năng lượng nhằm phát hiện và điều chỉnh kịp thời tình trạng sử dụng không hợp lý.

Tình hình sử dụng năng lượng

Chi phí năng lượng ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, tiết kiệm năng lượng là mục tiêu hàng đầu trong sản xuất để mang lại lợi nhuận cao hơn. Trong năm 2022, Công ty luôn thực hiện chính sách tiết kiệm nguồn năng lượng điện, xăng, dầu với mục đích vừa tiết kiệm chi phí cho công ty và cả tài nguyên cho quốc gia, bảo vệ môi trường. Công ty luôn nhắc nhở nhân viên thực hiện đúng quy định về sử dụng năng lượng trong công ty như: thực hiện theo khẩu hiệu “tắt khi không sử dụng”, các phòng ban chỉ được sử dụng điều hòa từ 9h sáng đến 4h chiều.

Công ty sử dụng hai nguồn năng lượng chủ yếu:

- Năng lượng trực tiếp: sử dụng năng lượng điện cung cấp cho sản xuất khoảng 200.000kwh/tháng.
- Năng lượng gián tiếp: hơi nước bão hòa được cung cấp từ 02 lò hơi có công suất 15 tấn/lò/giờ. Nhiên liệu đốt là trấu xá. Trung bình mỗi tháng sử dụng khoảng 1.100 tấn trấu xá/tháng.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm công ty không có vi phạm luật và các quy định về môi trường.

Công ty có lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “nhà máy chế biến phụ phẩm Trisedco” được phê duyệt theo quyết định 456/QĐ-UBND.HC ngày 14/06/2010 của UBND tỉnh Đồng Tháp.

Công ty có giấy xác nhận số 732/STNMT-CCBVMТ ngày 13/06/2012 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án nhà máy chế biến phụ phẩm Trisedco.

Công ty thực hiện và lập báo cáo giám sát môi trường định kỳ 06 tháng/lần và được Sở Tài nguyên Môi trường xác nhận.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP:

❖ Đơn vị: Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

- Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP.HCM

- Điện thoại: (028) 3820 5944 – 3820 5947 fax: (028) 3820 5942

- Website: aascs.com.vn

❖ Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

(Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán được đính kèm ở phần sau Báo cáo thường niên này).

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2024

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi gửi:

- Quý cổ đông công ty;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT TPHCM (để b/c);
- Đăng website Công ty;
- Lưu VT, QHCD.





Member of MSI Global Alliance

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH
VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**

Đơn vị kiểm toán:

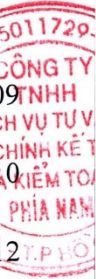
**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 44



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 3 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 15 tháng 06 năm 2023.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch An Giang; Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5202000689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023 là: **629.351.040.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu.

3. Ngành nghề kinh doanh:

San lấp mặt bằng (4312); Sản xuất vật liệu xây dựng (2391); Mua bán vật liệu xây dựng (4663); Khai thác cát, sỏi (0810); Kinh doanh dịch vụ khách sạn (5510); Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (5610); Kinh doanh công viên cây xanh, công viên nước, vườn trại (9321); Dịch vụ vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú - Kinh doanh khu vui chơi, giải trí (9329); Nuôi thủy sản (0322); Sản xuất, chế biến thực phẩm - Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản (1020); Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản (1080); Mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến, dầu, mỡ động thực vật (4632); Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản (4620); Sản xuất, đóng hộp dầu, mỡ động, thực vật (1040); Mua bán phân bón, cám (4669); Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (2012); Đầu tư, kinh doanh khu biệt thự sinh thái, Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng (6810); Sản xuất, chế biến lương thực (1061); Sản xuất, phân phối hơi nước (3530); Sản xuất, phân phối khí ni tơ (2011); Sản xuất, phân phối khí nén (3290); Trồng lúa (0111); Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (1062); Xây dựng công trình cấp, thoát nước (4222); Xây dựng công trình đường bộ (4212); Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (4322); Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm (0128); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4299); Xây dựng nhà ở (4101); Xây dựng nhà không ở (4102).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2023 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông: Lê Văn Chung	Chủ tịch	
Ông: Lê Thanh Thuần	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16/04/2023
Ông: Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 16/04/2023
Ông: Lê Quốc Mạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2023
Bà: Hoàng Thị Thanh	Thành viên độc lập	
Ông: Trần Hiếu	Thành viên độc lập	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông: Lê Văn Lâm	Tổng Giám đốc
Ông: Lê Hoàng Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Lê Quốc Mạnh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Lê Thành Thủy Linh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16/04/2023
Bà: Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2023
Ông: Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2023

Các thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ bao gồm:

Bà: Trần Thụy Thanh Thảo	Trưởng ban	
Ông: Trần Bảo Đông	Thành viên	
Ông: Phạm Minh Hoàng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17/04/2023
Bà: Mai Thanh Thúy Vy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/04/2023

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Lê Văn Lâm Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Gia Thuận

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là công ty kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày kết thúc ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT KHÁC

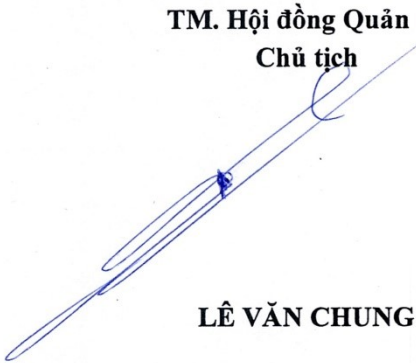
Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty .

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 01 năm 2024

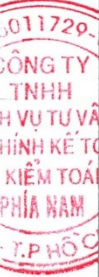
TM. Hội đồng Quản trị
Chủ tịch


LÊ VĂN CHUNG

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



LÊ VĂN LÂM



Số : 196/BCKT/TC/2024/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản, được lập ngày 19 tháng 01 năm 2024, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty kết thúc ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)



Phó Tổng Giám đốc

LÊ VĂN TUẤN

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 0479-2023-142-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Kiểm toán viên

ĐẶNG TÙNG HƯNG

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 3611-2021-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.131.857.006.046	1.286.500.397.470
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	463.441.799.701	229.855.953.679
111	1. Tiền		231.241.799.701	169.855.953.679
112	2. Các khoản tương đương tiền		232.200.000.000	60.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	216.623.124.494	320.078.710.467
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		216.623.124.494	320.078.710.467
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		395.048.107.916	653.934.588.276
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	358.166.637.601	567.980.694.563
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		30.666.407.622	75.685.218.500
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.05	6.215.062.693	10.268.675.713
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.06	56.715.472.359	79.434.364.316
141	1. Hàng tồn kho		56.715.472.359	79.434.364.316
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		28.501.576	3.196.780.232
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.12	28.501.576	47.891.316
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ			3.148.888.916
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		530.743.399.032	466.163.885.493
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		175.898.879.835	49.218.379.835
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	V.04	173.000.000.000	43.300.000.000
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.05	2.898.879.835	5.918.379.835
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		238.101.743.862	271.421.279.845
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	141.847.475.854	56.129.501.596
222	- Nguyên giá		316.706.158.640	154.844.579.474
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(174.858.682.786)	(98.715.077.878)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.09	62.601.236.736	180.675.006.313
225	- Nguyên giá		94.718.592.990	248.628.337.156
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(32.117.356.254)	(67.953.330.843)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	33.653.031.272	34.616.771.936
228	- Nguyên giá		41.663.891.750	41.663.891.750
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(8.010.860.478)	(7.047.119.814)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.11	109.168.853.734	117.456.387.370
231	- Nguyên giá		179.693.476.502	179.693.476.502
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(70.524.622.768)	(62.237.089.132)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.07	4.452.987.885	10.736.886.563
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.452.987.885	10.736.886.563
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02		16.051.736.058
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			6.418.973.891
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			(367.237.833)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			10.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.120.933.716	1.279.215.822
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	3.120.933.716	1.279.215.822
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.662.600.405.078	1.752.664.282.963

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		820.861.959.767	986.372.246.257
310	I. Nợ ngắn hạn		795.844.829.173	942.673.216.035
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	58.094.519.384	125.980.125.605
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.487.883.214	1.167.335.714
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	8.062.214.742	8.662.818.586
314	4. Phải trả người lao động		812.526.850	553.218.141
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	1.340.020.397	1.466.292.125
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	890.000.000	1.113.661.160
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	721.059.976.710	801.654.303.171
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.18	2.022.226.343	
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.075.461.533	2.075.461.533
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		25.017.130.594	43.699.030.222
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.13	25.017.130.594	43.699.030.222
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.19	841.738.445.311	766.292.036.706
410	I. Vốn chủ sở hữu		831.475.060.211	756.028.651.606
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		629.351.040.000	629.351.040.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		629.351.040.000	629.351.040.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		17.671.936.401	14.938.913.882
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		13.521.013.335	10.787.990.816
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		13.521.013.335	10.787.990.816
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		157.410.057.140	90.162.716.092
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		82.096.512.456	10.063.756.630
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		75.313.544.684	80.098.959.462
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	V.20	10.263.385.100	10.263.385.100
431	1. Nguồn kinh phí		10.263.385.100	10.263.385.100
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.662.600.405.078	1.752.664.282.963

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 01 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

LƯU TRẦN TẤN

NGUYỄN GIA THUẬN



LÊ VĂN LÂM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	2.939.736.406.597	2.999.734.896.573
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02		5.091.179.788
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.939.736.406.597	2.994.643.716.785
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	2.813.913.995.924	2.856.697.128.555
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		125.822.410.673	137.946.588.230
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	49.746.173.329	33.014.182.765
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	68.675.993.454	60.556.315.911
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		60.897.297.334	53.948.378.777
24	8. Chi phí bán hàng	VI.06	8.289.163.967	12.221.292.741
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	13.410.952.272	9.239.298.725
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		85.192.474.309	88.943.863.616
31	11. Thu nhập khác	VI.07	730.020.000	14.348.500
32	12. Chi phí khác	VI.08	2.616.337.716	289.939.262
40	13. Lợi nhuận khác		(1.886.317.716)	(275.590.762)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		83.306.156.593	88.668.272.854
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	7.992.611.909	8.569.313.392
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		75.313.544.684	80.098.959.462
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	1.197	1.433
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	1.197	1.433

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 01 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



LƯU TRẦN TẤN



NGUYỄN GIA THUẬN



LÊ VĂN LÂM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		83.306.156.593	88.668.272.854
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		49.558.904.619	51.340.684.358
03	- Các khoản dự phòng		(367.237.833)	367.237.833
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(5.922.608.702)	398.342.915
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(40.910.890.753)	(26.523.919.884)
06	- Chi phí lãi vay		60.897.297.334	53.948.378.777
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		146.561.621.258	168.198.996.853
08	- Tăng, giảm các khoản phải thu		264.266.699.499	(128.803.499.268)
09	- Tăng, giảm hàng tồn kho		22.718.891.957	31.248.915.854
10	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(54.539.480.549)	10.551.594.942
11	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.822.328.154)	313.065.723
12	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
13	- Tiền lãi vay đã trả		(61.001.754.501)	(54.084.168.247)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.569.313.392)	(3.958.705.523)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			2.633.363.900
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		307.614.336.118	26.099.564.234
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.931.101.038)	(4.788.611.045)
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			12.083.284.605
23	- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(823.500.000.000)	(995.001.000.000)
24	- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		807.255.585.973	1.019.429.616.965
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.418.973.891	
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		41.547.297.734	21.764.884.675
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		27.790.756.560	53.488.175.200

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	- Tiền thu từ đi vay		2.177.863.136.048	1.754.772.138.873
34	- Tiền trả nợ gốc vay		(2.250.269.199.609)	(1.682.146.173.028)
35	- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(29.314.613.035)	(42.949.223.168)
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(101.720.676.596)	29.676.742.677
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		233.684.416.082	109.264.482.111
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		229.855.953.679	115.943.247.969
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(98.570.060)	4.648.223.599
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		463.441.799.701	229.855.953.679

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 01 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

LƯU TRẦN TẤN

NGUYỄN GIA THUẬN



LÊ VĂN LÂM



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 3 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 15 tháng 06 năm 2023.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch An Giang; Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5202000689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023 là: **629.351.040.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu.

3. Ngành nghề kinh doanh

San lấp mặt bằng (4312); Sản xuất vật liệu xây dựng (2391); Mua bán vật liệu xây dựng (4663); Khai thác cát, sỏi (0810); Kinh doanh dịch vụ khách sạn (5510); Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (5610); Kinh doanh công viên cây xanh, công viên nước, vườn trại (9321); Dịch vụ vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú - Kinh doanh khu vui chơi, giải trí (9329); Nuôi thủy sản (0322); Sản xuất, chế biến thực phẩm - Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản (1020); Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản (1080); Mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến, dầu, mỡ động thực vật (4632); Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản (4620); Sản xuất, đóng hộp dầu, mỡ động, thực vật (1040); Mua bán phân bón, cám (4669); Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (2012); Đầu tư, kinh doanh khu biệt thự sinh thái, Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng (6810); Sản xuất, chế biến lương thực (1061); Sản xuất, phân phối hơi nước (3530); Sản xuất, phân phối khí ni tơ (2011); Sản xuất, phân phối khí nén (3290); Trồng lúa (0111); Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (1062); Xây dựng công trình cấp, thoát nước (4222); Xây dựng công trình đường bộ (4212); Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (4322); Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm (0128); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4299); Xây dựng nhà ở (4101); Xây dựng nhà không ở (4102).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có

6. Số lượng lao động tại ngày 31/12/2023: 83 lao động. Tại ngày 01/01/2023 là 84 lao động.

7. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con:

Không có

- Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

Không có

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)



III . CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

+ Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

+ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

4 . Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5 . Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

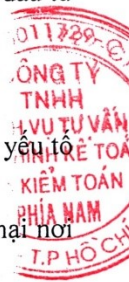
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6 . Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

11 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

13 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

14 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

15 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

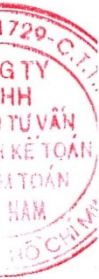
+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

16 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...



Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

17 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

18 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

19 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành của kỳ hiện tại và các kỳ trước nếu chưa nộp được ghi nhận là nợ phải trả. Nếu giá trị đã nộp trong kỳ hiện tại và các kỳ trước vượt quá số phải nộp cho các kỳ đó, thì phần nộp thừa sẽ được ghi nhận là tài sản.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 511 21 000 091 chứng nhận lần đầu ngày 11 tháng 05 năm 2011 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư "Nhà máy bột cá Trisedco", Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm (Theo thông tư 78/2014/TT-BTC, ngày 18/06/2014, hướng dẫn nghị định số 128/2013/NĐ-CP, ngày 26/12/2013, từ ngày 01/01/2016 áp dụng thuế suất 17%, thay cho việc đang áp dụng thuế suất là 20%). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2012) và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2017). Từ năm 2015, Công ty lựa chọn áp dụng ưu đãi thuế TNDN theo ngành nghề (Theo Khoản 4 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC, ngày 22/06/2015) cụ thể như sau: Thuế suất 10% trên thu nhập của phần sản xuất của Nhà máy và thuế suất phổ thông (Năm 2015 thuế suất là 22%, từ năm 2016 thuế suất là 20%) trên thu nhập của phần thương mại và dịch vụ.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

20 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

21 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22 . Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	17.841.104	82.400.380
Tiền gửi không kỳ hạn	231.223.958.597	169.773.553.299
- Tiền gửi (VND)	221.026.984.487	122.294.518.020
- Tiền gửi (USD)	10.196.974.110	47.479.035.279
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn)	232.200.000.000	60.000.000.000
Cộng	463.441.799.701	229.855.953.679



02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
a1) Ngân hạn	216.623.124.494	216.623.124.494	320.078.710.467	320.078.710.467
- Tiền gửi có kỳ hạn (VND)	216.623.124.494	216.623.124.494	320.078.710.467	320.078.710.467
+ Ngân hàng VCB	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Ngân hàng ACB - CN Sa Đéc	13.534.794.520	13.534.794.520	100.500.000.000	100.500.000.000
+ Ngân hàng Hàng Hải	13.939.840.000	13.939.840.000	27.929.220.493	27.929.220.493
+ Ngân hàng BIDV Bến Nghé	3.498.489.974	3.498.489.974	3.498.489.974	3.498.489.974
+ Ngân hàng CTBC	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Ngân hàng Nam Á	21.150.000.000	21.150.000.000	21.150.000.000	21.150.000.000
+ Ngân hàng PBCE	58.800.000.000	58.800.000.000	10.001.000.000	10.001.000.000
+ Ngân hàng VP bank	10.000.000.000	10.000.000.000	132.000.000.000	132.000.000.000
+ Ngân hàng HD bank	39.000.000.000	39.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Ngân hàng TP bank	14.700.000.000	14.700.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Ngân hàng INDOVINA	17.000.000.000	17.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Ngân hàng Woori				
a2) Dài hạn	216.623.124.494	216.623.124.494	10.000.000.000	10.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (VND)			10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	216.623.124.494	216.623.124.494	330.078.710.467	330.078.710.467

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác	6.418.973.891	6.418.973.891	6.418.973.891	(367.237.833)
- Công ty CP Tư vấn và Đầu Tư tài chính (*)			6.418.973.891	(367.237.833)
Cộng	6.418.973.891	6.418.973.891	6.418.973.891	(367.237.833)

Ghi chú:

(*) Theo Nghị quyết HĐQT số 12/11/2023- NQ-HĐQT ngày 11/12/2023, Công ty thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty CP Tư vấn và Đầu tư tài chính.



03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	358.166.637.601	567.980.694.563
+ Công ty CP Dầu cá Châu Á	241.914.818.941	354.337.434.353
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	6.831.005.000	
+ Công ty CP XK Thủy Hải Sản Sạch	101.185.453.660	189.865.317.660
+ Neste Asia Pacific Pte. Ltd		16.409.941.800
+ Teampower Feed & Grains Trading Limited		7.038.000.000
+ Đối tượng khác	8.235.360.000	330.000.750
b) Dài hạn		
Cộng	358.166.637.601	567.980.694.563

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03

04 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
b) Dài hạn	173.000.000.000	43.300.000.000
+ Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai (*)	173.000.000.000	43.300.000.000
Cộng	173.000.000.000	43.300.000.000

(*) Theo hợp đồng cho vay số 01.HĐCVV/2022 ngày 03/01/2022 và Phụ lục số 01 ngày 01/11/2022 cho Công ty CP Tập đoàn Sao Mai vay vốn với số tiền cụ thể theo từng lần vay, lãi suất áp dụng 10%/năm, thời hạn vay là trên 12 tháng.

05 . PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	6.215.062.693		10.268.675.713	
Tạm ứng	619.130.846		816.000.000	
Phải thu khác	5.595.931.847		9.452.675.713	
+ Lãi tiền gửi dự thu	4.410.009.910		6.241.131.190	
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV NHTMCP Công Thương VN	1.185.921.937		3.099.387.103	
+ Đối tượng khác			112.157.420	
b) Dài hạn	2.898.879.835		5.918.379.835	
Ký cược, ký quỹ	2.898.879.835		5.918.379.835	
Cộng	9.113.942.528		16.187.055.548	

06 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	587.154.955		1.098.306.608	
- Thành phẩm	38.593.260.981		39.150.071.226	
- Hàng hóa	17.535.056.423		39.185.986.482	
Cộng	56.715.472.359		79.434.364.316	

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND

07 . TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản

+ Dự án bột nêm

+ Máy ly tâm

Chi phí khác

Cộng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xây dựng cơ bản	4.452.987.885	10.116.986.563
+ Dự án bột nêm		10.116.986.563
+ Máy ly tâm	4.452.987.885	
Chi phí khác		619.900.000
Cộng	<u>4.452.987.885</u>	<u>10.736.886.563</u>



08 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	77.617.184.809	69.713.850.110	7.268.227.181	245.317.374		154.844.579.474
2. Số tăng trong năm		161.861.579.166				161.861.579.166
- Mua trong năm		154.865.000				154.865.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành		7.746.970.000				7.746.970.000
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính (*)		153.959.744.166				153.959.744.166
3. Số giảm trong năm						
- Nhượng bán, thanh lý						
4. Số dư cuối năm	77.617.184.809	231.575.429.276	7.268.227.181	245.317.374		316.706.158.640
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	41.598.934.753	50.576.504.433	6.411.516.596	128.122.096		98.715.077.878
2. Khấu hao trong năm	3.758.561.688	71.967.378.480	389.193.624	28.471.116		76.143.604.908
- Khấu hao trong năm	3.758.561.688	9.120.899.631	389.193.624	28.471.116		13.297.126.059
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		62.846.478.849				62.846.478.849
- Phân loại lại						
3. Giảm trong năm						
- Nhượng bán, thanh lý						
- Phân loại lại						
4. Số dư cuối năm	45.357.496.441	122.543.882.913	6.800.710.220	156.593.212		174.858.682.786
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	36.018.250.056	19.137.345.677	856.710.585	117.195.278		56.129.501.596
2. Tại ngày cuối năm	32.259.688.368	109.031.546.363	467.516.961	88.724.162		141.847.475.854

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 87.263.409.036 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 56.653.779.079 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

(*) Công ty thực hiện mua lại tài sản thuê tài chính theo Biên bản thanh lý ngày 05/09/2023 về việc thanh lý Hợp đồng cho thuê tài chính số 42/2016/CN.MN-CTTC ngày 29/07/2016



09 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	11.070.071.709	237.558.265.447				248.628.337.156
2. Số tăng trong năm						
- Thuê tài chính trong năm						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm		153.909.744.166				153.909.744.166
- Thanh lý TSCĐ thuê tài chính (*)		153.909.744.166				
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	11.070.071.709	83.648.521.281				94.718.592.990
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	2.376.858.627	65.576.472.216				67.953.330.843
2. Khấu hao trong năm	2.592.936.684	24.417.567.576				27.010.504.260
- Khấu hao trong năm	2.592.936.684	24.417.567.576				
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm		62.846.478.849				62.846.478.849
- Thanh lý TSCĐ thuê tài chính		62.846.478.849				
- Phân loại lại						
4. Số dư cuối năm	4.969.795.311	27.147.560.943				32.117.356.254
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	8.693.213.082	171.981.793.231				180.675.006.313
2. Tại ngày cuối năm	6100276398	56.500.960.338				62.601.236.736

Ghi chú:

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 4.624.111.222 VND
 - Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính.
 - Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng thuê tài chính, bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng.
 (*) Công ty thực hiện mua lại tài sản thuê tài chính theo Biên bản thanh lý ngày 05/09/2023 về việc thanh lý Hợp đồng cho thuê tài chính số 42/2016/CN.MN-CTTC ngày 29/07/2016



11 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a) BĐS đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	179.693.476.502			179.693.476.502
- Quyền sử dụng đất	17.254.727.273			17.254.727.273
- Nhà	162.438.749.229			162.438.749.229
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế	62.237.089.132	8.287.533.636		70.524.622.768
- Quyền sử dụng đất	3.135.100.578	392.211.852		3.527.312.430
- Nhà	59.101.988.554	7.895.321.784		66.997.310.338
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại	117.456.387.370			109.168.853.734
- Quyền sử dụng đất	14.119.626.695			13.727.414.843
- Nhà	103.336.760.675			95.441.438.891
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
b) BĐS đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				

- Giá trị còn lại cuối năm của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 64.482.794.055 VND
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 10.744.100.207 VND

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	28.501.576	47.891.316
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	19.866.667	39.496.814
Chi phí khác	8.634.909	8.394.502
b) Dài hạn	3.120.933.716	1.279.215.822
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.590.904.782	119.964.988
Chi phí khác	530.028.934	1.159.250.834
Cộng	3.149.435.292	1.327.107.138

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a) Vay ngắn hạn	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn - VND	708.849.976.710	708.849.976.710	2.001.505.342.068	1.983.945.103.529	691.289.738.171	691.289.738.171

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn - VND

Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Sa Đéc	59.299.600.000	18.761.160.000	708.849.976.710	691.289.738.171	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN An Giang	10.656.800.000	125.576.736.000				
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN An Giang		38.000.000.000				
Ngân hàng CTBC - CN TP.Hồ Chí Minh	25.504.993.943	24.401.936.000				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bến Nghé	380.020.044.900	352.336.319.400				
Ngân hàng BPCE IOM - CN TP.Hồ Chí Minh	47.079.759.367	62.046.447.771				
Ngân hàng TMCP Phát Triển - CN Vũng Tàu	31.448.624.500	10.800.000.000				



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn - VND (tiếp theo)

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Đồng Tháp					29.979.512.000	29.875.870.000
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Tháp					54.923.642.000	29.491.269.000
Ngân hàng WOORI Việt Nam					65.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam Cần Thơ					4.937.000.000	
Vay ngắn hạn - USD	12.210.000.000	12.210.000.000	265.944.977.080	349.948.262.080	96.213.285.000	96.213.285.000
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn - USD					Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Sa Đéc					12.210.000.000	96.213.285.000
Ngân hàng TMCP Nam Á Cần Thơ					12.210.000.000	41.527.500.000

Cộng

721.059.976.710 721.059.976.710 2.267.450.319.148 2.333.893.365.609 787.503.023.171 787.503.023.171

c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

Thời hạn	Năm nay		Năm trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	11.875.555.735	11.260.657.219	27.673.208.853	2.627.423.879
Trên 1 năm đến 5 năm	22.063.168.522	18.053.955.816	22.506.959.699	4.603.521.505
Cộng	33.938.724.257	29.314.613.035	50.180.168.552	7.230.945.384
				42.949.223.168



	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
d) Giá trị nợ thuế tài chính				
Ngắn hạn				
Gốc nợ thuế tài chính			14.151.280.000	14.151.280.000
Lãi thuế tài chính phải trả			14.151.280.000	14.151.280.000
Dài hạn				
Gốc nợ thuế tài chính	25.017.130.594	25.017.130.594	43.699.030.222	43.699.030.222
Lãi thuế tài chính phải trả	25.017.130.594	25.017.130.594	43.699.030.222	43.699.030.222
Cộng	25.017.130.594	25.017.130.594	57.850.310.222	57.850.310.222

đ) Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán: Không có

e) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan: Không có



Chi tiết các khoản vay tại ngày 31/12/2023

Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Bên cho vay	Hợp đồng/Phụ lục	Hạn mức/Số tiền vay		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất (%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TMCP Á Châu	SDE.DN.1617.230523		73.300.000.000		59.299.600.000	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Bất động sản
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	125/2023/HDHM/CIB		250.000.000.000		10.656.800.000	5	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Bất động sản và cổ phiếu bên thứ 3
Ngân hàng TNHH CTBC	AC8-STVN1140-16	1.000.000			25.504.993.943	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Ký quỹ tiền
Ngân hàng BPCE	FCA-000601-2024	3.500.000			47.079.759.367	5	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Ký quỹ tiền
Ngân hàng HD Bank	37243/22MIN/HĐTD		90.000.000.000		31.448.624.500	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Cổ phiếu bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Nam Á	0569/2021/603-CV		100.000.000.000	500.000	12.210.000.000	5	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Cổ phiếu bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	105/2022-HĐCVHM/NHCT720-TRISEDCO		55.000.000.000		54.923.642.000	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Trái phiếu và bất động sản bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	75/2023/VCB.ĐT-CRC		30.000.000.000		29.979.512.000	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	01/2024/4956478/HĐTD		400.000.000.000		380.020.044.900	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Bất động sản
Ngân hàng WOORI	VN123002861/WBVN 303		75.000.000.000		65.000.000.000	Theo từng kế ước nhận nợ	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Bất động sản bên thứ 3
Ngân hàng MSB	1064617/2023/HĐTD/TRISEDCO		70.000.000.000		4.937.000.000	Theo từng kế ước nhận nợ	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Bất động sản
Tổng ngân hàng		4.500.000	1.143.300.000.000	500.000	721.059.976.710				



Chi tiết các khoản vay tại ngày 31/12/2023

Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Bên cho vay	Hợp đồng/Phụ lục	Hạn mức/Số tiền vay		Dự nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất (%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Công ty CTTC VIETINBANK LEASING		-	84.590.580.627	-	17.762.242.583				
	72/2019/CN.MN-CTTC		49.262.765.960		10.186.485.000	63	10,50%	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Ký cược
	105/2021/CN.MN-CTTC		35.327.814.667		7.575.757.583	36	10,50%	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Ký cược
Bên cho vay	Hợp đồng/Phụ lục	Hạn mức/Số tiền vay		Dự nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất (%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Công ty CTTC CHAILEASE LEASING		-	13.549.974.933	-	7.254.888.011				
	C2201170C2		8.634.655.933		4.490.021.077	50	7,71%	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Ký cược
	C2211008C2		4.915.319.000		2.764.866.934	32	8,19%	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Ký cược
Tổng dài hạn		-	98.140.555.560	-	25.017.130.594				



Đơn vị tính: VND

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	58.094.519.384	58.094.519.384	125.980.125.605	125.980.125.605
- Công ty Cổ phần Xuất Khẩu Thủy Hải Sản Sạch	11.006.530.179	11.006.530.179	124.868.903.567	124.868.903.567
- Công ty TNHH MTV Kiểm định & Đầu tư Toàn Cầu	46.213.547.000	46.213.547.000		
- Đối tượng khác	874.442.205	874.442.205	1.111.222.038	1.111.222.038
b) Dài hạn				
Cộng	58.094.519.384	58.094.519.384	125.980.125.605	125.980.125.605

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán

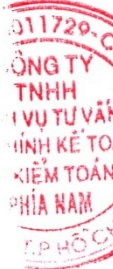
d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số cuối năm	
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm	Số cuối năm	Số cuối năm	
Thuế GTGT	29.731.084	553.262.721	553.262.721	447.528.875	135.464.930			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.570.523.745	7.859.747.988	7.859.747.988	8.569.313.392	7.860.958.341			
Thuế thu nhập cá nhân	62.563.757	107.159.600	107.159.600	103.931.886	65.791.471			
Thuế, phí, lệ phí khác								
Cộng	8.662.818.586	8.520.170.309	8.520.170.309	9.120.774.153	8.062.214.742			

Ghi chú:

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



	<i>Số cuối năm</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <i>Số đầu năm</i>
16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ		
a) Ngắn hạn	1.340.020.397	1.466.292.125
Lãi vay trích trước	1.340.020.397	1.466.292.125
b) Dài hạn		
Cộng	1.340.020.397	1.466.292.125

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
17 . PHẢI TRẢ KHÁC		
a) Ngắn hạn	890.000.000	1.113.661.160
Kinh phí công đoàn		173.661.160
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	890.000.000	940.000.000
b) Dài hạn		
Cộng	890.000.000	1.113.661.160

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
18 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ		
a) Ngắn hạn	2.022.226.343	
Dự phòng phải trả tiền lương	2.022.226.343	
b) Dài hạn		
Cộng	2.022.226.343	

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	460.054.130.000	10.787.990.816	10.787.990.816	14.938.913.882	179.360.666.630	675.929.692.144
Lãi trong năm trước	169.296.910.000				80.098.959.462	249.395.869.462
Tăng do trích lập từ lợi nhuận						
Tăng khác						
Trích quỹ từ lợi nhuận						
Lỗ trong năm trước						
Chia cổ tức						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
Số dư đầu năm nay	629.351.040.000	10.787.990.816	10.787.990.816	14.938.913.882	90.162.716.092	756.028.651.606
Tăng vốn năm nay						
Lãi trong năm nay					75.313.544.684	75.313.544.684
Tăng do trích từ lợi nhuận		2.733.022.519	2.733.022.519	2.733.022.519	(8.199.067.557)	
Tăng khác					225.034.481	225.034.481
Trích quỹ từ lợi nhuận						
Giảm vốn trong năm nay						
Lỗ trong năm nay						
Chia cổ tức						
Giảm khác (*)						
Số dư cuối năm nay	629.351.040.000	13.521.013.335	13.521.013.335	17.671.936.401	157.410.057.140	831.475.060.211

Theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ - ĐHCĐ ngày 10/04/2022 và Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHCĐ ngày 16/04/2023 thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2021 và 2022 như sau: Trích Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp số tiền là 2.733.022.519 đồng, trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu số tiền là 2.733.022.519 đồng, trích quỹ đầu tư phát triển số tiền là 2.733.022.519 đồng. Theo Biên bản họp HĐQT ngày 31/12/2022 về chủ trương xử lý các sai phạm về thuế, thông qua việc sử dụng lợi nhuận sau thuế để nộp thuế TNDN bị truy thu theo văn bản quyết toán thuế số tiền là 92.170.560 đồng.



Đơn vị tính: VND

19. 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
Vốn góp của công ty mẹ	498.739.460.000	79,25%	498.739.460.000	79,25%
<i>Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa quốc gia I.D.I</i>	<i>498.739.460.000</i>	<i>79,25%</i>	<i>498.739.460.000</i>	<i>79,25%</i>
Vốn góp của các đối tượng khác	130.611.580.000	20,75%	130.611.580.000	20,75%
Cộng	629.351.040.000	100,00%	629.351.040.000	100,00%

19. 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	629.351.040.000	460.054.130.000
- Vốn góp tăng trong năm		169.296.910.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	629.351.040.000	629.351.040.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		169.296.910.000

19. 4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	62.935.104	62.935.104
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	62.935.104	62.935.104
- Cổ phiếu phổ thông	62.935.104	62.935.104
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	62.935.104	62.935.104
- Cổ phiếu phổ thông	62.935.104	62.935.104
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

19. 5. Các quỹ của công ty:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	17.671.936.401	14.938.913.882
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	13.521.013.335	10.787.990.816
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	13.521.013.335	10.787.990.816
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.075.461.533	2.075.461.533

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dollar Mỹ (USD)	423.462,38	2.028.151,87
- Bảng Anh (EUR)		

b) Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán: Không có

20. NGUỒN KINH PHÍ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	10.263.385.100	10.263.385.100

Đây là nguồn kinh phí Bộ KH và CN cấp cho Công ty để thực hiện dự án "Hoàn thiện công nghệ và thiết bị sản xuất bột cá và bột nê-m từ phụ phẩm cá tra".

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	2.885.221.271.975	2.943.014.763.619
Doanh thu dịch vụ	54.515.134.622	56.720.132.954
Cộng	2.939.736.406.597	2.999.734.896.573

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03

02 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
Giảm giá hàng bán		5.091.179.788
Cộng		5.091.179.788

03 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.770.965.183.269	2.810.971.424.586
Giá vốn dịch vụ	42.948.812.655	45.725.703.969
Cộng	2.813.913.995.924	2.856.697.128.555

04 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	30.718.406.753	22.689.470.281
Lãi cho vay	10.192.484.000	3.834.449.603
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.835.282.576	6.490.262.879
Cộng	49.746.173.329	33.014.182.763

05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	60.897.297.334	53.948.378.777
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.145.930.062	6.240.699.301
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và tổn thất đầu tư	(367.237.833)	
Lỗ do bán khoản đầu tư	3.891	
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và tổn thất đầu tư		367.237.833
Cộng	68.675.993.454	60.556.315.911

06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
06 . 1. Chi phí bán hàng		
Chi phí nguyên, vật liệu	14.168.000	336.526.026
Chi phí nhân viên	1.639.753.250	1.652.395.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.123.242.780	9.713.159.734
Các khoản chi phí bán hàng khác	511.999.937	519.211.781
Cộng	8.289.163.967	12.221.292.741

06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.235.392.700	6.063.153.470
Chi phí công cụ, dụng cụ	40.905.736	1.390.186
Chi phí khấu hao	229.676.459	139.193.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.052.501.715	662.043.094
Thuế, phí, lệ phí	284.259.792	
Các khoản chi phí QLDN khác	4.568.215.870	2.373.518.035
Cộng	13.410.952.272	9.239.298.725

07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Các khoản khác	730.020.000	14.348.500
Cộng	730.020.000	14.348.500

08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Các khoản bị phạt	264.026.919	268.428.147
Các khoản khác	2.352.310.797	21.511.115
Cộng	2.616.337.716	289.939.262

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên, vật liệu	428.581.444.097	469.651.293.895
Chi phí nhân công	10.921.839.300	14.452.152.620
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.558.904.619	51.340.684.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.586.944.690	14.140.532.991
Chi phí khác bằng tiền	7.994.214.553	5.054.347.222
Cộng	509.643.347.259	554.639.011.086

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.992.611.909	8.569.313.392
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.992.611.909	8.569.313.392

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	75.313.544.684	80.098.959.462
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	62.935.104	55.909.177
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.197	1.433

12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	75.313.544.684	80.098.959.462
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	62.935.104	55.909.177
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.197	1.433

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN

VII . TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BC lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.177.863.136.048	1.754.772.138.873

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	2.250.269.199.609	1.682.146.173.028

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

03 . Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập và thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.643.127.000	1.506.005.000
- Lê Văn Lâm Tổng Giám đốc	743.342.000	653.500.000
- Lê Hoàng Cương Phó Tổng giám đốc	452.650.000	453.558.000
- Lê Quốc Mạnh Phó Tổng giám đốc	447.135.000	398.947.000
Thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt	583.200.000	322.200.000
- Lê Văn Chung Chủ tịch HĐQT	324.000.000	75.600.000
- Lê Xuân Quế Phó Chủ tịch HĐQT		64.800.000
- Nguyễn Văn Hưng Phó Chủ tịch HĐQT	64.800.000	64.800.000
- Lê Thanh Thuận Phó Chủ tịch HĐQT	64.800.000	58.500.000
- Trương Vĩnh Thành Thành viên HĐQT		58.500.000
- Hoàng Thị Thanh Thành viên HĐQT	64.800.000	
- Trần Hiếu Thành viên HĐQT	64.800.000	

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	Công ty mẹ
Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	Công ty CP Tập đoàn Sao Mai là công ty mẹ của Công ty CP Đầu tư & phát triển Đa quốc gia IDI

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
+ Công ty CP Đầu Tư và PT Đa Quốc Gia I.D.I :			
	- Phí xử lý nước thải	226.976.906	197.730.338
	- Thuê dây chuyền chiết chai	2.249.040.000	2.268.000.000
	- Hoàn trả tiền mượn tạm		5.000.000.000
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai			
	- Cho vay	214.700.000.000	189.300.000.000
	- Thu lại tiền cho vay	85.000.000.000	146.000.000.000
	- Lãi tiền vay	10.192.484.000	3.834.449.603
	- Thu tiền lãi cho vay	10.192.484.000	3.834.449.603

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản công nợ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải thu			
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	- Cho vay	173.000.000.000	43.300.000.000

04 . Thông tin bộ phận

Đơn vị tính: VND

a. Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Chỉ tiêu	Năm nay			Năm trước		
	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.556.445.342.822	383.291.063.775	2.939.736.406.597	2.584.322.689.866	410.321.026.919	2.994.643.716.785
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận						
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.556.445.342.822	383.291.063.775	2.939.736.406.597	2.584.322.689.866	410.321.026.919	2.994.643.716.785
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	38.383.479.794	87.438.930.879	125.822.410.673	36.886.177.347	101.060.410.883	137.946.588.230
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	(21.087.878.136)	(612.238.103)	(21.700.116.239)	(20.457.739.306)	(1.002.852.160)	(21.460.591.466)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			104.122.294.434			116.485.996.764
Doanh thu hoạt động tài chính			49.746.173.329			33.014.182.763
Chi phí tài chính			(68.675.993.454)			(60.556.315.911)
Thu nhập khác			730.020.000			14.348.500
Chi phí khác			(2.616.337.716)			(289.939.262)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.992.611.909)			(8.569.313.392)
Lợi nhuận sau thuế TNDN			75.313.544.684			80.098.959.462
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			3.931.101.038			4.788.611.045
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			50.509.572.876			52.021.417.277



CP/...
LIC...
TR...
AN...
VN

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	380.408.295.173	8.424.750.050	388.833.045.223	619.188.701.813	24.477.211.250	643.665.913.063
Tài sản không phân bổ			1.273.767.359.855			1.108.998.369.900
Tổng tài sản	380.408.295.173	8.424.750.050	1.662.600.405.078	619.188.701.813	24.477.211.250	1.752.664.282.963
Nợ phải trả bộ phận	58.789.042.384	793.360.214	59.582.402.598	126.354.101.105	793.360.214	127.147.461.319
Nợ phải trả không phân bổ			761.279.557.169			859.224.784.938
Tổng nợ phải trả	58.789.042.384	793.360.214	820.861.959.767	126.354.101.105	793.360.214	986.372.246.257

b. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh, chế biến và xuất khẩu cá, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

05 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

06 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 01 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



LƯU TRẦN TẤN

NGUYỄN GIA THUẬN

LE VĂN LÂM